

H0  
INDO-CHINOIS  
99

SÁCH VÀNG

DEPOT LEGAL  
INDOCHINE  
Nº 22010



THÁNH  
ĐỊA-LÝ  
*geographie*  
TẢ-AO  
*N.P.*



QUAN-VIÊN

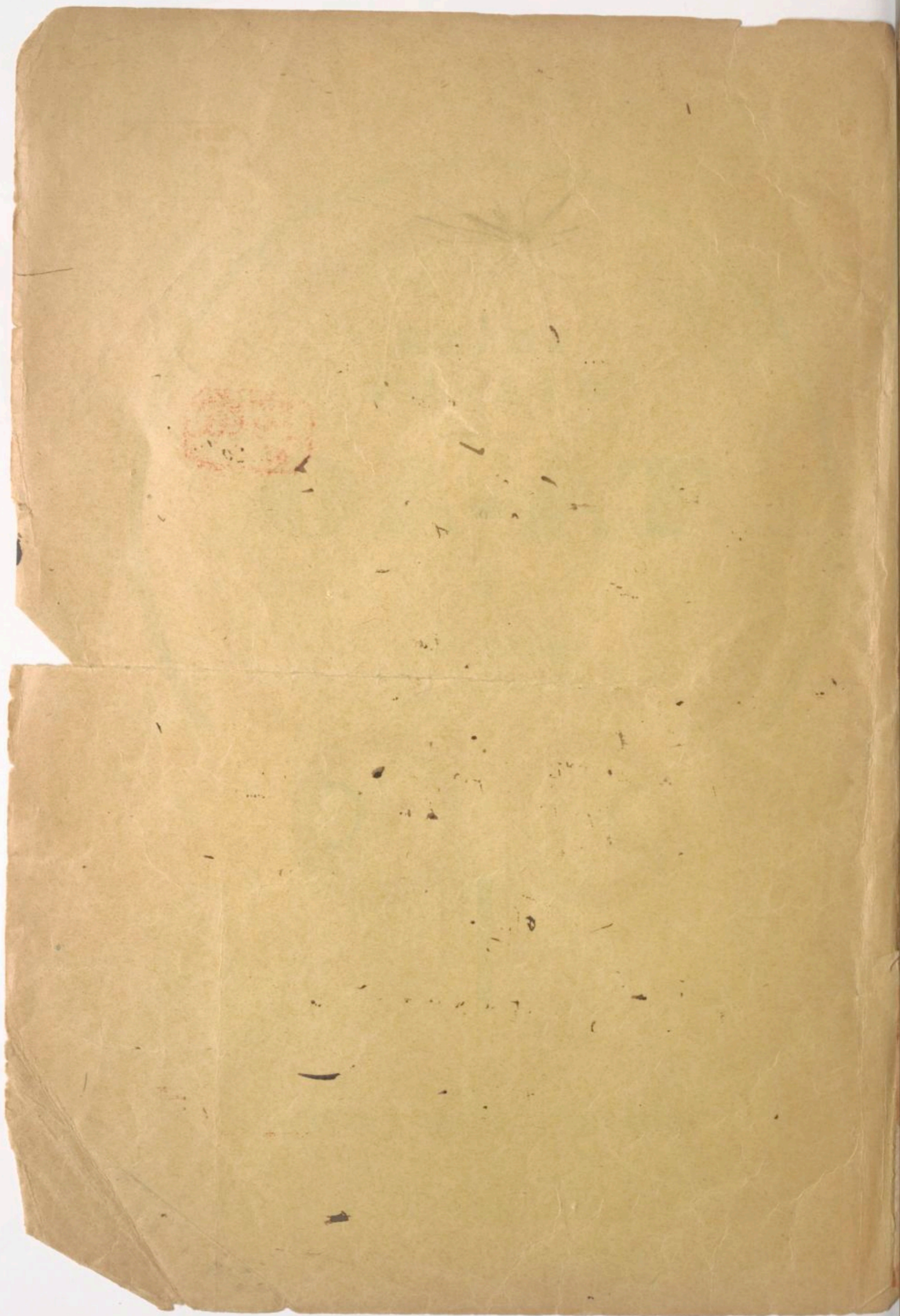


H0  
Indoch  
99

**EDITIONS MINH-PHƯƠNG**

Sách này có sửa lại và thêm vào rất nhiều truyện hay.  
Nhiều tranh ảnh đẹp. Trong sách có chân-dung tác-giả

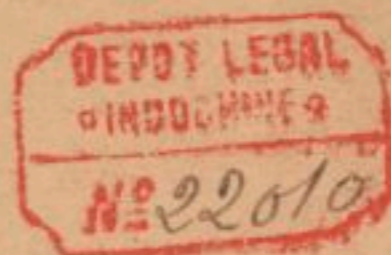
**Giá: 0\$ 25**



SÁCH VÀNG

# THÀNH-ĐỊA-LÝ TẢ-AO

LỊCH-SỬ TIÊU-THUYẾT



QUAN-VIÊN

TRANH VẼ CỦA NGUYỄN-VĂN-KHANH  
BẢN KHẮC CỦA ÍCH-CÁT



ÉDITIONS MINH-PHƯƠNG  
HANOI

410 Indoch  
99



M. TRẦN - TRUNG - VIÊN  
tự Cầm-Đài, biệt hiệu Quan-Viên

*Tác-giả những sách :*

Rạch-Đôi-Sơn-Hà, Tả-Ao, Cầu-Vồng-Yên-Thế,  
Quán-Bãi-Sậy, Tháng-Ba-Sấm-Động, Cờ-Nhân-Đàm-Luận,  
Đức-Thánh-Gióng, Văn-Đàn-Bảo-Giám (I, II, III),  
Tiếng-Lóng, Phong-Trần-Thảm-Sử (I, II),  
Chùa-Trôm, v. v...

---

*Cầm trích, dịch, phỏng theo, viết nối và diễn thành tích hát  
Tác-giả và nhà xuất-bản giữ bản-quyền*

**MINH - PHƯƠNG, Éditeur — 13, Rue du Coton, Hanoi**

---

## MÃY LỜI CỦA SOẠN - GIẢ :

Nay là đời khoa-học, lẽ cố-nhiên thuyết phong-thủy chẳng hợp thời, nhưng mục-dịch của kẻ chép truyện này cốt để khuyến thiện. — Trước là tôn cồ, sau, mượn truyện xưa để răn kẻ ác và khuyến-khích người lành. Vậy ai đã đọc, sẽ thấy có nhiều điều hay, có ích cho đạo sửa mình.

QUAN-VIÊN

### Tiểu - sử ông Tá - Ao

**C**hi là người con có hiếu với mẹ, mà trở nên thầy lang giỏi thuốc, lại giỏi cả môn địa-lý không ai sánh kịp.

Ấy là ông Nguyễn Đức-Huyền, người làng Tá-Ao, huyện Nghi-Xuân, tỉnh Nghệ - An.

Xuất nước Ta, từ trong Nam ngoài Bắc, từ nhà quê cho đến kẻ chợ, từ ông cụ-học cho chí ông tân-học, nói đến ông Tá-Ao, ai cũng phải biết là thầy địa giỏi nhất ở nước Ta về đời vua Lê chúa Trịnh.

Thực ông đã nổi danh là bậc dị-nhân, sử sách còn lưu-truyền tấm-tiếng.

Thuở nhỏ nhà nghèo, cha mất sớm, mẹ lại lòa, có một anh trai cũng nghèo sơ nghèo sác.

Thấy mẹ ra vào phải người dắt, với lấy cái gì cũng phải dờ-dẫm, ngày tối như đêm, suốt năm mãn tháng, đạo làm con thấy cha mẹ như vậy, ai chẳng đau buồn.

Chẳng lẽ ngồi đó mà nhìn mẹ như vậy, quyết trí đêm ngày tìm thuốc thang chữa cho mẹ khỏi lòa mới nghe.

Đêm ngày cầu khẩn đất trời, cho được gặp thầy gặp thuốc.

Lòng hiếu-thảo đã động tới trời, nên gặp người may của may đưa lại.

Ở phố Phú-Thạch có một thầy Tàu, nổi danh về khoa chữa mắt. Nhưng ngặt một nỗi tiền đâu mà mời thầy lấy thuốc. Cái nghèo khó nó bó cả mọi đường.

Nhưng không lẽ thầy Biền-Thước, thuốc Hoa-Đà, sẵn đó mà lại chịu. Cố-nhiên, không tiền phải nghĩ cách « xoay ».

Nhưng định xoay cách gì ?

Thì đánh liều, cứ đến nhà thầy Tàu, kể rõ tình đầu, mẹ lòa cảnh khó, xin ở không công với thầy, giúp đỡ mọi việc, rồi nhờ thầy truyền cho ít nhiều nghề thuốc, để về chữa lấy cho mẹ.

Trí đã quyết, không nề sự cực-khổ, miễn sao được toại ý là cam lòng.

Thầy Tàu nghe rõ gót đầu, khen ông Huyền là người con chí hiếu, bằng lòng nuôi ông giúp đỡ mọi việc trong nhà.

Thấm-thoát đã bốn tháng trời, khi ăn ở, lúc ra vào, xét ý-tử, thầy Tàu thấy ông là người có trí, lại khôn-ngoan, lanh-lợi, lễ-phép, thông-minh, rõ ra một người tài-hoa phong-nhã.

Thấy ở đã lâu ngày, mà thầy Tàu chưa bảo qua tí gì về nghề, chỉ biết có việc ở nhà thì tán thuốc, viên thuốc, ra ngoài thì phải theo hầu bên cạnh thầy, mấy lần đã xin với thầy chỉ bảo cho ít nhiều, nhưng thầy chỉ ừ hử hện lần.

Đối với người khác, thế thì nản, ngã lòng, nhưng ông Huyền vẫn bền gan sắt đá.

Đã được hai năm, thầy ngỏ ý bảo cho biết, sắp phải về Tàu, không muốn ở bên này nữa, vì kiếm đã khá của bên Ta rồi, muốn trở về quê quán.

Thầy đi, trò quyết một lòng xin theo, dù xa cách thiên sơn vạn thủy, cũng xin giốc lòng quyết trí. Thầy cũng phải khen hoài là người hiếm có.

Đến kỳ thầy về Tàu, ông về nhà xin phép mẹ và anh, để theo thầy sang Trung-quốc, mặc dầu mẹ và anh gàn trở, ông nhất định khăng khăng một mực, quyết đi học được nghề thuốc về chữa cho mẹ lành mắt, để tuổi già được sung-xướng mới nghe.

Quyết lòng, rút áo ra đi, lấy hết can-dảm cầm đôi hàng lệ, khi ly-biệt...

Ròng-rã 1 tháng trời, xuống thác lên ghềnh, theo thầy học nghề, kể sao xiết nỗi dặm trường, phong cảnh quê người, như dục lòng khách tha-hương, tình cố-quốc.

Gió bắc hắt-hiu, đường đi cao thấp, thấy cảnh Nam chim đậu, như kêu gọi nỗi buồn!...

Nhưng ông Huyền chỉ chăm-chú vào một việc: học nghề thuốc cho chóng thành tài, về chữa cho mẹ lành mắt; nên những cảnh bên đường, dù có cố tình kêu gọi nỗi buồn, ông cũng bỏ qua không bợn đến.



THEO THẦY SANG TÀU

Đã tới quê thầy, ở đây lạ nước lạ non, lạ người lạ cảnh, nhưng đối với ông Huyền, không có chút chi là ngại.

Bấy lâu ông ở với thầy, tiếng Tàu đã thạo, lại ăn mặc Tàu, ai còn biết ông là Nam hay Khách ; trừ ra thầy có nói cho ai hay thì người ấy mới rõ.

Thấy người bèn tri, thử đã đủ cách rồi, không cách nào làm cho anh học-trò ấy nản lòng được, bấy giờ thầy Tàu mới bắt đầu giầy nghề.

Được thầy chỉ bảo rồi, ông Huyền nức giã hả lòng, ngày đêm học tập, đem hết trí sáng xuất ra học, chẳng bao lâu đã thay mặt thầy đi chữa các người đau mắt.

Tuy vậy, mà người Tàu vốn tinh thiềm, tuy là giầy ông học nghề đã thành tài, nhưng còn những môn bí-truyền chưa chỉ hết.

Ông Huyền cũng hiểu vậy, biết làm sao, đành phải đem những điều sở-đắc, và sự kinh-nghiệm, với trí khôn, tài riêng ra mà khám-phá các sự bí-mật trong nghề.

Muốn là phải được. Quả nhiên, ông thay mặt thầy đi chữa thuốc, kinh-nghiệm mãi, ông khám-phá gần đủ được các trứng đau mắt hiềm-nghèo, đau mắt oái-oăm tới đâu, ông tìm phương chữa mãi cũng phải khỏi, chỉ có chóng với chầy.

Thầy thấy trò có biệt tài thế, cũng phải lấy làm lạ, trước còn dấu các môn bí-hiềm, sau rồi thầy cũng chỉ cho tất cả.

Ông Huyền từ đó nổi danh ở đất Quảng-Đông bên Tàu, chữa đám nào khỏi đám nấy.

Mười phần đã chắc cả mười, yên trí phen này về có thể chữa khỏi mắt cho mẹ được, liền xin phép thầy về nước, và xin cam-doan rằng : nếu chữa khỏi mắt mẹ rồi, lại xin sang hầu-hạ thầy, không dám bội-bạc, xuất đời xin ở hầu thầy, bao giờ thầy trăm tuổi mới sẽ về nước.

Thấy người hiếu nghĩa đủ đường, thầy bằng lòng cho ông Huyền về Ta, và cho hai viên thuốc, bảo cách, khi về cứ thế mà chữa, thì mắt bà cụ thể nào cũng khỏi. Ông Huyền lạy thầy cáo biệt ra đi.

Dậm trường vắng-vã, cảnh bên đường như nhắc tấm lòng thần-hôn, thành xây khói biếc, non phôi bóng vàng, trông đám mây Hàng xa xa, luống thôn-thức nhớ người tựa cửa...

Mà chẳng hay, trong mấy năm xa cách mẹ già, anh lớn, tới nay quang-cảnh nhà ra sao, nhà huyền biết có còn ơn tuổi thọ ? gia-huynh biết có lần hồi đủ ăn ?

Càng nghĩ càng mong, càng mong đường càng giải lãng-lắc, bao giờ cho về tới quê nhà.

Mỗi gói chồn chân, đi mãi cũng phải đến.

Tới nhà, cảnh còn như cũ, mẹ lòa như xưa, anh lớn nghèo sắc-sơ, sớm ngày nuôi mẹ, càng trông thấy cảnh càng đau-đớn lòng !

Mẹ và anh thấy ông Huyền về, xiết bao mừng mừng tủi tủi, một nhà xum-họp, kể hết nỗi hàn-huyền mọi bề.

Từ hôm đó, ông Huyền đem hết tài học và sự kinh-nghiệm ra chữa mắt mẹ, lại nhờ có hai viên thuốc của thầy cho rất thần-hiệu, nên chỉ trong vòng có một tháng mà bà cụ

đã khỏi hẳn lòa, nom tỏ rõ như mọi người. Cái mừng vui ấy, biết lấy dấu nào mà đong, biết lấy bút nào mà tả ra cho hết...

Theo tục ta, hay đọc tránh tên húy, nên ông Huyền đã thành tên ông Tả-Ao, và người ta đồn rầm : ông học được thuốc tiên về chữa các bệnh mù lòa. Cái tên làng Tả-Ao đã gọi thay vào tên Nguyễn-Đức-Huyền, thì làng Tả-Ao từ nay cũng được cái danh-dự nổi tiếng từ đây, cũng như cụ Nguyễn-Khuyến nổi tiếng thi-hào, cụ vốn quê ở làng Yên-Đồ, nên người ta gọi ngay cụ là Tam-Nguyên Yên-Đồ. Cái tiếng Yên-Đồ lại to danh hơn tên thực Nguyễn-Khuyến.

Cái tên Tả-Ao nổi tiếng khắp vùng Thanh, Nghệ. Những kẻ bị mục-tật đều kéo nhau đến nhờ ông chữa.

Giàu thì lấy tiền, nghèo thì làm phúc, ông Tả-Ao sẵn lòng chữa khỏi hết. Tiếng ngày càng to, cảnh gia-đình ông đã thấy từ nay dễ chịu, mẹ và anh bao xiết nổi vui lòng.

Nhưng còn lời hứa với thầy, bao giờ chữa khỏi mắt mẹ, thì lại xin sang Tàu, người quân-tử phải trọng chữ tín, lẽ nào vì chút lợi nhỏ, dám bội nghĩa vong ân.

Cơ-sự này phải thưa thực với mẹ cùng anh, nhưng sau mấy lời phân-tỏ, mẹ và anh khóc lướn-mướn, cố gàn lại không muốn để ông đi.

Bên hiếu-thuận, bên ơn-nghĩa, hai bên cùng nặng tình cả, biết nghĩ sao cho vẹn đôi đường ?

Đành ở nán lại ít ngày, rải tỏ mọi đường hơn thiệt để mẹ khuấy lòng, và truyền cho anh ít nhiều môn thuốc, để anh ở nhà chữa bệnh, kiếm tiền nuôi mẹ.

Chẳng có thể kéo dài ngày ở lại mãi mà chỉ nghề cho anh được, nên chỉ bảo qua-loa chữa các bệnh đau mắt thường, rồi thì nhất định xin phép mẹ và anh ra đi, không ai ngăn-cản được.

Vó câu lại thẳng ruổi nước non quê người, ngày đi đêm nghỉ, lòng mong sao cho chóng gặp mặt thầy để lạy tạ đền ơn...

Đã đến quê thầy, lòng mừng khắp-khởi, khi giáp mặt, liền phủ phục lạy tạ ơn thầy, kể hết những điều từ khi cách-biệt.

Thấy tên học-trò có nghĩa, có ơn, có hiếu, thầy Tàu cũng cảm lòng mà khen ngợi.

Từ đó ông Tả-Ao ở luôn bên thầy hầu-hạ học tập. Chẳng bao lâu thầy bị ốm yếu luôn, không đi đâu được, nên bao nhiêu khách bệnh đều giao-phó cho học-trò chuyên-chữa. Ông Tả-Ao phen này đã thực quá lành nghề, nên chữa đâu khỏi đấy, dù ai đau mắt hiểm-nghèo tới bực nào, ông cũng chữa khỏi được, mà lại rất nhanh, có phần « mát tay » hơn thầy nhiều.

Gần miền có một thầy địa Tàu chính-tông, họ Quách, tự nhiên mắc bệnh thanh-manh, rồi thì mù lịm cả hai mắt. Nhà thầy địa rất giàu, mà lại không con kế tự, có hai vợ rất đẹp. Thầy địa rất lấy làm bực quá, mất hết thú-vui ở đời, đương được hưởng bao nhiêu sự khoái-lạc, nay bỗng tối như đêm, dầy như đất, thầy liền « rao hàng » : xin bỏ một nửa gia-tài cho kẻ nào chữa khỏi được mắt thầy.

Cũng là số ông Tả-Ao đến ngày được thêm tài thêm nghệ, nên thầy địa Tàu nhờ



người đến tìm mời ông lại chữa, và làm giấy xin nhượng nửa cơ-nghiệp, nếu ông Tả-Ao chữa khỏi mắt thầy địa.

Không đề lễ cơ-hội, ông Tả-Ao liền nhận lời, chữa mới có 16, 17 hôm mà mắt thầy địa đã mười phần khỏi tám, ngoài một tháng thì nom như xưa. Thầy địa giữ lời hứa, xin biểu nửa cơ-nghiệp.

Nhưng ông Tả-Ao là người tinh đời, biết là thầy địa chính-tông, bèn từ chối, không nhận tiền tài, chỉ xin dạy cho nghề địa-lý.

Thấy người hảo-tâm, lại có tài, có trí, thầy địa nhận lời, xin chỉ bảo đủ hết mọi đường, không dám dấu một ly.

Từ khi thầy địa Tầu khỏi mắt, thì vợ cả thầy lại sinh được một cậu con trai, mặt mũi khôi-ngò tuấn-tú. Thầy địa càng cảm ơn ông Tả-Ao khôn xiết.

Thì còn cách gì trả ơn bằng cách đem hết các điều sở-dặc ra dạy lại ông thầy chữa khỏi bệnh lòa cho mình.

Một năm, hai năm, ba năm, hết học sách, lại đi ra các sông núi, rừng rú, hồ-ao, đồng ruộng, chỉ hết các kiểu đất, thế nào là thủy, hỏa, mộc, kim, thổ, thế nào là long-triều, hồ-phục, thế nào là thai, nhạc, mạch, phụ; học đến đâu, Tả-Ao như chôn vào ruột đến đấy, khi phân kim cảm huyết chẳng sai nơi nào.

Thực là thông-minh dĩnh-ngộ, thầy địa lắc đầu khen.

Nhưng muốn biết ông Tả-Ao đã thực giỏi đủ điều chưa, một hôm thầy địa ra một bãi cát rộng, cào cát làm ra hình sông, núi, đầm, ruộng, thành ra một trăm kiểu đất khác nhau, mỗi kiểu đất có một huyết, mỗi huyết yểm một đồng tiền xuống dưới cát; rồi giắt ông Tả-Ao ra đó, đưa cho một trăm cái kim, bảo ông tìm huyết, ngấm hình thế các kiểu đất, mà cắm mỗi kim vào một huyết.

Sau một cuộc ngấm xét kỹ-càng, ông Tả-Ao cắm hết một trăm cái kim, thầy địa Tầu, bới cát ra xem, thì thấy chín mươi chín cái kim cắm trúng vào dĩa đồng tiền cả, duy có một huyết Đế-Vương, kiểu đất, thế to và khó nhất, thì ông Tả-Ao cắm ra ngoài lỗ đồng tiền, nhưng cũng sát ngay bên cạnh đồng tiền, tức là huyết ấy; thầy địa bèn nhìn ông Tả-Ao, thở dài mà than rằng:

— « Thôi thế là nghề của ta sang nước Nam mất rồi. »

Mà ông Tả-Ao cũng từ hôm đó, mới tin là mình thực học đã thành tài, nhưng vẫn lại nhà thầy địa, cầu chỉ-bảo thêm cho.

Thì chợt thầy Tầu giẫy thuốc chết, ông thương-cảm vô cùng, cũng khăn trắng chịu tang, lo việc tống-táng, rõ ra tình sư đệ chí thân.

Sống thì lâu, chết thì chóng, ngoảnh đi ngoảnh lại đã năm mươi ngày, rồi trăm ngày, rồi đã giỗ đầu. Ông Tả-Ao bỏ tang, rồi lo sắp sửa về nước.

Trước khi từ-giã nước Tầu, từ-giã quê thầy, ông còn sang ở ít lâu bên nhà thầy địa, cầu xin chỉ bảo cho nốt các điều bí-hiêm.

Đối với một người ân-nhân, thầy địa xin truyền hết các câu trù: hỏ thần, tróc quý. Lại kính biểu một cái « tróc-long » và một cái « địa-bàn », để về nước có đủ đồ cần dùng làm việc.

Thế là ông Tả-Ao có hai nghề « thánh » nắm chắc trong tay rồi, đi tới đâu cũng chẳng còn lo đói, mà muốn làm giàu ngay cũng dễ như chơi.

Dân nước Annam thời bấy giờ hay mê-tin, đồ xô vào đường công-danh phú-quý, mà thứ nhất về đường khoa-mục, nẻo công-hầu; thì ông Tả-Ao về nước chỉ tìm nhà đại-phú nào để cho một ngôi mả, nội nhật trăm ngày phát ngay trông thấy, ông cũng đủ phong-lưu một đời.

Nhưng ông là người biết trọng nghề mình, không mỗi lúc bán rẻ được.

Mà không những ông biết trọng nghề, mà ông còn biết đem cái tài nghề của ông ra, thưởng các người phúc-đức nhân-hậu, phạt các kẻ độc-ác bất-nhân, quá tham danh chuộng lợi.

Chỉ đáng phàn-nản một câu : nhiều cái thưởng của ông thực quá đáng, mà nhiều cái phạt của ông cũng quá đáng, rồi ta xem các truyện sau đây sẽ rõ.

Ông từ khi về nhà, thiên-hạ kéo nhau tới nhờ ông chữa bệnh, nhờ ông đề mả, nhưng ông chỉ chữa bệnh, còn đề mả thì tuyệt nhiên không đề cho ai vội.

Một người làng Lị đau mắt đã lâu, nhờ ông chữa khỏi, ông không lấy tiền, không biết lấy cách gì đền ơn được, xin đem con gái gả cho ông, ông thấy người con gái phúc-hậu, nên cưới làm vợ.

Phàm người ta luôn luôn làm điều thiện, không có một mảy ác-tâm nào, thì bao giờ cũng thấy trong mình sung-xương, khoan-khoái, lương-tâm không phải bận-bịu cần-rứt bao giờ.

Ông Tả-Ao được là người như thế.

Nên những khi thư-nhàn, ông tự cho là người sung-xương nhất trần-gian, khi bầu rượu, túi thơ; khi dịch-kỳ, ngoạn-nguyệt; đủ mùi thi, họa, ca, ngâm.

Một khi rảnh việc, qua chơi núi Hồng-Lĩnh, mãi nhìn non nước hữu tình, chợt nhận thấy một kiêu đất « cửu-long tranh châu » (chín con rồng cướp hòn ngọc) mà huyệt ở ngay chỗ chân đứng; ông tự ngẫm-ngĩ : hay là trời định cho ta đất này, sao bỗng đứng ta lại tới đứng nơi đây, nhằm nơi dễ-huyệt.

Vân-vơ ngẫm nghĩ, ngẫm trước nhìn sau, thực quả là một kiêu đất rất quý, không nhẽ bỏ qua cho đành.

Thà rằng chẳng biết, đã biết đến nơi, lẽ nào lại hoài bỏ.

Thì trí đã quyết, nhất định về bàn với anh, rồi cất ngôi mộ ông thân-sinh vào giữa huyệt trên núi. Công việc êm-thắm, chỉ có hai anh em biết. (1)

Năm sau người anh sinh đặng một trai, và ông cũng sinh đặng một cậu ẵm. Hai cậu đều mặt mũi sáng-xủa, có vẻ thông-minh lạ-lùng. Thứ nhất cậu con ông, thì thực là dị-tướng trông thấy, đối với trẻ thường, thực khác xa một trời một vực. Mới lên một tuổi đã nói sõi, lên hai đã có tri sáng-xuất, không ai đánh lừa được điều gì, lên ba

(1) Đời truyền lại rằng: vì ngôi đất ấy to quá, nên sau khi đề mả, ông Tả-Ao bị lóa mắt một bên mắt — Sắt rồi mới phát. — Thực hay chẳng, cũng không quan-hệ lắm.

giấy chữ đã học được rõ-ràng, không quên bao giờ, học đâu nhớ đấy. Mặt mũi càng ngày càng trắng-trẻo, nụ-bẻ, sáng như gương.

Ông Tả-Ao quý như nén vàng, rồi luôn hai năm sau, ông lại sinh được hai cậu con trai nữa, nhưng mặt mũi không được khôi-ngô như cậu con đầu lòng. Cảnh gia-đình ông hòa-vui khôn-xiết.

Từ khi ông đề được ngôi mộ ông thân-sinh vào huyết quý ấy, thì các thầy địa chính-tổng bên Tàu, đêm xem thiên-văn thấy các vì sao to đều châu cả về phương Nam, thì biết rằng bên Nam có người được đất; liền hỏi nhau xem ai là người đã đề đất cho người bên Nam như vậy, sau hỏi rõ ra, mới hay đầu đuôi câu chuyện ông Tả-Ao sang Tàu học địa-lý là như thế. Họ bèn làm sớ dâng lên vua Tàu, tâu rõ tình-hình như vậy, vua sai các quan Khâm-thiên-giám, đêm xem thiên-tượng, thì quả có như vậy. Vua Tàu liền hạ lệnh cho người thầy địa Tàu đã giẫy người Nam (Tả-Ao) làm đất đó phải sang Ta tìm cách mà triệt đi, nếu không, sẽ bị khép vào tội phản-quốc và chu-di tam-tộc.

Trên thì lệnh vua nghiêm-ngặt, dưới thì nghĩ tới ơn xưa ông Tả-Ao, thầy địa Tàu (thầy ông Tả-Ao) thực là phân-vân khó nghĩ.

Nhưng tấm lòng ái-quốc, ái-chúng, bao giờ cũng đánh đổ được các lễ khác.

Thầy địa Tàu bèn sai con trai sang Ta tìm đến thăm ông Tả-Ao, đề tìm cách triệt ngôi mộ đất nhà ông.

Bấy lâu xa cách, nay gặp con thầy sang chơi, ông Tả-Ao hết sức vui mừng, lưu ở nhà tiếp đãi ân-cần, đêm ngày kính-trọng.

Nhưng có ngờ đâu họ bụng người mà giả... khuyển.

Ở mấy hôm, tên Khách (con thầy địa Tàu) hỏi dò-la manh-mối, biết được chỗ táng ngôi mộ quý ấy ở núi Hồng-Lĩnh, và xét người con trai lớn ông Tả-Ao, có tướng phi-thường; liền lẫn-mò tới núi Hồng-Lĩnh chơi, dùng phép yểm bặt ngôi mộ ấy lên, làm đứt long-mạch, rồi dùng thuốc mê giết người con trai lớn ông Tả-Ao về Tàu mất.

Ông Tả-Ao bị miếng này, đau hơn hoạn, vừa mất mả bố, vừa mất con, đêm ngày ông chỉ khóc, đã có ý chán đời, buồn teo rầu-rĩ; góm cho cái đời đen-bạc đến thế là cùng, lấy ân làm oán, xưa cứu người, nay người nỡ hại mình tàn-nhãn đến như vậy, cho hay giống ấy là quân độc-hiềm, tối dã-man!

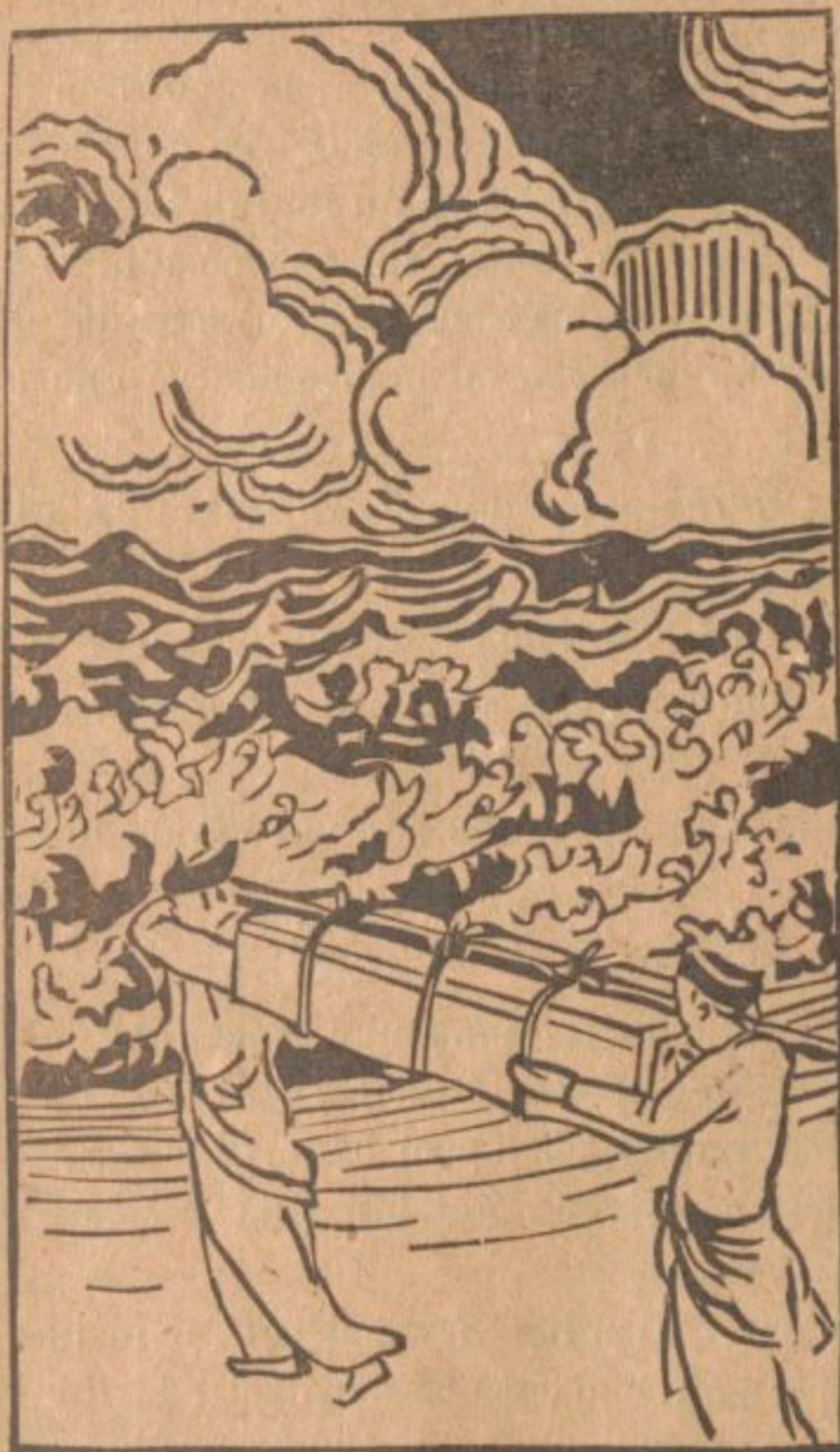
Họa vô đơn chí, chưa xong việc nợ đã dồn sự kia, bà mẹ tự nhiên mắc bệnh, chạy chữa mãi không khỏi, rồi mất! Cái đau-đớn của ông thực là đến cực-diềm!

Làng Tả-Ao ở gần bãi-bè, hôm ấy ông bỗng thấy điềm lạ, nước biển réo sôi âm-âm như sấm, trời đất tối tăm cả lại, ông ra sân xem thiên-tượng thì bao nhiêu huyền-cơ Tạo-hóa ông đều rõ biết cả, tại sao mà trời đất có điềm lạ vậy. — Vì ông biết phép vọng-khí.

Thì ra gần làng ông có huyết hàm rồng, cứ năm trăm năm mới há miệng một lần, mà mỗi bận há ra như vậy, chỉ trong một giờ, nên trời đất tối-tăm, nước biển réo sôi như vậy.

Ông quên hết nỗi thương-cảm, nghĩ đến việc nhà nghề, không lẽ biết như vậy mà bỏ lỡ dịp may này, và 500 năm mới có một lần, phải định mau, không lỡ dịp.

Ông liền vào nói qua cho anh hay mọi nhẽ, rồi hai anh em khiêng áo quan mẹ kịp chạy ra bãi biển, ông hô thần niệm chú, chực vớt áo quan mẹ xuống bể, thì người anh sợ quá, và thương mẹ không nỡ lẳng sác mẹ xuống biển như vậy thì không đành lòng, nên cứ ôm lấy áo quan mẹ mà khóc, không cho em quẳng xuống.



HAI ANH EM TẢ-AO KHIÊNG QUAN-TÀI  
MẸ RA BÃI BÈ

Ông lay van anh, nói hết mọi điều cho anh rõ, thế nào cũng không được, ông ngửa mặt lên trời mà than rằng: « Thế này thực là việc trời đây, trời không cho ta, ta có nghĩ lắm, cũng chỉ uổng công, thực là miếng ngon kề miệng, mà phải bỏ thế này, đau-dớn cho ta biết mấy! Mẹ ta mà được nằm nơi này, thì xương cốt tốt tươi biết mấy. — Chỉ vì anh con không hiểu thiên-văn địa-lý, chỉ biết một nhẽ, nên giữ mẹ lại thế này, thực đau lòng cho con quá đỗi, xin mẹ tha thứ cho con! »

Ông vừa nói xong thì ầm một tiếng như sục đất, trời lại sáng-xua như thường, nước bể đứng yên xanh ngắt, mà chỗ huyết xấu trước mặt ông, đã nổi lên một cái bãi cát cao.

Ông vớ áo quan mẹ, dẫm chân kêu trời, mà chỉ vào bãi cát ấy, bảo anh rằng: « Thôi thế kia là hàm rồng ngậm lại rồi, 500 năm nữa mới lại há miệng trong 1 giờ, giá anh để em táng mẹ nơi đó, thì có phải bây giờ mẹ đã nằm yên trong bãi cát kia, còn sợ gì nước bể, sợ gì ai yểm-phá nữa ».

Người anh bấy giờ mới chép miệng thở giải, nhưng đã quá muộn! Hai anh em lại khiêng áo quan mẹ về làm ma an táng nơi khác, chẳng được nằm nơi huyết nào to cả, vì gần đấy chẳng còn nơi đất quý.

Cuộc đời từ đấy đối với ông, thực là vô-vị, ông lạnh-lẻo với hết thầy mọi người, từ anh cho chí vợ con. Cả ngày chỉ đi ngao-du sơn-thủy, không chữa bệnh cho ai nữa, có họa chỉ ông anh thì còn giữ nghề làm thuốc đau mắt để làm sinh-kế trong gia-đình. Ông phó mặc cả vợ con ở nhà, ông chỉ đi suốt ngày lang-thang, cái ô và một khăn gói, ông tự tin mình có hai nghề thánh, nên đi tới đâu cũng không quân tới việc ầm no.

Nghe danh ông Tả-Ao, ai cũng mến, ai cũng muốn đón về nhà, nhưng ông tùy

lừng nơi mới ở; thực như ông tiên, ông ở nhà nào, thì nhà ấy hẳn là có phúc lắm mới được.

Vì vậy tới đâu, ông cũng giấu tên, ăn mặc lôi-thôi lốc-thốc, chợt ở, chợt đi, không chừng, chẳng còn ai biết ông hẳn ở đâu mà đón rước.

Những nơi gò, đồng, đình, quán, chùa, chợ, ấy là nơi ông trú-ngụ.

Nhiều nơi dâng vàng bạc mời ông lấy, để giữ ông ở lại, ông cũng chỉ lấy in-it đủ nuôi thân, rồi ông lại đi, nhưng thực phải thành tâm lắm, ông mới lấy cho.

Thực là nhất nghệ tinh, nhất thân vinh; hưởng hồ ông những... nhị nghệ tinh.

Mà vô-phúc cho làng nào, hay nhà nào, lại ra ý khinh-bĩ ông, ruồng-đuổi ông, hoặc anh nào có ý kiêu-hãnh, tham danh, chuộng lợi, bắt nạt bắt nghĩa, gặp ông không biết, dở lối thị phú khinh bần, bắt lương, gian ác, thì ông cho biết tay ngay, làm cho trông thấy nhỡn tiền; bị khốn bị khổ, phải đi tìm ông lạy van, cầu-cứu, ăn-năn tạ tội, bọạ là ông mới giải-thoát cho.

Được gặp ông còn là may, vô-phúc ông lại bỏ đi biệt mất, thì thực là chết dở.

Ông đã phạt anh nào hay làng nào, thì thực là chí nguy, lắm cái phạt quá đáng. Mà ông đã thưởng ai thì ông chỉ cho biết cái tài ông một tí, cũng đã đủ thấy vẻ-vang sung-xương, nhưng nhiều cái ông cũng thưởng quá lạm.

Mà cứ ai cầu sao được vậy, nói sao ra thế, nên nói đến tên ông, thì nhiều người cũng hi-hửng, gặp ông như được của, mà lại cũng ghê ông, chỉ sợ lằm-lỡ điều gì thì khốn.

Suốt đời ông như vậy, cứ lang-thang các vùng Thanh, Nghệ; lại ra Bắc, đi « chu-du » suốt các tỉnh, bao nhiêu kiêu đất hay, ở những đâu, ông đều tỏ rõ, ai có phúc lắm mới gặp ông ra mặt làm ơn. Thứ nhất tỉnh Bắc-ninh có nhiều huyết quý, nên ông hay đi lại các vùng Lữ-liêm, Đông-ngàn, Siêu-loại, Gia-lâm, Gia-quất, luôn luôn thấy mặt ông ở các vùng đó.

Ở Bắc-ninh nhiều kẻ đã được ông « tác phúc » cho, đến nay vẫn còn ghi vào gia-phả, nhớ ơn ông.

Ông thọ 65 tuổi mới chết; khi sắp chết ông về quê nhà, tìm lấy huyết, ở xứ Đông-Khoai, gọi là kiêu đất: « nhất khuyển trực quần dương » (một con chó đuổi đàn dê); sai hai con đào huyết, rồi về khiêng mình ra đó.

Kiêu đất này, chỉ trong ba ngày, ông sẽ thành địa-tiên, con cháu sau cũng sẽ thành tiên hay đạo-sĩ, pháp-thuật cao-cường cả.

Xem vậy đủ biết trí ông.

Nhưng cồ-kim, muôn việc đều mưu ở người, mà thành ở trời, nên dù ông khôn ngoan giỏi-dang tới đâu, cũng không sao đoạt được thiên-số.

Hai con trai đào huyết xong, về khiêng bố ra, nhưng mới đến nửa đường, thì ông đã sắp tắt nghỉ, không kịp đến huyết để ông phân kim lấy. Ông bèn chỉ sang cái gò bên đường, bảo hai con đẩy là ngôi « huyết-thực » (được hưởng người cúng tế), hãy khiêng lại đấy mà táng cho xong.

Hai con khiêng ông lại cái gò, ông nằm xuống đất, phân kim lấy, rồi ông chết, hai con cứ nguyên thể mà chôn ông xuống, quả nhiên sau ông được làm phúc-thần ở làng.

Thể mới biết câu : « phúc địa đãi phúc nhân », và câu : « tiên tích phúc, hậu tâm long », là đúng.

Ông có để lại đời bộ sách : Di-Ngôn-Dã-Đàm và nhiều bài thơ, với những câu ca về các kiêu đất quý chưa ai đề, rất hay ; lại có làm ra nhiều bài về giậy các con làm địa-lý, đến nay còn truyền-tụng. Văn-chương ông xem cũng hay lắm. (xem mấy bài tác-giả đã sao-lục được ở cuối sách này).

Như ông Tả-Ao là tay địa-lý giỏi nhất nước ta, ai ai cũng biết tiếng, tài giỏi đến thế là cùng, thế mà chỉ làm phúc cho người, chứ nhà mình thì không sao làm được, con cái vẫn nghèo khổ, suy đó thì biết : phải có phúc mình và lộc trời cho mới được, chứ tự nhiên mà cầu thì không sao có.

Muốn có sự thực hơn, thì ta cứ tu nhân tích đức cho đầy, thì vạn sự hay đều được.

Nhân nào quả ấy, quả nào nhân ấy, trồng đào lên cây đào, trồng mận lên cây mận, lấy hạt tốt thì phải lên giống tốt, đó là lẽ tự-nhiên, đều do nơi mình mà ra cả, ta cứ xét kỹ, sẽ rõ thấy cơ trời, chẳng có chi lạ, muôn sự đều do cái bản-ngã xui nên.

Nay tạm chép ít việc đề mả của ông Tả-Ao, khi thưởng, khi phạt người ; đời khoa-học nay cho là những sự huyền-hoặc mê-tín, nhưng các truyện sau đây chỉ là khảo-cứu, và là truyện mua vui, xét ra có nhiều truyện cũng có thể cảnh-lĩnh cho đời, cho những kẻ còn mê-man trong giấc mộng công-hầu đôi chút.

Kể truyện Tả-Ao đề mả thì nhiều vô kể, nơi nào cũng có đề kiêu lại, xuất vùng Thanh, Nghệ, Tĩnh và các tỉnh Bắc-Kỳ dễ không còn sót nơi nào là ông không đi đến. Nay chỉ chép những truyện hay và vui để làm mấy thiên « thập điều khuyến thiện ».

### Tha hồ đề đầu đề cổ

**M**ỘT khi ông Tả - Ao đến làng kia, thấy các cụ đang đánh chén họp việc làng ở đình.

Trong bọn kỳ-mục có kẻ biết mặt ông Tả-Ao, liền ra mời ông vào sơi rượu.

Ông cũng nể lòng, rẽ vào đình lễ thần, và nhấm-nhót qua-loa, đề chiều lòng người cho xong chuyện.

Các cụ vẫn nghe danh ông Tả-Ao là thầy địa giỏi, khi rượu đã chén-choáng, các cụ mới hô-hô nói :

— Nào, hôm nay được gặp cụ Tả đây, bấy lâu vẫn kỳ danh, bất kiến kỳ thực, cụ đã qua đây, nhân thể dân chúng tôi sắp chữa đình nay mai, vậy nhờ cụ đề hướng

đình thế nào cho làng tôi nhiều khoa-mục, cho thiên-hạ sợ, thì chúng tôi mới phục cụ là giỏi, danh bất hư truyền nào, mà cụ phải làm sao cho phát trông thấy, khoa thi sau vớ được vài ông Nghè về làng đây, chúng tôi mới phục.

— Vâng, tưởng muốn gì, chứ có thể thì dễ lắm, đề khi nào khởi công, tôi xin cảm hướng.

— Nhưng cần nhất, cụ phải giúp phát to, làm các quan to cả, thì mới dim đầu vít cổ lũ dân làng bên đây được, vì làng họ, thừa cụ, cũng nhiều khoa-mục lắm.

— Bẩm vâng, tôi xin có thể làm được, không những các cụ đàn anh ở làng đây, mà cả đến bạch-dinh cũng có thể vít đầu dim cổ thiên-hạ được. Các cụ muốn sao được vậy, tôi xin giúp làng đây một chút làm kỷ-niệm về sau.

— Thế thì ngay bây giờ cụ cảm hướng cho, đề chúng tôi cứ theo thế mà làm, kéo cụ đi luôn, nay đây mai đó, lại lỡ việc của chúng tôi ra thì hỏng hết cả.

— Bẩm vâng, các cụ muốn thế nào tôi xin chiều lòng. Tôi đi luôn, cũng ít khi ở luôn một nơi được.

Thế là chén xong, ông Tả - Ao cảm hướng, cảm xong, ông đi ngay, hẹn khi nào làm xong đình sẽ trở lại.

Nhưng ông Tả-Ao nói dối đấy, ông không bao giờ còn trở lại đây nữa, vì các cụ đàn anh ở đây kêu-bạc lại ngông-ngáo thế, ông còn trở lại làm gì.

Chỉ ngu thay, khốn thay cho dân làng ấy, khoe dầm cả lên là ông Tả-Ao về cảm hướng đình, phen này thì cả làng sẽ dè đầu dè cổ thiên-hạ cho mà xem.

Kịp khi đình đã làm xong, mới trong vòng có mấy tháng, mà đã một phần chia ba dân làng đi làm nghề thợ ngói (thợ cạo), cái nón ba-tâm, cái túi da đeo trước bụng, trong cầm con dao cạo, và bộ ngoáy tai, đi khắp hang cùng ngõ hẻm, vít cổ, bào râu, dè đầu gọt tóc. Lâu dần cả làng làm nghề ấy, chẳng còn ai đỗ-đạt gì cả. Bấy giờ mới ngã ngựa người, là ông Tả-Ao xỏ, tưởng vít cổ dim đầu thiên-hạ thế nào, ai ngờ là cách thế, muốn hồi lại cũng không kịp nữa, vì cả làng đã làm nghề ấy rồi.

Cho đến nay, dân làng đó vẫn làm nghề thợ cạo, có khác chẳng, là đòi cái « hào-bao » khách, bằng cái hòm gỗ sách ở tay, húi tóc bằng « tông-đơ ».

Nhưng bao giờ cũng vẫn được « vít đầu dè cổ » thiên-hạ đề... cắt tóc và... cạo gáy.



THA HỒ ĐƯỢC ĐỀ ĐẦU ĐỀ CỔ THIÊN-HẠ

Quan Thượng Công

**Ô**NG Tả-Ao biết tỉnh Bắc có nhiều ngôi đất quý, và có nhiều người trung-hậu phúc-đức, nên thường hay qua lại vùng Bắc luôn luôn.

Nhân qua một nhà nghèo kia, tạt vào nghỉ chân, thấy hai vợ chồng nhà đó, tuy nghèo mà rất vui, vợ chồng đái nhau như khách quý, có nhiều cách tỏ ra thái-độ người quân-tử, đáng kính-phục. Nhưng ông muốn lân-la ở quanh đấy, để thử thách hai vợ chồng nhà đó, xem việc làm có được thực như những cách ông phán-đoán không, rồi ông sẽ tác phúc cho.

Sau xét ra nhà đó, quả là hiền-hậu, tuy nghèo mà hay làm việc thiện, thực đáng nên khen thưởng. Ông bèn tìm cách làm thân, để rồi cất hộ một ngôi mả cho nhà đó.

Ở gần đấy, có tới 3, 4 kiểu đất quý cả, chưa biết trọn kiểu nào cho nhà đó, để xứng đáng với sự phúc đức của hai vợ chồng nhà kia, vì ác nỗi : ba bốn kiểu đất ấy đều phát ngắn, không được giải đời.

Vì vậy mà ông phải tốn công tới ngót tháng trời, đi tìm các kiểu đất khác ở quanh vùng đó.

Nhân trời về mùa hè nắng lắm, buổi trưa ông mệt, cứ hay về ngồi ở dưới gốc đa, trên cái đồi mát, trưa nào cũng vậy, ông ngồi nghỉ mát, vừa ngắm-nghĩa các kiểu đất.

Có một anh nông-phu, coi bộ mặt cũng sáng-xũa, ngày nào làm đồng xong cũng về ngồi nghỉ mát buổi trưa dưới gốc đa ấy, giở cơm nắm ra, chấm muối ăn. Khi àn, thấy ông lão ngồi nghỉ mát đấy, ngày nào cũng gặp, nên anh mời ăn cơm nắm cho vui.

Thân-phận đã đi làm đồng nhọc mệt, có mỗi nắm cơm ăn buổi trưa, lại còn mời khách, ông Tả-Ao thấy mời, cũng cứ thử ăn, xem anh nông-phu có thực bụng mời chăng.

Cũng là số anh nông-phu đến ngày khá lớn, nên mới gặp ông.

Mời ông ăn một bận, hôm sau mời, ông lại ăn, rồi thì hôm nào ông cũng ăn, hình như ông chỉ đến đấy để ngồi chực ăn « vọ » vậy. Mà trước ông còn ăn ít, sau ăn tới nửa nắm, có hôm ông lại trêu người, sợi cả... nắm cơm.

Thế mà anh nông-phu vẫn vui cười, không tỏ ra vẻ gì hắt-hủi giận-rũi ông cả.

Ông biết là người khá, hôm cuối cùng ông đã tìm được kiểu đất để ngôi mả cho hai vợ chồng nhà nghèo kia rồi, ông định đi nơi khác, mới nói thực với anh nông-phu, mình là ông địa Tả-Ao đây, đã thử-thách ngăn ấy hôm, nay phải đi nơi khác, vậy anh nông-phu có muốn ông để dùm cho ngôi mộ, sau sẽ phát to, ông sẽ để dùm cho, để trả ơn bấy nhiêu bữa cơm trưa.

Anh nông-phu nhất định nói là thân hèn-hạ, đi làm thuê làm mướn, không nhà không cửa, không vợ không con thế này, thì còn thiết gì, mong gì về sau con cháu phát công khanh phú quý.

Nhưng ông Tả-Ao cũng nhất định cứ bảo anh kia chỉ ngôi mả bố, ông sẽ cất dùm



cho, chỉ trong trăm ngày, chính thân anh sẽ làm nên to tát, không phải chờ tới bao giờ cả.

Thế mà anh kia vẫn cứ từ-trối, nói là mình dốt-nát, một chữ cần làm đòi không biết, thì phỏng có được làm chức gì cũng không sao kham nổi, thêm tội, thêm nhục, thêm trò cười cho mọi người thôi.

Ông Tả-Ao ngẫm-nghĩ, gật đầu cười, rồi đưa hai luồng tia mắt ra xa xa, hình như dăm-dăm nhìn nhận một kiểu đất nào đó.

Bỗng ông quay lại, vỗ vai anh nông-phu mà bảo :

— Thì anh cứ bằng lòng đi, tôi sẽ tìm cho anh một kiểu đất, phát to, không cần chữ, chỉ ngồi một chỗ, mà ngồi cao lộc cả, không phải làm gì, mà tiếng tăm cũng truyền mãi tới đời sau mà cũng chỉ trăm ngày thì phát.

Anh nông-phu ngần-ngừ một lát, rồi hỏi lại ông :

— Thế thì làm chức gì, mà lại lạ vậy, có họa là ông Thượng-Thư hay ông Hoàng mới thế được, mà cũng vị tạt không phải làm gì mà yên.

— Tôi-đã bảo anh thế, anh cứ nghe tôi, tôi có thể làm cho anh được như thế, nếu không, tôi chẳng phải là danh ông Tả-Ao.

Anh nông-phu thấy nói lạ vậy, thì cũng bằng lòng, rồi dẫn ông ra mộ bố, xem ông làm ra sao.

Ông Tả bảo đi kiếm một cái nồi to, rồi ông và anh nông-phu cùng đào ngôi mã ấy, sắp xương vào nồi, đem đi xa chôn vào một cái huyệt, mà lúc nầy ông đã ngẫm-nghĩa kỹ-càng.

Khi đã chôn xong, ông giận anh nông-phu đừng nói cho ai biết, và hẹn đúng ngày ấy, tháng ấy, giờ ấy, vào quá nửa đêm, thì đúng một trăm ngày, anh phải về kinh-thành đứng chờ ở cầu Cửa Đông, hễ thấy người nào mặc áo trắng, đi hài xanh, hốt-hoảng chạy lại, chính là vua đấy, thì cứ ghé vai công bừa về nhà bên Bắc đây, chỉ trong ba hôm sẽ được phong chức to và được bổng lộc xuất đời. Dặn xong, ông đi.

Anh nông-phu cũng nghe lời dặn, đúng ngày đúng tháng về kinh-thành, nửa đêm chờ ở cầu Cửa Đông.

Bỗng thấy trong thành lửa cháy đỏ rực, tiếng quân reo hò, một chốc thấy bóng người áo trắng chạy tới cầu, anh liền ghé vai công, chạy một mạch về Bắc.

Thì ra đêm đó kinh-thành có loạn, vua phải bỏ chạy ra ngoài, các quan đều tán-lạc cả. Chính vua đã chạy ra cầu Cửa Đông, mà anh nông-phu công chạy về Bắc.

Hôm sau dẹp xong loạn, đầu đó đều yên, các quan bỏ đi tìm vua khắp nơi chẳng thấy mới yết-thị đi các nơi, bảo ai cứu được vua hôm đó, sẽ phong chức Thượng-Thư và cho ruộng 100 mẫu làm thế-nghiệp.

Hai hôm sau tờ yết-thị gián sang đến Bắc-Ninh, thế là anh nông-phu cứ việc công vua ra mà lĩnh thưởng. Vua phong ngay làm Thượng-Thư, thưởng bao nhiêu là vàng bạc, và 100 mẫu ruộng.

Từ đó anh nổi danh là quan Thượng-Công, tới nay con cháu vẫn còn làm ăn phát-đạt.

## Ai cũng phải tránh

**L**ÀNG Đ..., đang ngày mở hội, nhộn nhe già trẻ, buổi tối họp cả ở đình làng, bày các trò chơi, ai nấy có vẻ vui mừng hớn-hở, rõ ra cảnh-tượng thái-bình.

Ông Tả-Ao khi ấy đang làm đất cho một nhà ở làng bên, nhưng ông vẫn trú chân ở làng này.

Nhân ngày làng có hội, buổi tối ông cũng đi lẫn vào bọn dân làng, ra đình xem hát trèo và các trò chơi.

Đang khi ông mãi xem, có một bác Khán nhận biết mặt ông, vì đã gặp ông nhiều lần làm đất ở làng bên.

Bác khán vội chạy vào nắm ngay, nói nhỏ với ông tiên-chỉ rằng : ngoài kia có ông Tả-Ao đứng lẫn vào đám dân làng.

Ông Tiên-chỉ nghe xong thích quá, cho là làng mình có phước, đêm nay mới gặp ông Tả-Ao đến xem hội.

Vội rủ mấy ông đàn-anh nữa, cùng ra cố mời cho kỳ được ông Tả vào trong chỗ chiếu các cụ đàn-anh ngồi.

Ông Tả không sao từ chối được, phải theo vào. Ai nấy xi-xào có ông Tả-Ao là thánh sống đến làng, người nào cũng lăm-le chỉ muốn mời được ông Tả về nhà chữa bệnh, hoặc xin đề mã cho.

Dân ta bấy giờ rất chuộng tin địa-lý lắm, nên mới có những câu : « Sống về mồ về mã, ai sống về cả bát cơm », — « Thứ nhất dương-cơ, thứ nhì âm-phần », « Đất địa thì mới sinh nhân », v. v... nên ai nấy đều cho mồ mã tổ tiên cha mẹ là rất quan-hệ liên-lạc với các con cháu còn sống trên trần. Thù nhau cũng đập vào mã, ghét nhau không làm gì được cũng yểm vào mã cho động, thù to thì quật mã lên lấy xương vút đi. Vì vậy mà con cháu phải giữ coi mã tổ-tiên cha mẹ hơn cả thân mình, nên tục-ngữ đã có câu : « Giữ như giữ mã tổ ».

Ông Tả-Ao vào ngồi nói chuyện với các ông đàn-anh làng một lúc, toan kiêu đi, nhưng các ông cứ giữ-riết, rồi bung mâm rượu lên mời ông chén.

Ông Tả cũng muốn ở lại xem cách các ông đàn anh làng có tốt không, và phong-tục làng này có được thuần-túy hiền-lương không, nên ông ngồi lại uống rượu.

Từ lúc ngồi uống rượu cho đến nửa đêm, ông ít nói lắm, chỉ nghe nhiều, mà trả lời ít.

Các ông đàn anh làng thì ba-hoa xịch-đế : truyện trời, truyện đất, truyện Hoa-đà ; rồi ăn, uống, phiện, cười nói rầm rầm, thực là múa riu qua mắt thợ. Có vài ông cả gan lên mặt xanh phong thủy, ngồi tán chuyện với ông Tả-Ao về môn địa-lý.

Ông chỉ cười, lấy con mắt vọ, ngồi quan-sát cách cử chỉ ngôn ngữ, và mọi việc xảy ra ở đình, ông cho là phong tục làng này cũng không tốt, nhiều người ngông-cường kiêu-bạc, ít kẻ hiền-lương.

Đến khuya lại có hát nhà tơ, thờ thần, các ông đàn anh ngồi cầm trống và thưởng thê.

Trong khi ấy thì nhiều ông mãi nghe hát, đề mặc ông Tả ngồi xuống; thờ-ơ tiếp-đãi, ông Tả đã thấy ngượng và khó chịu lắm.

Toan đứng dậy đi, thì các ông mới quay ra, mời ông ngồi lại, đề làng còn xin ông giúp một hai việc.

Ông Tả bảo có việc gì xin nói ngay đi, may có giúp được chẳng, chứ ông còn phải về nghỉ, kẻo khuya, nhọc mệt, không ở lâu được.

Các ông kỳ-mục kỳ-nát bấy giờ mới bàn nhau, xin ông nghĩ cho cách gì đề dân làng được nhiều người hiền-đạt, kẻo làng hiểm người đồe lắm, quanh năm chỉ làm các nghệ nhùng-nhằng đủ ăn thôi, làng không có lấy một người nào có quan-tước cả.

Bằng gãi vào chỗ ngứa, ông Tả-Ao bảo muốn vậy, thì chỉ có xoay hướng đình đi một tí là được như nguyện ngay.

Các ông thích, cười híp cả mắt. Ông Tiên-chỉ đang hút, ngồi nhòm dây, nói :

— Này, cụ Tả ạ, cụ có xoay hướng đình, giúp làng chúng tôi, thì cụ đã làm ơn xin làm ơn cho chót, sao cho nhiều người đồe to, thì chúng tôi xin mỗi khi cụ qua chơi đây, hậu tạ cụ mãi mãi.

— Vâng, được, nhưng các cụ đây muốn đồe to làm to đến như chức gì nào, đề tôi liệu ?

Vốn các ông ấy là dân lao-động làm ăn cả, còn hiểu chức gì to, với thực to nữa, nên ông Tiên-chỉ liền ứng khẩu đáp ngay :

— Xin cụ cứ xoay hướng đình thế nào, cho nhiều người làng đây làm quan thực to, đi đâu thì rộn-rip, ai cũng phải tránh, không ai giám dãn mặt cả.

Các ông khác đều vỗ tay cười xòa, bảo : « phải đấy, phải đấy, làm to thế mới bõ ».

Ông Tả-Ao mỉm cười, xin vâng lời, các cụ muốn sao xin giúp vậy.

Ông Tả định kiêu về, thì các ông dãn anh làng cứ mời ông nghỉ lại đấy, đề mai sáng ông cầm hương ngay cho, kẻo ông đi mất, khó tìm thấy chỗ ở nhất định.

Đành phải nề lòng nghỉ lại.

Mai sáng các ông đã mời ông Tả ra xem hướng trước đình.

Ngắm-nghĩa một lúc, rồi ông Tả đặt địa-bàn cầm hương, các ông kia lấy cọc đóng xuống, đánh giầu từng li từng tí.

Thì ra chỉ xoay chềch có một ít cái cửa đình.

Ai nấy bàn tán nhau, bảo xưa kia làm đình mà chềch đi một tí thế này, thì có phải bây giờ làng đã có bao nhiêu quan to rồi không...!!

Ông Tả-Ao chỉ mỉm cười, cầm hương xong, rồi đi thẳng, các ông dãn anh làng cố giữ lại thế nào cũng không được, đưa biếu tiền cũng không lấy, ai nấy đều nức nở khen ông là thánh sống.

Nhân ngày hội, các ông liền họp ngay việc làng, bàn xoay hướng đình, đề lấy nhiều quan to, ai nấy đều bằng lòng cả.

Thế là cách tháng sau, cái hướng đình đã xoay, ai nấy chờ ngày phát.

Mấy khoa thi, làng chẳng có ai học giỏi cả, mà chỉ mong nhiều người đồe với làm quan to, ngu đến thế là cùng !

Đỗ chẳng thấy đầu, quan chẳng thấy ai, mà làng lại « nhập cảng » ngay được một nghề mới, cả làng xưa nay chưa ai làm.

Nghề đan bồ !

Bồ to, bồ nhỏ, bồ nhỡ, bồ con, đủ các kiểu, hầu khắp mặt dân làng ấy làm nghề đan bồ, đem ra kẻ-chợ bán.

Dân làng ấy gánh bồ tới đầu, ngồng-nghênh, chật cả đường, ai cũng phải tránh.

Chết ngã ngựa người, thì ra « thẳng cha » Tả nó xỏ, nhờ nó làm cho dân làng có nhiều người làm chức to, tới đầu ai cũng phải tránh, nó cho ngay chức « đan bồ », tới đầu ai cũng tránh thực, nhưng biết làm sao bây giờ, cả làng đã làm nghề ấy rồi, lại đang phát-đạt, ai chịu bỏ.

Các ông dân anh làng ấy bấy giờ tha hồ mà nguyên rửa ông Tả-Ao, nhưng càng rửa càng đổ hây hây, ông Tả-Ao vẫn chống ô đi « chu-du » khắp xứ...

### Tha hồ chửi đánh nhau

**Ô**NG Tả-Ao đã định giúp ai, còn là thử-thách chán, ai không có tri kiên-nhẫn và chịu nhịn-nhục thì là « bị » với ông ngay.

Làng Ng... X..., ở tổng H... X..., huyện K... Đ..., tỉnh Hưng-yên, năm ấy dân cất đình làng.

Nhưng biết tìm ai giỏi phong-thủy để nhờ cắm hướng. Làng vẫn đề ra 100 quan tiền để nhờ thầy địa nào giỏi nhất.

Chợt nghe tin, có người mách ông Tả-Ao đang làm đất ở làng Đào-xá, ngay bên cạnh làng này.

Các cụ kỳ-mục liền kéo nhau đi tìm ông Tả-Ao, mới về cắm hướng đình.

Lần thứ nhất, ông đến ngắm-nghĩa mọi người, rồi lại ngắm hướng, rồi ngắm trời ngắm đất, bảo cử xẻ gỗ, tời vôi, mua gạch đi, làm nếp đình, và 4 bên tường đi, còn hướng, thời ông hẹn ngày ấy tháng ấy, sẽ đến cắm cho.

Thế rồi ông bỏ đi.

Dân cứ khởi công làm, vì chắc như lời ông Tả hẹn ngày rồi, sao cũng đến.

Kịp ngày hẹn, dân mổ bò làm lễ, chèn-chén, chờ ông Tả-Ao đến cắm hướng.

Nhưng dân đã ăn hết thịt, uống cạn rượu, trời tối rồi, mà chẳng thấy hồn vong bóng vía ông Tả-Ao lại.

Dân thấy trời tối, sắp sửa kéo nhau về, thì lù-lù ở đầu, ông Tả đến.

Dân trách, ông chỉ xin lỗi, kêu mắc bận đi xa, nhớ ngày phải đi kịp về đây, chẳng may trời tối, xin đề đúng 8 hôm nữa thế nào đúng giờ ngộ, cũng xin lại, không giám

sai lời, vì đến hôm đó mới tốt ngày, hôm nay tối rồi, không làm gì được nữa, mai, kia, kia, kia, đều là ngày xấu cả.

Thế rồi ông lại bỏ ra đi.

Đúng ngày hẹn, dân lại vật mấy lợn ra chén, chờ ông Tả-Ao đến.

Đã qua ngày hết buổi, mỗi mắt chờ mong, các cụ trong dân sốt ruột: chửi, rủa, sao bây giờ chưa thấy lại, cái quân xỏ-lá, chỉ nói rồi!

Kỳ thực ông Tả-Ao đã đến ngồi nấp kín đầu ở trong bụi tre rậm-rì gần đó, nghe rõ cả.

Các cụ chửi rủa chán, bàn nhau hay cứ làm bừa, « bất cần » hương nữa; nhưng dân làng không nghe, nói việc làm đình rất quan-hệ tới dân, không thể hồ-dồ được.

Trời sắp tối, dân sắp kéo nhau về, ông Tả lại lù lù đến, múa môi múa mép xin lỗi, nói là nhiều công việc quá, phải ở xa lại, cố đi kịp, nhưng chẳng may bị đau bụng dọc đường, xin các cụ tha thứ. Hôm nay tối rồi, (dở lịch ra xem) hẹn đúng 4 hôm nữa, nội trong buổi sáng giờ Thìn hay giờ Tý là cùng, thế nào xin quá tam ba bận là chót, không dám sai hẹn nữa.

Thế rồi ông lại ra đi.

Đến kỳ hẹn, các cụ lại họp việc làng, chè chén, chỉ chết mấy con lợn, con bò, là phải tội lấy vì ông Tả-Ao.

Từ sáng sớm, hết giờ Thìn, hết giờ Tý, thành tâm để một mâm chờ ông Tả; gần hết giờ Ngọ, quá trưa rồi, mà còn chưa thấy dẫn thần-sắc đến. Cả bọn thợ làm đình, chén xong rồi, ngồi chuyện gẫu, cũng sốt ruột thay!

Dân làng bàn nhau, hễ lần này Tả-Ao còn tối mới mò đến, hẹn lần nữa, thì sẽ « nện » cho một trận, chửi đánh rồi đuổi đi, không cần nữa, mượn thầy Tàu cắm hương cũng xong.

Ai nấy rượu rồi, đỏ mào đỏ mặt, đồng lòng, hễ Tả-Ao tối mới đến, hẹn lần, thì sẽ đánh chửi cho một mẻ, biết thân.

Vừa bàn định xong, thì đã thấy bóng ông Tả-Ao từ xa đi lại.

Mặc dầu, bây giờ cũng là quá giờ hẹn rồi, ai nấy bảo nhau chửi xỏ, chửi to, cho Tả-Ao nghe thấy, hễ lòi-thời thì... « đã cần-thận ».

Ông Tả-Ao biết lắm, chỉ mỉm cười, xin lỗi mãi, nói rằng: phu cáng bị xa-lầy, mình ngã vồng, nên đi bộ tới đây chậm, xin tha-thứ cho, để ra cắm hương ngay còn kịp.

Nhiều người vẫn còn chửi xỏ, lại có kẻ ra chiều đe dọa đánh; Ông Tả-Ao lơ như không nghe thấy; nhưng trong bụng căm lắm, nhất định ra cắm hương « phản », cho cửa đình đối thẳng lên đình làng Đ...X..., rồi làng sau này, cho tha hồ mà được nghe chửi, được đánh nhau.

Cắm xong hương đình, ông không lấy tiền, mà cũng không ăn uống gì cả, kiêu ra đi ngay, vì còn nhiều việc, bận lắm.

Nhưng ông có đi đâu xa, ra nhà thẳng mõ làng ấy, tên nó là Ngô-Thiên xin năm nhờ và xin cơm ăn. (Xem bài sau, truyện Mõ được đất).

Từ khi làng ấy làm đình, cứ năm nào cũng cứ ngày mồng hai Tết tháng giêng là xảy ra chuyện lòi-thời chửi nhau, rồi đánh nhau với dân làng Đ... X...

Trước còn là vì việc bất-bình mà đánh chửi nhau, sau lâu dần thành lệ, cứ đến ngày hôm ấy, dân làng Đ... X... cho trẻ con ra đứng đầu làng này réo tên các tiên, thứ-chỉ và các tên kỳ-mục ra chửi tàn-nhẫn, thế rồi dân làng này xót ruột, phải đồ ra chửi lại, thì dân Đ... X... đánh liền, thế là không ai bảo ai, dân hai làng tự nhiên thấy hăng tiết, đồ cả ra đánh nhau trí mạng, không năm nào bỏ được.

Đến nay làng Ng...X... vẫn hã y còn tục ấy, gọi là hội « Đánh-quân », đánh từ mồng hai tới mồng mười tết mới thôi, tha-hồ mà được người ta chửi và đánh cho khốn-khổ.

Đã có năm, hội « Đánh-quân » đánh nhau chết mất một người, quan trên cấm hẳn mấy năm; nhưng dân hai làng thấy động quá, chết người, hại vật nhiều, nên lại phải cứ giữ tục ấy mãi, tới bây giờ vẫn còn.

Chửa biết kiếp nào cho làng này khỏi bị làng Đ... X... chửi và đánh cho.

Ông Tả-Ao chơi cách này thực là quá ác!

### Tự nhiên thẳng mỗ được đất

**S**AU khi ông Tả-Ao cảm xong hướng đình cho làng Ng... X... ông liền cáo đi, tiền không lấy, cỗ không ăn, đi thẳng.

Nhưng ông quay trở lại về nhà thẳng mỗ ở mãi mé cuối làng, xin vào ngồi nhờ và xin cơm ăn, nước uống. Anh mỗ lại đi vắng, còn bận việc ngoài đình, chỉ có vợ mỗ ở nhà.

Cũng là phúc nhà anh mỗ, nên xui khiến ra vậy.

Vợ anh mỗ thấy ông lão vào xin nghỉ nhờ và xin cơm nước, thì cũng cứ mời vào nhà, chẳng hỏi rằng : ông lão ở đâu lại, và là ai, cứ việc dọn cơm, lấy nước.

Thế mới là phúc chí thì tâm linh.

Một chốc anh mỗ ở đình về, thấy ông Tả-Ao ngồi ăn uống ở trong nhà mình, thì ngạc-nhiên, không hiểu ra sao, lại có truyện kỳ-quặc đến thế này.

Anh mỗ Ngô-Thiêm, bước vào nhà, chào ông, ông chỉ gật-gù ngồi ăn uống.

Anh mỗ không hiểu tại sao, ông không ăn cỗ ở đình, lại về nhà mình ăn cơm nguội? Đành cứ yên, để xem ông làm những trò gì.

Ông Tả-Ao ăn uống xong, bảo vợ chồng anh mỗ không được nói gì với ai là ông ở đấy, nếu nói, ông sẽ có cách trị tội ngay. Vợ chồng mỗ xin vâng lời.

Ông ở nhà anh mỗ đã ba hôm rồi, hôm thứ nhất thì ăn uống thế, rồi ngủ, hôm thứ hai đòi ăn cả chục trứng gà đang ấp dở, vì vợ chồng anh mỗ hôm sau không có cơm cho ông soi, nghèo quá, chỉ có chục trứng gà đang ấp dở làm vốn liếng trong nhà.

Chẳng lẽ để ông đói, vợ chồng bảo nhau đành luộc cả chục quả trứng, đem ra mời ông Tả soi, và vợ chồng sẽ cùng ăn tạt mấy quả đỡ lòng.

Nhưng ông Tả-Ao ngồi soi cả, chẳng để cho vợ chồng anh mỡ hưởng một quả trứng nào.

Vợ chồng mỡ đành nhìn đói di ngủ. Ông Tả ăn xong cũng ngủ gục xuống ghế. Cảnh gia-đình nhà anh mỡ lúc bấy giờ mới buồn làm sao !

Hôm thứ ba, ông lại đòi làm thịt nốt con gà mái mẹ, bảo hết trứng ấp thì đẻ gà mái mẹ làm gì ?

Vợ chồng nhìn nhau, đành phải đem gà ra mổ thịt. Khi dọn lên, ông Tả bảo cả hai vợ chồng anh mỡ cùng ngồi vào mâm ăn. Nhưng hai vợ chồng mỡ nhất định không giám ngồi. Ông bảo có ngồi vào thì ông mới ăn, không thì ông đồ xuống rãnh hết, cùng nhìn đói cả.

Hai vợ chồng đành phải ngồi vào mâm cùng ăn. Ăn xong, ông mới hỏi anh mỡ có muốn sung-xương, cầu gì không ? ông sẽ giúp cho.

Hai vợ chồng chỉ xin : sao cho giàu có sung-xương suốt một đời.

Ông bảo : thế thì không khó. Rồi lại bảo anh mỡ : chờ tối, ra đào ngôi mả bố đem về đây, ông sẽ táng dùm cho làm phúc, chỉ bách nhật thì giàu to.

Đêm tối hai vợ chồng vác cuốc ra đồng, đào ngôi mả bố, xếp xương vào một gói đem về. Ông Tả bảo hãy cất vào một góc nhà.

Mới mờ sáng hôm sau, ông bảo anh mỡ cấp gói xương ấy, vác cuốc ra đi với ông.

Tưởng táng dàu xa, táng ngay ở cạnh cái gò trước cửa đình trông thẳng ra. Ông bảo mộ đừng đắp cao, cứ để phẳng, đắp cỏ lên như không, kéo họ nghi.

Chôn xong dàu đấy, ông dặn anh mỡ, bảo từ giờ làm gì cũng phải làm cố, ai xong về trước, mặc, ta cứ ở lại làm cố ; ăn cũng ăn cố, ai ăn xong trước, mặc, cứ ăn sau, làm cố. Hễ bắt được cục đá hay cục gì lạ, cứ vác về nhà, sẽ có điều hay.

Nói rồi, ông Tả bỏ ra đi, anh mỡ mời ông về nhà thế nào cũng không được.

Anh mỡ đành cúi chào, rồi vác cuốc về nói truyện và dặn lại vợ, từ giờ phải ăn cố, làm cố sẽ có sự hay.

Quả nhiên hai tháng sau, dân làng sai lũ đàn em đào cái ao làm mình-dương, lấy nơi tụ-thủy ở trước cửa đình. Anh mỡ và vợ anh, phải lội xuống bốc đất lên, cùng làm với lũ dân nghèo khổ ở làng.

Vợ chồng anh mỡ vẫn nhớ : ăn cố, làm cố.

Nên ăn cũng ăn sau, làm cũng làm sau, người ta rửa tay chân về cả, vợ chồng anh vẫn ở lại làm cố nốt.

Thì trời kia khiến vậy, thế nào, một hôm bọn phu «dấu» về cả rồi, vợ chồng anh còn bị-bõm ở lại làm dưới ao. Bỗng cuốc phải một hòn đá to, rắn lắ, hai vợ chồng cậy lên, thì là hòn đá to, nhưng đẹp lắm. Hai vợ chồng sợ nhớ tới lời ông Tả-Ao dặn, hễ bắt được cục đá hay cục gì lạ, cứ khuân về nhà, sẽ có điều hay ; nên hai vợ chồng liền cho vào quang gánh, gánh tấp về nhà.

Vợ chồng rửa tay chân, đem cả hòn đá ra rửa nữa, rửa sạch rồi, thì xướng chữa, rõ là cục vàng to, hai vợ chồng xướng quá, bèn dấu kín hòn vàng ấy, chôn xuống đất ở trong nhà.

Rồi thì vợ chồng cứ đẽo dần đem ra kẻ-chợ bán, không bao lâu trở nên giàu to, sung-xướng nhất làng, nhiều người làng phải đến nhà anh mỗ vay dật luôn, ai cũng «kháo» ầm lên, là nhà anh mỗ Ngô-Thiên được đất ông Tả-Ao để cho, nhưng chẳng ai rõ là mả chôn chỗ nào, mà phát chóng thế.

Vợ chồng anh chỉ giàu có sung-xướng được một đời, đúng như lời sữ-nguyện với ông Tả-Ao.

### Đất Ba Gò

**Ô**NG thường nói một đằng, ông lại làm một nẻo, nên khó ai lựa được tính ông Tả-Ao.

Ở làng Đ... T..., tổng K... L..., hạt Hadong, có đất Ba-Gò, thực là huyết quý, kiêu đất phát to, ai có phúc lắm mới được.

Kiều đất ấy, ông Tả-Ao đã có câu viết ở đình làng Đ... T... rằng :

*Đầu gối đồng Tháp,  
Chân đạp Ba-Gò.  
Ai có rành bạc,  
Thì lão để cho.*

Ông viết vậy, để thử bụng mọi người.

Có một anh trọc-phú thấy 4 câu vậy, tìm được ông Tả-Ao, xin đưa rành bạc, biếu thêm rành nữa, xin ông đề ngôi mả tổ, vào nơi huyết ấy.

Ông Tả-Ao mỉm cười, lấy cả hai rành bạc, bảo cứ đề dữa đình, ông đếm kỹ rồi, đánh dấu, hẹn hết ba ngày sau, ông sẽ trở lại, nếu 2 đành bạc còn nguyên, không mất thoi nào, thì ông mới sẽ đề cho.

Thấy lời hứa chắc-chắn thế, anh trọc-phú nghe lời, đề hai rành bạc dữa đình, sai người nhà canh cẩn-thận.

Được một đêm thứ nhất, yên ; đêm thứ hai cũng yên, anh trọc-phú càng thuê người canh riết, chỉ còn một đêm nữa là xong việc.

Nhưng có biết đâu ông Tả-Ao có phép: hô-thần, tróc-quỷ. Đêm thứ ba, ông lần đầu quanh vùng đó, hô thần, lấy mất hẳn đi 2 rành bạc.

Hôm sau, ông chống ô đến, thấy mất 2 rành bạc, ông chẳng nói gì, liền bỏ đi ngay.

Anh trọc-phú nghĩ mãi không ra, vì sao lại mất 2 rành bạc, vừa tức, vừa thẹn, bấy giờ mới hối-hận là đại, tự nhiên tiền mất tật mang, vừa tiếc của, vừa tiếc cả ngôi đất quý, chẳng được về mình. Từ đó anh không dám mong gì tới việc «cất» với «phát» nữa.

Hai năm sau, dân làng ấy mất mùa, đói kém, cùng-khờ quá, lại bị hỏa-tai, nhiều kẻ mất nơi ăn chốn ở, ra trú cả ở ngoài đình.



Bỗng một đêm, các người ấy đang ngủ, ai nấy rất nầy minh vì tiếng bạc ở đâu, đồ ra bừa-bãi cả ở sân đình.

Mọi người thức dậy, đốt đuốc ra coi, thì ra hai rành bạc đồ bừa bãi cả ở sân.

Ai nấy mới nhớ ra truyện trước, 2 rành bạc của anh trọc-phú trong làng bị mất khi xưa về việc nhờ ông Tả-Ao đề mả.

Bây giờ mới rõ tấm hơi, là chính ông Tả-Ao trước đã lấy hai rành bạc, nay đem bố-thí cho lũ dân nghèo, ai nấy đều lắc đầu lè lưỡi phục ông Tả-Ao là thánh, vì vậy mà tiếng Tả-Ao càng ngày càng bay khắp nơi, đâu đâu cũng khiếp phục tài ông.

Mà ngôi đất Ba-Gò ấy tới nay vẫn còn đó, chưa thuộc về ai, dân K... L..., Đ... T... vẫn còn truyền tụng 4 câu thơ của ông Tả-Ao xưa, khen kiêu đất quý ấy.

### Xay với xáo

**C**ó một làng ở vùng xuôi, hầu hết các đàn-bà làng ấy làm nghề hàng xáo và buôn hàng táng. Buôn bán rất đảm, người nào cũng vậy, các đàn ông chỉ ngồi nhà, giữ tay hòm chìa khóa và... ăn hại.

Mà ví dù có ông nào muốn kinh-doanh hay bay-nhảy, thì hình như các bà ấy lại không bằng lòng.

Thành ra « trái cựa », đàn-bà thì lo việc ngoài, mà đàn ông lại « tề-gia nội-trợ »!

Rõ thế mới lắm truyện oái-oăm.

Các ông ấy đã ăn rưng ngồi rồi, lại được chân « giữ két » cho mẹ dĩa.

Nên tha hồ các ông ấy, bạc mở vuong-tàn-tán, rượu đánh tít-cù-dèn.

Cái nghề sượng thì hay dừng, no cơm ấm cật lại đậm-dật mọi nơi; nên có ông cả gan, mẹ-dĩa-sẽ đi vắng, rước hàng mấy cô nhân-tình về nhà.

Có ông lại hăng hơn, lấy hẳn 4, 5 bà, cùng làm nghề hàng xáo, bà nọ đi vắng, đã có bà kia ở nhà « thế chân ».

Các ông thực là đủ tứ khoái, vô lo vô lự, sung-sướng như tiên.

Ông Tả-Ao một hôm qua làng đó, thấy tục làng như vậy, cũng phải buồn cười.

Nói truyện với ông nào đàn làng ấy, cũng thấy ông ấy đờ đọng tú-mỡ bông-phèng, rõ ra lối nhàn-cư tư khoái-lạc.

Các ông ấy cũng biết tiếng ông Tả-Ao, may sao lại gặp mặt. Các ông tranh nhau kéo về nhà, bông đùa như rỡ với đứa trẻ.

Rõ thực là mớ vào vỏ ngựa. Các « cha » phen này thì « sống tương »!

Ông Tả-Ao chỉ mỉm cười, tha hồ cho các ông đùa, kéo đi đâu cũng đi. Đêm hôm ấy các ông họp nhau ở nhà lý-trưởng, chè chén và cờ bạc.

Ông Tả-Ao thấy quang-cảnh vậy, tự nghĩ lấy làm thương tâm và buồn thay cho các

dàn-bà làng đó, phải ra ngoài buôn-bán vất-vả, hai sương một nắng, ở nhà thì bọn đàn ông ra tay phá tán, ăn uống chơi bời. Ông rất lấy làm bất-bình, muốn cho tụi đàn ông ấy phải có công-nghệ gì làm, cho đỡ ăn tàn phá hại.

Ông lại muốn cho họ làm nghề gì phải vất-vả khó-nhọc, để dền-bù vào những lúc họ chơi bời lười biếng từ trước.

Đêm ấy ông nằm nói truyện với tụi kỳ-hào, anh nào cũng say bí-ly, lên giọng tiên cách; tự khoe bọn họ là tiều-thần-tiên dưới trần, suốt cả một năm 360 ngày đều say, không phải lo-lắng việc đời.

Ông Tả-Ao chỉ cười, và khen các ông là Lý-Bạch giáng sinh; nhưng trong óc ông đang nghĩ cách: muốn say, rồi ông cho « xay » cả nút.

Sáng mai ông nói với các kỳ-hào: đưa ông đi xem các kiểu đất và phong-cảnh trong làng, may ra ông có thể giúp ích được tí gì cho làng chăng.

Được ông Tả-Ao giúp việc phong-thủy cho, các ông kỳ-hào chắc rằng đây là cách ông Tả-Ao trả ơn, vì bọn các ông đã thết-đãi ân-cần hôm trước.

Ai nấy chắc phen này làng lại được thêm sung-sướng, phúc to bằng cái đình, mới gặp ông Tả-Ao tự nhiên đến « ngửa tay xin việc ».

Các ông càng ra bộ vui-vẻ lắm, đưa ông Tả-Ao đi đủ chốn, khoe đây là cái đình phải hướng, kia là cái gò phúc-lộc, nọ là miếu Thiên-Thai, sở-dĩ làng chúng tôi được phú-túc là nhờ cái núi Tô-Sơn kia...

Để mặc tha hồ cho các ông khoe, ông Tả-Ao còn bận ngắm-nghía các kiểu đất, để rồi ông cho cả bọn ấy vào « trông »!

Chợt đi đến một cái gò cuối làng, ông thấy gò ấy hình con chim ưng, ông ngắm kỹ một lúc, biết làng này sở dĩ: tụi đàn ông chỉ ăn không ngồi rồi chơi bời, là vì cái gò chim ưng này. Ông mới quay lại bảo các ông kỳ-hào rằng:

— Cái gò này, có hại cho làng các ông lắm, tuy các bà ấy kiếm ra tiền thực, nhưng đều hiểm đường con cái, phải sửa ngay cái gò này ra hình tròn, bạt qua đi một ít đặng đầu và cuối, còn hai bên để nguyên, thì các ông được cả nhiều của lẫn nhiều con; ngoài ra các kiểu đất khác và phong-cảnh làng này thực đều là đặc-địa.

Một của, một con, ai từ, mà quả là lời ông Tả-Ao thực đúng, các ông tuy nhiều vợ, mà đều hiểm-hoi cả; nên đồng thanh khen ông Tả là thánh-địa-ly, lập tức sai bọn đàn em ra bạt hai đầu gò đi, làm ngay trước mặt ông Tả-Ao, để ông chỉ bảo cho thế nào là phải phép.

Công việc xong, ông Tả liền kiêu đi, các ông kỳ-hào biểu ông tiền và mời ở lại thế nào cũng không được; ông Tả cứ ra đi, bước không dừng, tiền không lấy.

Ai nấy chờ ngày phát-phúc.

Quả nhiên từ đấy các ông dân làng đó, đẻ nhiều con lắm, như ngan, như ngỗng.

Nhưng tự nhiên các bà dờ quẻ, không cho các ông giữ tay hòm chìa khóa nữa, bắt phải tìm nghề gì mà kiếm thêm vào, vì các bà bây giờ đẻ luôn, phải ở nhà, nuôi con, không được rộng rãi như trước, thì cố nhiên là các ông phải coi việc ngoài, mà các bà phải giữ lấy « két », để nuôi con, và tề-gia nội-trợ từ nay.

Các ông mấy khốn, biết làm nghề gì ?

Ông tiên-chỉ làng, không biết vì mối lợi gì, mà tự-nhiên lại khéo « nhập cảng » ngay vào làng, nghề : « đóng cối say ».

Nhà ông ấy thuê nhiều thợ đóng cối say đi bán các nơi, xem ra hàng chạy lắm, rồi người làng thấy lợi, liền ùa nhau làm theo nghề ấy.

Thành ra dân làng, hầu hết làm anh phó cối. Đàn ông thì đóng cối, đàn bà thì vẫn làm nghề hàng xáo.

Chồng xay, vợ xáo, khéo hợp vần ca !

Bấy giờ người ta mới rõ, tại các ông kỳ-hào ngày năm nọ hay say-sưa, không chịu làm việc, nên ông Tả-Ao mới phản, bặt gò thành cái cối, để nguyên hai cánh chim bên gò, thành hai cái tai cối. Tha hồ mà được « xay ».

Tuy rằng nghề đó vất-vả, nhưng mà chồng xay, vợ xáo, hai bên đều có nghề cả, không ai ngồi ăn dung. Vậy truyện này không thể bảo ông Tả-Ao là phản được.

### Một đấm, một đập

**M**ột hôm khát nước, ông Tả-Ao vào nghỉ chân trong một cái quán bán trà nước. Quán ấy ở giữa đồng, có mỗi mụ hàng, vào trạc 40 tuổi ngồi bán hàng. Ông uống nước ăn bánh xong, ngồi ngắm mụ quán, thấy có vẻ phúc-hậu và thực-thà lắm.

Nhân lân-la, gọi truyện, hỏi việc cửa nhà : sao có một mình là đàn bà mà dám rợn quán nước giữa cánh đồng? chồng, con đi đâu? buôn bán có đắt hàng không? sao không rợn gần làng?

Mụ quán dơ-dớm nước mắt thừa : chồng chết mới đoạn tang, có thằng con trai lớn đã 18 tuổi vẫn đi học, tối mới về, hàng ế lắm, cảnh nghèo khổ quá, rợn hàng gần làng, họ không cho phép, vì chẳng có ai quen thuộc có thể-lực ở làng, nên phải rợn ra đây, bán trà nước cho phu cày cấy, mẹ con lẫn-hồi ngày tháng nuôi nhau, bữa đói bữa no, lo ăn lo mặc, nhưng nhờ trời cháu chăm học lắm, chẳng biết có nên cơm cháo gì mai sau !!

Nghe qua, động lòng trắc-ần, nhưng lại còn muốn thử xem mụ quán có thực là người trinh-tiết không, vì trông mụ hầy còn có duyên, ông Tả-Ao mới kiếm lời an-ủi, rồi truyện xa la truyện gần, đưa ra một đĩnh bạc, ngồi xát lại gạ-gẫm nọ kia, dõ-dành nếu bằng lòng..., thời từ nay sẽ giúp tiền bạc luôn, trông nom cả hai mẹ con, không đến nỗi khổ-sở nữa.

Nhưng mụ quán nhất định không chịu, ông Tả-Ao càng làm già, như vẻ cưỡng-hiếp dõ ngon dõ ngọt đủ đường. Ông cứ sấn-sỏ lại gần.

Mụ quán van lạy, kêu ca, khóc lóc, nhất định rằng không, bạc ông giả ông, đây tôi không thiết, khổ thì chịu vậy.

Trời đã xế chiều, mà ông còn cứ lẳng-nhặng mãi: — thì ông tri tâm làm vậy, để chờ thằng con về, xem mặt mũi ra sao.

Cậu con đã về, thấy người đàn ông đang gạ-gẫm mẹ mình, mà mẹ thì khóc-lóc, chưa hiểu rõ ra sao đầu đuôi câu truyện, liền túm ngay lấy ông Tả đánh.

Mới đánh có một cái đấm và một cái đập, thì mụ quán can con ra, vì sợ lỡ tay thì khốn.

Ông Tả-Ao bị đánh tung cả khăn, nhưng vẫn cười, chít lại khăn, ngồi nhìn hai mẹ con.

Trông mặt người con có vẻ thông-minh, nhưng hơi cục-cằn một tý, xem tướng có thể làm nên to được. Bấy giờ ông mới nói thực cho hai mẹ con hay: chính ông là thầy địa Tả-Ao, nhân qua đây, thấy mẹ con khờ, muốn làm phúc, nhưng còn thử chút đó thôi.

Bấy giờ hai mẹ con mới lạy ông như tế sao, ông chẳng nói gì, chỉ hỏi mả chồng mụ quán ở đâu? Ông cất giúp cho, không phải mất tiền, mất công gì cả.

Người con trai lấy tay chỉ ra cái đồng trên một thửa ruộng cao gần đó, nói rằng: « Thưa cụ, đây kia, cạnh bên đồng có ngôi mộ, đứng riêng ra một mình, ấy là mộ cha con đó ».

Ông Tả-Ao bảo: nội nhật ngày mai ta sẽ cất giúp cho mẹ con nhà, không phải khó nhọc gì cả. Rồi ông tặng cho hai mẹ con dĩnh bạc để đỡ cơn túng-bần.

Giữa lúc ấy có người em trai mụ quán tới thăm chị và thăm cháu; mụ quán giới-thiệu đây là cụ Tả-Ao và truyện cụ thử-thách ban chiều, cụ sắp cất giúp ngôi mộ anh đấy.

Người em trai vốn lỗ-mãng, bảo: chỉ lão, ông Tả-Ao nào lại bậy thế, quán này chỉ đi lừa người, và chỉ làm chuyện bậy-bạ đây. Nói rồi liền đập ông Tả-Ao một cái, đưa luôn một thoi, nhưng ông Tả-Ao đỡ được cả; hai mẹ con lăn xả vào can, và lạy ông Tả, xin lỗi, và đuổi người em trai hỗn-xược đi ngay chỗ khác.

Người em trai đi rồi, mụ quán vẫn lạy, ông Tả-Ao cắp ô ra đi, bảo: sáng sớm mai ta sẽ lại, cất giúp cho.

Mai, sáng sớm, ông lại thực, đem theo hai người, có vác thùng cuốc và một cái nồi hông to. Ông bảo người con trai mụ quán đưa ra mộ bố.

Chỉ trong vòng hơn tiếng đồng-hồ, đã xong cả mọi việc, cả bốc lẫn chôn, mà chẳng chôn đâu xa, chỉ bốc xong, rồi chôn sang phía bên kia đồng. Chôn xong, ông cắp ô đi, dặn người con mụ quán, cấm không được nói cho ai biết, và phải trảm học, cuối năm đi thi, thế nào cũng đỗ to.

Thế mà sau quả như lời, từ khi được ngôi mả ấy, mụ quán buôn may bán đắt, bắt được cửa, con học lại sáng-suốt, cuối năm đỗ đầu thi hương, năm sau lại đỗ cả thi hội, rồi thi đình đỗ Tiến-sĩ, mụ quán trở nên cụ Cố.

Duy có một điều tức cười, là từ hôm chôn xong ngôi mộ ấy, đủ trăm ngày, mà ngày nào cũng vậy, phi người em trai mụ quán, thì con mụ quán, cứ bị người các làng gần đấy sinh sự, rồi bị đánh một cái đấm và một cái đập, chẳng ngày nào sai ngày nào. Thậm chí hai cậu cháu có hôm, bảo nhau cứ ở nhà, không đi ra ngoài xem

sao, mà cũng có người đến tận nhà sinh sự, đánh một đám và một đập. Hôm nào không có ai sinh truyện tới đánh, thì cậu cháu tự-nhiên cũng «cà» nhau, cậu «bóp» cháu một đám một đập: đủ 100 ngày mới thôi.

Mụ quán và em trai, con trai, cũng biết là ông Tả trả thù, nhưng thấy «lên» trông thấy, thì cũng yên chịu vậy, chỉ cúng-cấp tạ mộ cho êm.

Ai hay truyện, cũng chịu ông Tả-Ao là thánh.

### Chỉ một giờ đã phát

**Ô**NG Tả-Ao qua làng B... S...; huyện H... H... thấy phong-cảnh ở đấy tươi tốt, bèn dừng chân lại ngắm cảnh.

Mãi nhìn non nước, ngắm cảnh thiên-nhiên, ngồi trên phiến đá, cạnh lạch nước trong, lấy làm thích trí, dỡ bầu rượu ra uống chơi.

Bóng chiều đã xế, bỗng có cơn mưa, rông gió đưa lại, cát bay mù-mịt. Ông vội thu bầu rượu, cắp ô đi vào làng: tìm nhà ẩn gió mưa, cho khỏi ướt.

Vừa tới đầu làng, trời đã đổ mưa, ông chạy vào ẩn dưới cái cửa liếp bằng cành cây chắp lại, trước cổng một nhà kia.

Bỗng trong nhà chạy ra một người đàn ông, cứ cố mời ông vào nhà soi nước, ngồi ẩn mưa, kéo đứng ngoài này ướt hết.

Ông thấy người có vẻ phúc-hậu và tốt bụng như vậy liền bằng lòng vào nhà.

Vào nhà, chẳng ra nhà, tầu rách vách nát, mái rột cột xiêu, vài cái chõng tre và một cái phản mộc, với cái hòm chân đã gãy một chân, bầy lờng-chồng.

Cái cảnh ấy, mới thoát nom, cũng đã hình như tỏ cho khách biết: đây là nhà một anh nghèo-khờ sơ-sác.

Ông Tả-Ao ngồi chơi, lân-la hỏi truyện chủ nhà, mới hay là kẻ chài, chuyên nghề làm nơm, làm vó, và đan lưới bán, ở một mình, chẳng có vợ con, thân-thích.

Thảo nào mà kiệt xác mồng tôi!

Chủ nhà vừa tiếp truyện khách, vừa vắn nồi cơm sắp chín, trên chiếc hỏa-lò bằng đất, kê sát bên cạnh phản.

Một lát sau, cơm chín, mà trời vẫn mưa, chủ nhà rón thêm bát dưa, cố mời ông khách cùng ăn, gọi là duyên gặp-gỡ.

Ông Tả-Ao chẳng chối-từ gì cả, liền cầm bát dưa ăn, mặc dầu cái ăn chỉ có dưa và nước mắm. Ông lại soi quá thực-thà, ăn chẳng trông nồi, mà nồi ấy cố nhiên là nồi «mọt». Chủ nhà chỉ nhắc bát lên, đặt bát xuống, cầm chùng, để phải còn dãi khách.

Ông Tả hình như không để ý, chén tuốt cả nồi cơm, không trừ lại một miếng chày,

ra vẻ tự nhiên lắm! Thế mà chủ nhà lại vui-vẻ, tỏ ra ý lấy làm hân-hạnh được ông khách soi thực-thà như vậy.

Ăn xong, ngồi uống nước, một lúc thì trời tạnh mưa; ông xin phép chủ nhà cho ra sau đi tiêu.

Nhân thế sách đòi giầy ra rửa chân. Khi qua sân ông dẫm phải chỗ đất hơi âm-ấm, cúi nhìn xuống xem, thì chỗ đất ấy khô ráo, tuy trời mưa vừa tạnh. Lấy làm lạ, ông ngàng nhìn quanh bốn phía, bấy giờ còn trông được hơi xa, vì trời chưa tối hẳn.

Nhìn xong, ông mỉm cười, nói một mình: « Chẳng hóa ra đây là cái huyết, thảo nào đất khô mà ấm ». Biết vậy, ông ra sau đi tiêu, rồi rửa chân đi giầy, lên nhà ngồi nói chuyện hẫu.

Trời đã tối, ông xin kiếu ra đi, nhưng chủ nhà nói là trời tối rồi, xin mời ông ở lại nghỉ chân, nếu ông chẳng chê là nhà nghèo, chỗ ăn nằm luộm-thuộm.

Thấy thành tâm, ông Tả-Ao cũng nghỉ lại, chủ ý để tác-phúc cho chủ nhà, có huyết quý ngay trong sân mà không biết.

Đêm đã quá canh một, ông mới nói thực với chủ nhà: ta là Tả-Ao đây, chuyên làm địa-lý và tác-phúc cho các người nhân-đức, nay thấy chủ nhà nghèo-khò và hiền-hậu phúc-đức, có lòng tốt, nên ta nói thực cho mà biết: ngay trong sân nhà có huyết quý, chỉ táng nội trong một giờ đã phát phú, vậy mộ cha hay mộ mẹ ở đâu, đi bốc ngay về đây, sáng sớm mai ta sẽ táng vào huyết quý ấy cho.

Chủ nhà nghe nói, lạy tạ ông mãi, thực là gặp thánh mà không biết, có điều gì lầm-lỗi, xin tha tội cho; và xin đi bốc ngay mộ mẹ bây giờ ở gần đây, chứ mộ cha thì ở xa quá.

Ông Tả-Ao bảo để ta cùng đi bốc với cho nhanh, chủ nhà van lạy ông ở nhà cho, cũng không được; đành để ông cùng đi với, ra bốc mã mẹ.

Bốc xong, để cả xương vào một gói, vác về nhà, rồi hai người cùng rửa chân tay đi ngủ.

Sáng mai đúng giờ mào, ông phân kim, rồi chôn ngay trong sân nhà, vào nơi huyết quý, mộ đề phẳng. Chôn xong, ông Tả-Ao bảo chủ nhà đi ngay ra bến sông, kiếm chiếc thuyền chở xuôi mé sông mà bán lưới; hễ gặp cái gì trôi ở sông thì cứ vớt, sẽ có lợi to; nhưng về, phải chia cho ta một nửa.

Chủ nhà xin vâng lời, và cam-doan nếu có lợi gì, xin đem về biếu ông cả, ông cho lại bao nhiêu, được bấy nhiêu.

Ông Tả-Ao bảo: ta ngồi đợi ở nhà đây, anh nên đi mau, kéo lưới. Thế là chủ nhà vác lưới ra đi.

Tới bến sông chở thuyền đi bán lưới, chẳng ai mua, mà thuyền thì thuận giòng nước cứ trôi xuôi mãi.

Đến một bãi cát bên sông, anh thấy nhiều cá ăn nổi trên mặt nước, nhân thế có lưới, thả xuống bắt chơi, định tâm bắt ít cá về thết khách.

Khi kéo lưới lên, thấy nặng quá, cố sức diu vào thuyền, ghé bên bãi cát rồi lôi lên; thì chết chửa, một cái xác người chết trôi, bên lưng đeo một bọc nặng.

Giở bọc ra coi, thì này lạ, tất cả có 50 nén vừa bạc vừa vàng. Anh lầm bầm : chịu ông thánh Tả-Ao là giỏi thực. May chỗ ấy vắng người, anh liền chôn cái xác ở bãi cát, rồi gói kín vàng bạc lại, chèo thuyền về.

Đến nhà mới quá giờ thìn, tìm ông Tả-Ao đâu cũng không thấy, vội chạy ra công, hỏi thăm các người qua lại có gặp người nào hình-dáng như thế không, thì ba bốn người cùng bảo có gặp người ấy, đã đi khỏi làng rồi. Anh chạy ra công làng nhìn ngược nhìn xuôi, chẳng thấy hút đầu nữa, đành phải quay về.

Từ đấy anh trở nên giàu-có, mà bao giờ anh cũng ở nhân-đức với hết thấy mọi người.

### Mới hai mươi ngày đã phát Quận-Công

**T**ẠI huyện T... L..., làng L... H..., tỉnh Hanam, có ngôi đất quý, chẳng ai biết địa-lý, mà đề mã vào.

Ông Tả-Ao qua đó, nhận thấy, lấy làm thích trí lắm, đứng ngắm-nghĩa mãi, rồi nói một mình rằng : « Kiềm đất hay quá, tốt quá, chỉ nội nhật có trăm ngày phát Quận-công, chà chà, không biết nhà nào có phúc, mà ta đề cho ngôi đất này ».

Bất-dồ có một phú-ông đi thăm đồng, đang đứng khuất đằng sau cái ụ, ông Tả-Ao không nom thấy, phú-ông nghe rõ cả, chắc là thầy địa-lý giỏi lắm, nên liền đến trước mặt ông Tả-Ao vái mà xin ông làm phúc, cho mình kiềm đất ấy.

Ông Tả-Ao lấy làm lạ, tự nghĩ : chắc lão này nhà có phúc lắm mới nghe được câu mình vừa khen kiềm đất, và nom phú-ông có vẻ phúc-hậu, nên nhận lời, và bảo có thể đưa ngay cho 100 quan tiền, sẽ đề mã cho.

Phú-ông xin có đủ 100 quan, và mời ông Tả-Ao về nhà thết-dãi ân-cần, rồi lấy tiền xếp đủ trước mặt, chấp tay vái ông Tả-Ao xin ông sinh phúc cho.

Ông Tả-Ao lấy cả 100 quan, lại còn hạch-xách, làm như « ông tướng » ở nhà đó, chẳng coi chủ nhà vào đâu. Thì trí-tâm là ông định thử, xem vợ con, chủ nhà, và các người nhà có thực thành-tâm không.

Thấy thực là thành-tâm, nhưng ông càng thử giả, xem chủ-nhà trở quẻ ra sao.

Nhưng thấy mọi người vẫn vui-vẻ như thường, ông bấy giờ mới nói thực : ta là Tả-Ao, cả nhà đều lạ. Ông bảo chủ nhà xắm-xửa sẵn chiếc tiều mới, và thường cuốc, đem ra ngôi mã tồ, ông sẽ ra sau.

Khi đã che kín, bốc mã xong, xương sắp đủ vào tiều mới rồi, ông Tả-Ao bảo khiêng ra chỗ ông chỉ, táng xuống, mà phải táng cho thực sâu.

Công việc xong, ông chỉ lấy có ba quan tiền, còn trả lại tất cả, ông bảo đem phát hết cho kẻ nghèo, thế rồi ông cắp ô đi, không sao giữ ông ở lại được.

Mới được hai mươi hôm, bỗng thấy một người mặc lối võ-tướng vào nhà, xin cơm ăn, phú-ông thấy người lạ vậy, bèn sai dọn một mâm đầy cái ăn bưng ra, đủ rượu nồng, thịt béo.

Người ấy ăn uống khỏe quá, một lát hết cả mâm cơm, mà rượu cũng không còn một giọt.

Ăn xong, người ấy bảo cứ trói mình lại, đưa lại đồn Châu-Kiều mà lĩnh thưởng, chúa Trịnh sẽ phong chức Quận-công cho.

Chẳng hiểu ra sao, hỏi lại người ấy là ai, thì không chịu nói tên và kể truyện ra sao cả, cứ một mực bảo trói mình lại đem nộp chúa Trịnh, nếu không, sẽ rút gươm tự-vẫn ngay ở đấy, thì cả nhà sẽ phải tội lây.

Thấy truyện lạ như vậy, phú-ông nhớ lời ông Tả-Ao bảo nội nhật trong trăm ngày sẽ phát Quận-công, nay thấy người này nói vậy, thì cũng cứ trói lại đem nộp chúa Trịnh xem sao, rồi sẽ rõ người này là ai, mà lạ vậy.

Khi đem nộp người ấy ở đồn Châu-Kiều xong, chúa Trịnh liền phong cho phú-ông chức Quận-công, và ban thưởng vàng bạc gấm vóc rất hậu, và khen là giỏi, lại bắt được tướng Mạc đem nộp như vậy.

Bấy giờ phú-ông mới rõ người lạ ấy là Mạc-Kinh-Độ, thua trận ở huyện Kim-bảng chạy trốn, bị cùng đường, đói-khát khổ-xở, vào nhà mình xin ăn uống no say; nhân cảm nghĩa ấy, lại buồn nỗi anh-hùng mặt-lộ, muốn tự-vẫn chết đi cho rồi; phung chẳng lẽ bán rẻ, hoài không cái thân đi, bèn tự hiến thân cho phú-ông để trả nghĩa, vì chúa Trịnh có rao: ai bắt được Mạc-Kinh-Độ sẽ phong làm Quận-công và hậu thưởng.

Phú-ông được phong Quận-công và thưởng vàng bạc, xúng-xính ra về, phục tào ông Tả-Ao là thánh, cho người đi dò-la tìm ông, để đền ơn trả nghĩa, nhưng không sao thấy.

Nhà phú-ông mấy đời sau đều phú-quí, vinh-hoa, vì ngôi mã kết-phát đó.

### Mã phát ăn không

**T**RONG một chiếc nhà tranh ở bên cạnh đường cái, phủ Lạng-giang, có ba người đang nói truyện văn-thơ, rồi lại cùng nhau xướng-họa, rất nên tương-đắc. Nói truyện văn-thơ xong, lại nói truyện thời-thế, rồi xoay ra truyện thần-thế, ba người đều thở dài:

— Như tôi mới chán chữ, đi thi hai khoa, đều hỏng cả, về đi buôn lại lỗ vốn, may ông cụ nhà tôi còn ít mẫu ruộng, tôi về trông nom cấy cấy, không thì khổ.

— Tuy vậy cảnh bác còn khá, cảnh tôi mới ngán, ông cụ tôi mất sớm, còn một



mẹ già, nhà tôi phải buôn bán tần-tảo ngược xuôi để lo-liệu việc gia-đình, giựt gấu vá vai, thiếu-thốn đủ trăm bề, lắm khi thực là cùng-cực...

— Thế mà hai bác còn sướng hơn cảnh tôi nhiều. hai bác thử xem cảnh nhà tôi, bố mẹ thì mất sớm cả, lại góa vợ, bây giờ gà sống nuôi con thế này, ngày ngày gõ đầu trẻ, hò-hét rít cổ với lũ trẻ nhép đàn mương, buồn chết đi được, mà tôi vẫn phải bán sầu mua vui...

— Ước gì tôi được giàu có sung-sướng, thì không dám nói khoe chứ, — tôi xin bao-bọc hết các bạn-bè nghèo-khò.

— Tôi thì cố học, đi thi khóa nữa xem sao, một người làm quan, cả họ được nhờ, tôi mà đi thi, được đỗ cao, bỏ làm quan thì phải biết, xin cam-đoan cứu-giúp tất cả các anh em khốn-khó.

— Tôi thì tôi chẳng dám mong giàu, mà cũng chẳng dám mong sang, chỉ mong được nhàn-bạ sung-sướng, không phải mang thân làm hình-dịch; tranh-danh đoạt-lợi cũng chẳng làm gì, đời người như giấc mộng, nhắm mắt xuôi tay là hết, nhàn một ngày là tiên một ngày...

Ngoài đường tối mịt, trong nhà ba người ngồi nói chuyện gẫu như vậy, trước ngọn đèn dầu ta leo-lét, đàn run, trống ếch, khua quanh bốn phía nhà, cảnh buồn hơn trấu cấn.

Ai ngờ, những câu truyện văn-thơ, thân-thế, và hình-dáng ba người đã lọt vào tai mắt một người đang đứng ngoài cửa, dòm qua khe vánh, nghe, thấy rõ mồn-một cả.

Người ấy là ông Tả-Ao, qua đây lỡ bước, trời tối, vào trong làng xóm, nhân thấy cái nhà tranh bên đường, có ánh đèn chiếu qua khe cửa, nên lần đến, toan gọi cửa ngủ nhờ. Đến cửa, chợt nghe có tiếng ngâm thơ, vỗ đùi, bèn nín hơi đứng yên, vừa nghe vừa dòm qua khe cửa.

Nghe đã chán tai, dòm đã chán mắt, tâm-sự ba người, ông Tả đều rõ cả, bấy giờ ông mới gõ cửa.

Chụm bác trong đĩa dầu, cho ngọn đèn được tỏ hơn, ba người đưa mắt nhìn nhau, rồi một người đứng dậy ra mở cửa.

Một ông có tuổi bước vào nhà, nách cặp ô và khăn gói, hỏi xin ngủ nhờ, vì trời tối, lỡ bước tới đây.

Cửa liền đóng lại, ba người mời ông khách trọ ngồi cùng uống nước, rồi hỏi ông đi đâu, mà lại lỡ đường như vậy.

Chẳng giấu-giếm gì, ông Tả xưng thực ngay tên họ, vì mãi làm mấy kiểu đất giữa cánh đồng xa, nên lỡ bước, trời tối, phải lại nhờ đây.

Bởi chung ông Tả-Ao đứng nghe ngoài cửa, đã rõ cả cảnh-ngộ của ba người, nên ông muốn làm phúc, mới xưng rõ ngay họ tên mình như vậy.

Thực là trời mở cửa, ba người nghe xong, đều đứng cả dậy, chắp tay vái ông Tả-Ao, nói là có mắt không người, được gặp bậc thánh-nhân mà không biết.

Ông Tả-Ao bảo ba người ngồi cả xuống, rồi ông nói cho biết là : trước khi bước

chân vào nhà, ông đã đứng ngoài cửa nghe rõ các câu truyện, và hiểu cảnh-ngộ ba người rồi; nay nếu ba người có thực thành tâm mong ước điều gì, cứ nói đi, ông sẽ giúp cho được như nguyện.

Thì một người xin cho khoa này đi thi đỗ thật cao, làm quan to, để cả họ được nhờ, và cứu giúp tất cả các anh em cùng-khò.

Một người xin cho được giàu có sung-sướng, để bao-bọc tất cả bạn-bè túng-lỡ.

Còn một người nữa, chẳng nói chi, ông Tả-Ao hỏi sao lại không đạt ý mình ra, để ông giúp cho?

Người ấy nói: « Sự giàu và sự sang, hai bạn tôi đây đã xin ngài cả rồi, về phần tôi còn biết xin gì, vả giàu sang đối với tôi là giấc mộng, tôi chỉ mong sao được nhàn-hạ, chẳng phải làm gì mà đủ ăn, tiêu-dao ngày tháng cho qua, khỏi phải lao-cần hình-dịch, ấy là hơn »!

Ông Tả-Ao hỏi đùa: « Thế thì muốn ăn không à? » Người ấy chưa kịp trả lời, thì ông đã gạt-gù bảo: « muốn thế cũng cho thế, rồi cả đời sẽ nhàn-hạ. »

Ông bảo anh muốn giàu thì về bốc mả mẹ lại đây, anh muốn sang thì bốc mả bố lại đây, anh muốn nhàn thì bốc mả vợ, đem cả lại, ta sẽ trộn huyết táng làm phúc cho, ai nấy sẽ được như nguyện.

Trong 4, 5 hôm, cả ba người cùng bốc mả đem đến, ông bảo khiêng cả ra cái huyết, ông cắm cho ở giữa cánh đồng, rồi ông phân kim, táng cả ba cái tiểu đều một hàng, chỉ cách nhau mỗi cái có một bước chân, mả vợ anh muốn nhàn táng ở giữa, mả mẹ anh muốn giàu thì bên tả, mả bố anh muốn sang thì bên hữu. Chôn xong ông hô thần đến giao giữ ba ngôi mả ấy; ba anh thấy ông Tả-Ao pháp-thuật cao-cường như vậy, thì đều khiếp-sợ phục tài.

Ông Tả-Ao bảo ba người rằng: « Ba ngôi mộ đây, ta đã giao thần coi giữ, nếu một người trong ba người mà bốc một ngôi mộ này đi, thì cả ba người sẽ bị nghèo-khò đến cùng-cực, không còn cách gì cứu lại được ».

Ba người đều xin vâng lời. Ông Tả-Ao cấp ô đi thẳng.

Anh muốn giàu sau bắt được vàng, quả-nhiên giàu-có lớn. Anh muốn sang, đi thi quả-nhiên đỗ cao làm quan to.

Duy có anh muốn nhàn thì càng ngày càng nghèo xơ nghèo xác, cỏ dứa con lại chết mất, còn độc chui một thân, làm ăn vất vả không nổi.

Trong khi anh này bị nghèo khổ quá đi như vậy, thì hai anh kia giàu-sang sung-sướng, ít ai bì kịp.

Một hôm anh nghèo, túng thiếu quá đỗi, nhịn đói đã hai hôm rồi, nghĩ buồn quá, nhớ truyện ông Tả-Ao lừa mả, tại sao hai bạn mình thì được như nguyện cả rồi, mà còn mình thì lại dặt thế này. Anh bèn chống ô tới anh bạn giàu, than-thở cảnh khổ mình, thì thấy anh giàu ra ý đòi bạn, nhạt-nhẽ thờ-ơ, chỉ dọn mâm cơm rau cho ăn với lữ tôi tớ. Anh đành nhắm mắt chịu, ăn cho khỏi chết; rồi lại sang anh làm quan, thì bọn lính nhà quan nó khinh-bĩ lạ-lùng, cả quan cũng làm ra mặt kẻ-cả, sai lính đem ra cho ít đồng, rồi bảo đi, bạn sau cảm không được đến nữa.

Anh nghĩ cuộc đời càng thêm ngao-ngán cho nhân-tình thế-thái. Sự nhớ lời ông

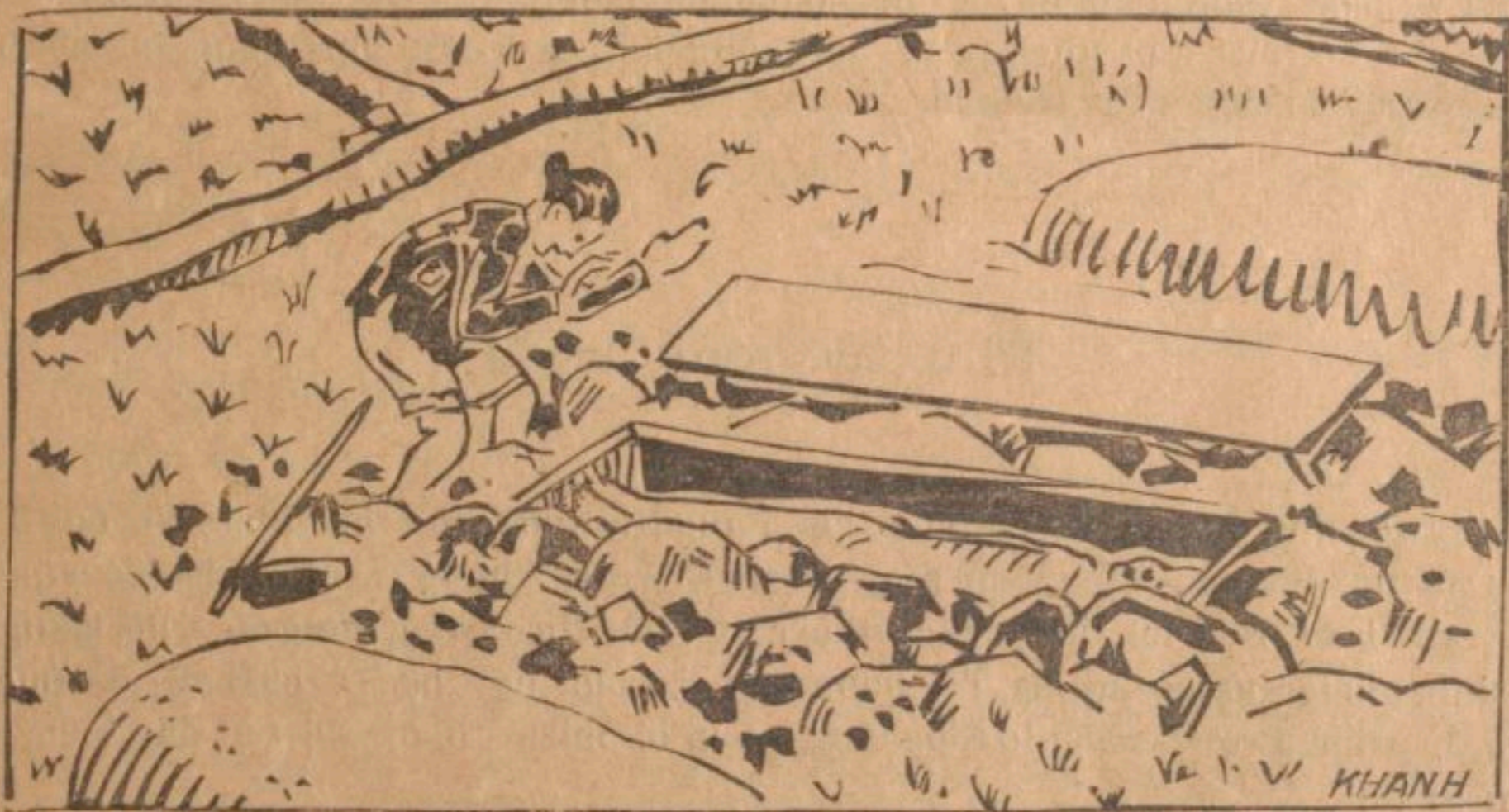
Tả-Ao, khi táng 3 ngôi mộ xong có dặn: hễ cứ ai cất một ngôi đi, thì cả ba ngôi đều hỏng, ba người sẽ bị nghèo-khò cùng-cực cả. Một tia sáng chạy qua óc, anh liền trở lại nhà anh giàu, dọa phải cho tiền, phải cung-cấp thực hậu, nếu không, sẽ về bốc mả vợ đi, thì ba thằng cùng chết, thân anh nghèo-khò thế, không cần gì phát với chẳng phát nữa.

Anh giàu sợ quá, nhớ lời ông Tả-Ao dặn lại mà ghê, nên phải cẩn rắng nuôi bảo có anh nghèo và biểu tiền tiêu. Anh nghèo đắc trịch rồi, lại sang anh làm quan dọa-nạt như vậy, anh kia nhớ lời ông Tả-Ao, cũng phải nén lòng mà chiều-đãi anh nghèo, muốn gì được vậy.

Thế là anh nghèo đóng mặt chỉ ăn không, cứ ở nhà anh làm quan mấy tháng, lại sang ăn hại anh nhà giàu hàng nửa năm, hai anh kia phải chiều, sợ hơn «bố đẻ» một nước.

Anh nghèo được thế càng làm già, hễ hai anh kia hơi trở giọng gì, là lại dọa về bốc mả vợ, cho mà khốn cả lũ.

Thế là anh cứ ăn không, năm này qua năm khác, chỉ chơi-bời, nhàn-hạ, chẳng làm gì cả, cơm có nơi ăn, tiền có nơi lấy, chẳng lo-lắng gì; anh vẫn thường luôn luôn ca-tụng công-dức ông Tả-Ao, thực là thánh địa-lý; mà không những một mình anh khen như vậy, cả hai anh kia đều cũng phải ghê cái tài ông Tả-Ao, không biết ông ta làm thế nào mà ba ngôi mộ cùng để một nơi, lại phát ba lối, như nguyện của ba người, ước sao được vậy.



ANH NGHÈO VỀ BỐC MẢ VỢ

Nhưng anh nghèo càng ngày càng làm quá, mà hai anh kia thấy nuôi bảo-cò mãi cũng tức, bảo nhau: «chỉ vì có ngôi mả, mà phải chiều nó mãi thế này, những không, thì tổng cò nó đi cho rảnh truyện!» Rồi hai anh bàn-tán với nhau: bảo bây giờ chúng mình người thì quan cao lộc cả rồi, người thì giàu-có, của trất hàng kho rồi, để mỗi

lúc đã ai làm gì nòi, ngôi quan kia ai cướp được, tiền của này ai dám chiếm; àu là đuổi phắt nó đi, hễ nó lòi-thôi, thì phết cho một trận, rồi tổng, xem nó làm gì được bọn mình, nó còn mong mả vợ nó phát ăn không, chắc «bổ bảo» nó cũng không dám động tới ngôi mả vợ nó.

Bàn xong, liền thi-hành ngay, anh nghèo bị đuổi, lại còn bị đánh nữa.

Tức quá, liều thân, chẳng nghĩ gì phải quấy, phăm-phăm về bốc ngôi mả vợ thực, anh nghèo quyết làm trái lời ông Tả-Ao dặn, xem ra sao, chết thì chết cả lũ, anh cũng chẳng còn thiết gì cải đời!

Bởi chung ba ngôi mả ấy, đã có thần coi giữ, nên anh nghèo về bốc mả vợ, khi đào lên, thấy hài-cốt đã kết lại thành hình người, đỏ như tiết, dính chặt vào đất, không gỡ ra được, anh thấy, rợn tóc gáy, bắt sây-sầm mặt mày, sợ quá, vội-vàng lại phải lấp đất lại.

Tuy lấp vậy rồi, mà bởi khi đào đất, đã làm chuyễn tới long-mạch, nên động.

Hai anh giàu và sang kia, bỗng tự-nhiên một anh bị cướp vào cướp phá, lấy mất nửa cơ-nghiệp; anh làm quan bị dân kiện, phải giáng chức, suýt bị cách tuột; sau dò-la mới hay là thằng ăn không, nó về chực bốc mả vợ nó thực, nhưng mới đào lên, lại lấp xuống, mà đã nguy thế rồi; nếu nó bốc hẳn đi thì khốn to; nên hai anh bảo nhau lại phải đi «rước» nó về nuôi, cho nó «ăn không» thôi, kéo khốn cả.

Thế là từ đấy hai anh cứ phải nuôi nợ một anh, cơm ăn, áo mặc, tiền lấy, lại có khi bị nó hạch-sách nữa; nhưng trêu vào, hay trở giọng với nó, thì nó lại chỉ dọa về bốc mả vợ ngay, đành chịu ép một bề, có oán chỉ oán ông Tả-Ao, sao lại để đất ác như vậy, lại cho nó phát «ăn không», để hai thằng phải cung-đốn một thằng, mà nó thì cứ ra công «quấy», càng ngày càng tệ.

## Phụ tử đồng triều

**T**ẠI một nhà ông Tú ở một làng kia, đang trải qua tấn thảm-kịch. Vợ ông Tú có mang, đến ngày đẻ, chẳng may cái thai to quá không ra được, bà Tú vừa đau vừa lả đi, rồi chết, thành ra cái thai cũng chôn theo trong bụng mẹ. Nhà lại nghèo, việc sinh-phai nhờ có tay bà Tú buôn-bán tần-tảo, nay bà Tú chết đi, để ông Tú vất-vả đủ trăm đường, phần lo tổng-táng, phần lo-phiền, rồi đây biết đi đâu kiếm kế gì cho no ấm?!

Ông Tú chôn vợ xong, được ba ngày, ông cảm thương số phận, lại quá thương nhớ vợ, tiếc cả đứa con trong bụng, ông chán đời, cởi giầy lưng, bắc ghế, buộc lên sà nhà, rồi đánh thông-lọng, cho đầu vào tự ải...

Chợt ông Tả-Ao qua đó, vì trời nắng quá, thấy nhà có cây rưa hồng leo trước cửa, mọc lan cả ra hàng rậu, trông quả ngon lắm, ông mới ghé dòm vào nhà, định xem có ai, thì hỏi xin một quả ăn cho mát ruột.

Thì một cảnh thương-tâm bày ra trước mắt, ông thấy một người đang chui đầu vào giây muốn tự-tử.

Ông vội đập cửa, nhảy bỏ vào, cắt giây dỡ xuống, ông Tú còn tỉnh, vì vừa mới cho đầu vào thông-lọng!

Hai người nhìn nhau chùng chùng, ông Tú hỏi ông Tả-Ao là ai, lại đến ngăn-trở không cho ông chết quách đi cho rồi!

Ông Tả-Ao kiểm lời yên-ủi, và chủ khách bắt đầu vào truyện, hàng giờ đồng hồ xem ra hợp tình tình nhau lắm.

Hai bên đều đã rõ tên tuổi nhau, hiểu rõ nhau rồi, bấy giờ ông Tả-Ao mới ngắm quanh nhà, rồi bảo nhà này có chậu bạc chôn ở góc nhà, cửa chủ cũ đã lâu đời, nên lấy ngay lên mà dùng, chỉ đào sâu độ hơn một thước sẽ thấy.

Ông Tú còn chưa tin, bèn lấy thuồng đào lên, quả nhiên có chậu bạc thực, toàn bạc nén cả. Bấy giờ mới chịu ông Tả-Ao là giỏi, không trách ai ai cũng đồn ông là thánh sống, rõ mình nằm trên chậu bạc mà không hay.

Đem bạc biểu ông Tả-Ao, ông không lấy, bảo cứ cất kín đi mà tiêu dùng, làm lương ăn mà học, đề khoa sau đi thi, và « nuôi con ».

Ông Tú ngạc-nhiên, tưởng ông Tả-Ao lúc này nghe truyện lãng tai, nên nói lại: « thưa ngài, tôi chẳng còn con nào cả ».

Ông Tả-Ao cười, bảo: « thì đứa con còn ở trong bụng mẹ đó thôi ».

— Nhưng thưa ngài nó còn sống thế nào được, mẹ nó chết, chôn rồi, thì nó cũng chết rồi còn đâu nữa?

— Thế ngộ tôi làm cho nó sống được thì làm sao. Mẹ nó chết giờ ấy, ngày ấy, thiêng lắm đó. Thôi mau lên đưa tôi ra mộ, tôi sẽ cứu đứa con ấy, đem thuồng cuốc đi mau, kéo chậm việc.

Ông Tú ngần cả người, nửa tin nửa nghi, không thể nào lại có lý như vậy, chết đã ba ngày rồi, còn cứu thế nào được. Nhưng thấy việc chậu bạc vừa đào được và lời ông Tả-Ao quả quyết lắm, nên cũng cứ theo lời xem sao.

Đến mộ, ông Tả-Ao bảo ông Tú đào mộ lên, ông Tả cũng mó tay làm giúp.

Khi đã đến áo-quan, ông Tả-Ao bảo mở nắp ra cho ông xem, ông Tú run, không dám mở, ông Tả liền mở hộ, thì chẳng có mùi gì, bà Tú mặt còn tươi như sống, ông nom thấy ứa nước mắt khóc.

Ông Tả-Ao liền bắt quyết, niệm chú hô thần, rồi đọc những gì không rõ.

Làm phép xong, ông lại đập nắp quan lại, đặt tróc-long ngắm hướng, rồi dầy áo-quan xé rịch ra bên một chút cho đúng huyết, rồi ông và ông Tú lại lấp đất đi như cũ.

Hai người về nhà, rửa chân tay xong, ông Tả-Ao cấp ô đi, và hẹn với ông Tú nội trong 100 ngày sẽ lại, mỗi ngày phải ra thăm mộ một lần chớ sai, mà đừng cho ai biết.

Đã chín mươi chín ngày rồi, mà chưa thấy ông Tả-Ao lại, suốt cả ngày hôm sau, trời đã xế chiều rồi, mà càng mong càng « mất hút ».

Ông Tú ngồi bấm đốt ngón tay, tính ngày lại, thì rõ ràng hôm đó là trăm ngày đúng.

không sai; mà quái làm sao hết ngày rồi mà ông Tả-Ao không đến, bụng bảo dạ: chắc ông quên.

Trời đã tối, ông Tú thở giải, hết hi-vọng, đóng cửa, vào đi ngủ.

Vừa đặt lưng nằm được một chốc, thiu-thiu ngủ, bỗng có tiếng đập cửa mạnh. Hỏi ai? — Ông Tả-Ao lên tiếng, bảo mở cửa.

Thôi dich rồi, ông Tú ngồi nhồm dậy, khều bắc đèn, rồi ra mở cửa đón vào. Hai người ngồi nói truyện một lúc, ông Tả-Ao bảo nên đi ngủ ngay, để mai sáng dậy thực sớm ra mộ còn phải đào.

Sớm mai mới mờ-mờ đất, hai người đã đang hùy-huych đào mộ. Vừa rõ mặt người thì tới áo-quan. Ông Tú bỗng nghe có tiếng lục-đục trong quan, sợ tái mặt, ông Tả-Ao chỉ cười, bảo cứ vững dạ, ông sẽ mở nắp quan ra cho mà xem.

Ông Tú lấy sức can-dảm, định tâm-thần lại, ông Tả-Ao bấy giờ mới mở nắp áo-quan ra cho xem, thì lạ chử, ông Tú thấy bao nhiêu xác thịt vợ đều đã tiêu đi đâu mất cả, áo-quan khô như không, chỉ còn bộ xương, có đứa bé con trai, da trắng như ngà, rõ là bạch-tạng, đang vầy những chiếc xương của mẹ, mà bộ xương ấy đã bị đứa bé mó vào chơi đùa, đến nỗi cái xương nào cũng bóng lộn mà vàng như nghệ.

Ông Tả-Ao bế đứa bé con lên, rồi bảo ông Tú thu hết các chiếc xương cho đủ, gói vào một gói đem về nhà, chỗ mộ đấy thì lấp đất phẳng đi.

Đứa trẻ ấy, giống ông Tú như đúc, ông Tả-Ao bảo nấu nước tắm cho nó, kéo nó bị nhiều hơi âm quá, và nấu cháo cho nó ăn ngay để lấy sức.

Trong khi ấy thì ông Tả-Ao vào bếp lấy một cái nồi to, đem ra xếp xương bà Tú vào, đập dập lại, lấy bùn trộn với tro, rồi chát kín miệng vung vào với nồi. Làm xong, ông bảo ông Tú ẵm con ra cho ông làm phép. Đứa trẻ ấy sau khi tắm và làm phép, bấy giờ mới oe-oe khóc, ông Tú cho ăn cháo, nó liền tỉnh-táo nhanh-nhẹn như các trẻ con thường, duy chỉ có nước da là trắng như bạch-tạng. Ông Tả-Ao bảo vào làng tìm ngay vú để nuôi nó, cố chăm-chỉ nuôi lấy con, sau này nó sẽ làm lên to ngang chức bố.

Thì ra ông Tả-Ao đã tìm sẵn cho nhà này một kiểu đất « phụ-tử đồng triều » ở cách đó hai làng, nên hôm đủ 100 ngày, ông lại khi chậm. Mà đứa trẻ nuôi dưới âm kia, ông đã làm phép cho xác mẹ tiêu đi, lấy đường cho đứa trẻ thoát ra, xé rịch áo quan ra bên cho đúng mạch, lấy hậu-khí ở dưới đất mà nuôi đứa bé sống được đủ 100 ngày, rồi ông đến cứu.

Ông Tú đã tìm được vú nuôi con, lại nuôi thêm hai thằng nhỏ để hầu-hạ cậu ấm.

Tối hôm ấy ông Tả-Ao bảo ông Tú xách nồi xương vợ ra đi, ông Tả-Ao vác thùng cuộc đi theo, đem ra chôn ở huyết, ông đã đánh dấu kỹ-càng, mà cũng may sao đêm ấy sáng trăng xuống, nên hai người đào, chôn rất chóng.

Chôn xong, ông bảo ông Tú rằng: từ đây sẽ sung-sướng vô cùng, rồi hai cha con sẽ cùng làm quan tại triều, vinh-hoa phú-quý, ít ai sánh kịp: nhưng phải làm phúc nhiều vào, cứ lấy một phần chia ba bổng-lộc mà phát cho các kẻ nghèo khó, nếu không làm như vậy, thì hai cha con chỉ được sung-sướng một đời này, đến đời cháu chắt sẽ không bền.

Ông Tú xin vâng lời. Ông Tả-Ao đem đó nhất định cáo-từ ra đi; mặc dầu ông Tú lạy van xin ở lại.

Ông Tú khiếp-phục tài ông Tả-Ao, ghi vào gia-phả truyện đó, lại chép cả lời ông Tả-Ao dặn con cháu phải làm phúc nhiều, thì mới được lâu bền.

Sau ông Tú đi thi, đỗ Tiến-sĩ, làm quan to tại triều ; con trai mới 19 tuổi cũng đỗ Tiến-sĩ, làm quan tại triều, hai cha con đều hưởng lộc lâu dài. Ông Tú thọ đến 95 tuổi mới mất.

Người con ấy, sau không nghe lời ông Tả-Ao, mà bố đã ghi chép trong gia-phả, ăn ở ra lối bỗn-xên hà-tiện, ít làm phúc, nên đến đời cháu chắt sau, lại là chân bạch-dinh, chẳng ai đỗ-đạt gì, người nào cũng chỉ gọi là đủ ăn, không ai phát-đạt.

Truyện này hơi hoang-đường, nhưng cũng xin chép đủ, để làm tài-liệu khảo-cứu về sau.

Đây chỉ biết góp lại làm truyện vui, trong một đời ông Tả-Ao làm địa-lý.

### Bút nghiên hóa vi tiên thốt

**T**ại làng T... Th... O..., có nhà họ Ngh..., chủ nhà là một phú-ông rất keo-bần, bo-xiết, hay đong thừa làm thiếu, mà tính lại hiếu-danh, cả làng ai cũng chỉ nề ngoài mặt.

Hai con trai đã lớn, đều đi học, học chẳng bằng ai, nhưng ông bố đi đâu cũng khoe con học giỏi, sắp đi thi, quyết là phải đỗ cao, làm nên danh-giá sau này.

Nghe tin ông Tả-Ao là thánh địa-lý đang ở một nhà trong làng, để mả cho bác khán Ất, ông ấy rao : ai có nhiều tiền và nhiều phúc-đức, đến cầu ông, ông sẽ làm đất cho, tùy lòng sở-nguyện, muốn gì được thế.

Nghĩ rằng mình nhà giàu, đem nhiều tiền đến, quyết là ông Tả - Ao phải cho mình ngôi đất to, hai thằng con mình hẳn là số nó khá đến nơi rồi, nên mới có truyện ông Tả-Ao tới lang « rao hàng » như vậy.

Tri đã quyết, liền khấn áo chịch-tề, tới nhà khán Ất, yết-kiến ông Tả-Ao.

Thấy mặt mũi vênh-vang, đi đứng có vẻ kiêu-kỳ, nói năng toàn giọng trịch-thượng, ông Tả - Ao đã ghét độc ; lại đến xin đề mả cho phát quan, xin cho hai con : thằng đỗ Thâm-Hoa, thằng đỗ Bằng-Nhỡn, lấy bao nhiêu tiền xin đưa.

Tương-kể-tự-kể, ông Tả-Ao liền giở-gọng « lý-lài », bảo phải có đủ 500 quan tiền sếp ngay, ông sẽ làm đất cho, hai con sẽ đỗ được đúng như thế.

Giở giọng kẻo-nhèo, kêu là đắt quá, rồi thì bớt một thêm hai, giờ lâu ngã giá, dùng tiền 200 quan.

Vốn xưa nay, ông Tả-Ao chỉ đi thử, người nào nhiều phúc-đức, ông mới giúp cho, chứ có phải ông cốt đi kiếm tiền như mấy thầy địa « gà mờ » đâu. Đến đây, thấy anh trọc - phú, giở - giọng buôn bán thêm bớt như vậy, thì ông định phạt chơi, rồi sẽ lấy tiền cho các kẻ nghèo-nản.

Được ông Tả-Ao bằng lòng cho giá 200 quan, đề mua lấy Thám-Hoa, Bàng-Nhơn ; phú-ông liền xin phép về nhà lấy tiền đem lại.

Khi phú-ông đã đi rồi, ông Tả-Ao mới hỏi rõ bác khản Ất, những sự hành-vi của phú-ông ấy trong làng ra sao, mới hay là lão ấy giàu mà làm nhiều sự thất-đức, cả làng chẳng ai ưa những cái nết quý-hóa của cụ bô-già giàu xụ ấy.

Biết vậy, ông Tả-Ao định tâm, quyết phải trị tên này.

Một lúc lâu, phú-ông sai mấy gia-nhân khuôn tiền lại, đủ hai trăm quan, xếp đầy ở trên bục gỗ.

Phú-ông khệ-nệ tới sau, xin ông Tả-Ao nhận tiền, và làm đất ngay cho.

Ông Tả-Ao bảo về nhà bốc ngôi mã tồ đề sẵn ở nhà, khi nào xong, đến đây đón ta lại nhà, ta sẽ đi tìm huyết táng cho.

Phú-ông theo lời, về bốc mã tồ, đề vào chiếc tiều mới, đem về đề sẵn ở ruộng nhà, rồi đi mời ông Tả - Ao về nhà thết - đãi rộn - rịch ăn uống, như có việc vui mừng vậy ; mời-mọc người làng đến uống rượu, chửng-quả cho việc ông Tả-Ao đề giúp ngôi mộ tồ, cầu phát công-khanh ; ai nấy đều mừng cho hai cậu con phú-ông sắp được đồ cao, làm danh-giá cho nhà, cho họ, cho làng-mạc !

Ông Tả-Ao chỉ mỉm cười..., cái cười chết người !

Vì ông Tả-Ao hỏi rõ bác khản Ất, đã biết phú-ông là người biển-lặn, hay dong thừa bán thiếu, nên khi phú-ông xếp 200 quan tiền xong, chờ phú-ông về, ông đếm lại cả 200 quan, xem mỗi quan có đủ 10 tiền, mỗi tiền có đủ 60 đồng không ; thì ông thấy quan nào cũng thiếu mất 9, 10 đồng ; tính rồn lại vừa thiếu đúng ba quan tiền quý. Ông chẳng nói gì.

Đến khi táng mã tồ xuống huyết, ông mới tìm cách trừng-phạt, đề phẫn, cho nhà họ Nghiêm sau này chẳng phát gì, mà còn phải chịu tai-ách về sau.

Chỉ buồn thay cho phú-ông, khi ông Tả-Ao đã đề mã xong, lấy làm hi-hửng vui mừng lắm, chắc là sắp phát đến nơi, chứ có biết đâu những cách phẫn của ông thánh địa-lý ấy.

Công việc xong, ông Tả-Ao bảo mua một cái khoán, rồi ông viết mấy câu vào mảnh giấy, bỏ vào trong ống khoán, gấn kỹ lại, chẳng còn ai biết là ông viết gì, ai cũng yên trí rằng đấy hẳn là đạo bùa chi đó.

Ông Tả-Ao bảo phải cất kỹ ống khoán này đi, cấm không được mở ra xem, nếu không nghe, sẽ có tai-hại lớn. Chờ đúng đến ngày này, tháng này, năm sau, giờ ra xem sẽ biết có nhiều điều hay. Nói rồi, ông viết ngày tháng ra ngoài ống khoán, cho mà dễ nhớ.

Thế rồi ông cáo từ ra đi, sang nhà bác khản Ất bảo cho biết là 200 quan tiền xếp đó, quan nào cũng thiếu cả, tính thiếu đúng ba quan, vậy ông chỉ lấy 2 quan ăn đường, cho bác khản 5 quan tiêu Tết, còn 193 quan, ông bảo bác Khản cất kỹ đi, sau một tháng ông sẽ trở lại lấy nốt, rồi ông cắp ô ra đi.

Quả nhiên đúng một tháng, ông trở lại thực, đòi lại đủ 193 quan, bảo bác Khản đem xếp cả ra ngoài cửa, mà đừng cho ai biết là ông ở đấy.



Bống xóm trên phát hỏa, cháy tới hơn 10 nóc nhà, các người mất chỗ ăn ở khóc-lóc khờ-sở, chạy xuống ở nhờ xóm dưới. Khi qua nhà bác khản Ất, ông Tả - Ao bảo Ất vẫy cả lại cho mỗi người mấy quan, một lúc hết cả 193 quan tiền, ai cũng khen bác khản Ất phúc-dữc quá, vì không biết tiền ấy là của ông Tả-Ao làm ra, nhờ tay bác Ất phát.

Phát xong rồi, ông lại đi, bác Ất cũng phải sợ tài, không biết tại sao ông lại biết trước rằng xóm trên cháy ngày hôm ấy, các khờ-chủ chạy qua đây, mà ông sai xếp tiền sẵn để phát, thánh thực !

Nhà phú-ông từ khi đề ngôi mả tổ ấy, mới được 100 ngày, đã hai lần bị trộm cướp làm sạt nghiệp. Hai cậu con trai dâm ra chơi-bời lêu-lồng, bỏ cả học-hành, phá tan cơ-nghiệp, bà vợ phú-ông lại sinh đặng một công-tử khác đời, tất cả hai bàn tay chỉ có 7 ngón, 2 bàn chân cũng vậy. Phú-ông đêm ngày lo buồn, càng co-co còm-còm hà-tiện bao nhiêu, của trong nhà càng như đội nón ra đi. Bấy tháng sau, cậu con cả lại lặn cồ ra chết, thành ra sinh thêm một con, lại tử mất một con.

Rồi bà vợ phú - ông thấy trong nhà xa-xút quá, phải tìm cách buôn-bán, để sinh-cơ lập-nghiệp : bà đi buôn lợn về làm thịt bán.

Thì cố-nhiên là phú-ông và cả cậu hai, phải mó tay vào chộc tiết làm lợn, để lấy thịt cho bà bán.

Nhưng khờ nỏi buôn-bán cứ bị người ta trả tiền thiếu luôn, không ít thì nhiều, mà bà lại hay đặng tính quá, nên con lợn có khi lã hãn-hoi, mà lại hóa ra hòa vốn, hoặc lỗ.

Chót dâm lao phải theo lao, dù sao cũng phải giữ lấy nghề, vì hôm lỗ có hôm lãi, còn hơn ngồi ăn không cả, thì mấy lúc mà núi lở.

Đã đầy năm, chợt nhớ tới ống khoán của ông Tả-Ao để lại đó, vợ chồng con cái, bèn mở ra xem, « chắc mầm » có sự gì hay đây, cứu vãn hạn nhà, đang lúc quẩn-bách.

Khi giở ra chỉ thấy có mảnh giấy có mấy câu :

*Khiếm tiền tam quán,  
Bị giảm tam phần ;  
Bút (1) hóa vi xiên,  
Nghiên (2) hóa vi thớt ;  
Bảng-Nhơn, Thâm-Hoa,  
Biển vi đồ-tề !*

Thảo nào mà xúi thế, bố con tự-nhiên hóa ra bọn đồ-tề, bấy giờ phú-ông mới hối-hận và tự trách mình khi trước hay làm thiếu, nên nay bị phản, khờ-sở thế này, cả nhà vừa tức, mà lại vừa phục ông Tả-Ao.

Câu truyện ấy truyền đi, đã làm gương cho bao nhiêu kẻ giàu mà biển-lặn, ai cũng lắc đầu le lưỡi ghê cái tài ông Tả.

(1-2) — Thường ở cạnh bờ ruộng, có những thối đất giải nhô ra, và những mô đất bình vuông, các thầy địa-lý, gọi những mầu đất ấy là nghiên với bút, để vào giữa bút nghiên ấy cho phải phép, thì con cháu sẽ đồ to, được làm quan !

Bữa cơm ấy đắt quá

**M**ột anh Khóa kia đã nổi tiếng lâu-lĩnh, nghịch-ngợm ở làng, nhưng được cái thông-minh, giỏi lý-luật, lo mưu tính kế hộ ai đều đắc-lực, văn-chương hay, mà chỉ vì nổi hữu tài vô duyên, nên đi thi đã ba khóa, mà đều «dắm vô chuối» cả.

Bố mẹ chết, anh trên em dưới đều không, phải ở với chị gái, góa chồng, nuôi cho ăn học.

Anh Khóa vẫn tự tủi, trách thân, bực rọc nhiều nỗi, cố công học-hành, quyết làm nên kia khác, dền ơn chị mới nghe.

Thì may sao khi ấy ông Tả-Ao đang làm đất cho một nhà ở làng, mới có mấy ngày đã phát, tiếng-tấm đồn ầm cả lên.

Anh Khóa nghĩ rằng : thuyết phong thủy cũng hay, mình đi thi trượt mãi, àu là đánh liều, đến lạy van ông Tả-Ao, mời về nhà, xem ông dúp được cho cách gì hay chẳng, và nhân tiện cho biết tài ông một thể.

Nghĩ rồi, khăn áo đến lạy ông Tả-Ao, kể rõ tình đầu : bực rọc, thẹn tủi, ăn nhờ chị, trí không thành, danh không hiển ; xin ngài nghĩ sao, tìm cách dúp cho.

Ông Tả-Ao thấy người có vẻ nhanh-nhẹn, ăn nói hoạt-bác, thông-minh, cầu mình như vậy, ông hỏi thử qua mấy lời, biết là người khá, liền nhận lời.

Anh Khóa mời được ông về nhà, kể rõ mọi sự cùng chị, xia chị làm cho mâm cơm thực to, đề thết ông Tả.

Chị cũng vui lòng chiều em ra chào ông Tả-Ao, rồi vào bếp làm cơm thết khách.

Khi cơm rượu đã bưng lên, anh Khóa quỳ xuống đất, lạy ông Tả-Ao hai lạy, gọi là chút lòng thành, xin ông chứng-quả cho. Người chị cũng ra lạy nói : thân gái góa chồng, mới được một con còn nhỏ dại, em trai số vất-vả, thi mãi không đỗ, chị em phải biau-diu lấy nhau, xin ngài thương tình kiếm cách giúp cho em trai được như ý, đề chị em được mát mặt...

Ông Tả-Ao thấy người chị ở với em tốt như vậy, lại thương anh Khóa số-phận hãm-hiu, nên vừa uống rượu vừa hỏi : mộ cha mẹ để ở đâu? Có xa không?

Anh Khóa đỡ ngay lời chị, nói là cha mẹ chết từ khi còn nhỏ quá, chưa biết gì, ở tận đường ngược, xa lắm, họ hàng ly-tán cả, không ai chỉ cho biết, may còn chị lấy chồng ở vùng đây, khi bố mẹ chết không biết, sau chỉ về thăm qua, nay cũng quên cả mộ rồi, mà có lẽ vùng ấy nay giặc-giã quấy-nhiều, chửu chắc những phần mộ ở đấy có còn không.

Ông Tả-Ao nghe xong, chán hơn cơm nếp, bảo : ta cốt có mã mới táng dùm cho các người được, nay các người không biết mộ cha mẹ ở đâu, thì ta còn dúp sao được, vậy chớ mộ tổ có còn nhớ ngôi nào không?

Anh Khóa thưa : không nhớ nốt.

Thực là trên không chằng, dưới không rẽ, còn biết dúp cách nào ?

Hai chị em vẫn kêu ca lạy lỵ.

Ông Tả vừa uống rượu, vừa nghĩ ngợi. Rồi bỗng ông trông thấy ngoài sân có luồng khí trắng bốc lên (vì ông biết phép vọng-khí). Ông liền nghĩ ra một kế, dùng lối « tàng sống », bảo hai chị em ra đào một cái hố sâu ở sân, độ đến bụng, vừa một người đứng xuống.

Chỉ một lát, chị em đào xong, ông Tả-Ao bảo người chị hãy tạm lánh xuống bếp. Còn anh Khóa thì đứng xuống hố ấy, trong nhà ông sẽ « dận long mạch » lấy hậu-khí phát ngay vào người anh, hễ thấy nóng tới đầu, thì phải báo, đe ông liệu.

Anh Khóa vâng lời, ra đứng xuống hố, trong này ông Tả-Ao vừa ngồi nhắm rượu, vừa dận long-mạch, chốc chốc ông lại hỏi, đã thấy nóng ở chân chưa ? đến đầu rồi ?



ÔNG TẢ-AO LÀM PHÉP DẬN MẠCH CHO THẦY KHÓA

Ông mới dận long-mạch có một tí, anh Khóa đã thấy nóng hâm-hấp ở chân, rồi khí nóng ấy cứ đưa dần mãi lên, rất bức-bối khó chịu, nhưng anh lấu lẫm, biết là ông Tả-Ao dùng lối tàng sống dận long-mạch, thu hậu-khí dưới đất phát ngay vào người mình, không cần đến mã bố mẹ, nên anh cố gan, chịu nóng, đứng yên, mỗi lúc ông Tả-Ao hỏi nóng tới đâu rồi, thì anh toàn nói dối ; đã đến quá đùi gối, anh còn bảo mới đến cổ chân, nóng đến trên bụng rồi, anh còn nói mới nóng đến gần đùi gối, đến khi nóng tới vai rồi, anh mới nói là gần gần tới dưới bụng.

Ông Tả-Ao lấy làm lạ, sao phép ta chậm-chạp, không mau-nhiệm vậy, hay là vì cơ làm sao đây, ông mới đứng dậy, chạy ra sờ vào người anh Khóa, thì thấy nóng tới vai rồi, ông gất rầm lên, bảo sao lại nói dối mình như vậy ; ông tự hỏi, quá nhẹ dạ thương người, ăn có một bữa cơm nhà nó, định cho nó đồ thấp, làm chức quan nhỏ thôi, ai ngờ ra thế này, thôi cũng là phúc nhà nó, bây giờ nóng tới vai rồi, sau đây nó làm tới thượng-thư là ít, ông vội kéo cổ anh Khóa lên, bảo cho biết : anh rồi-

rá thể, sau này anh làm quan to thực, nhưng rồi sẽ bắt-đắc-kỳ-tử, bảo trước cho mà biết.

Ông nói rồi, vùng-vằng cắp ô ra đi, không ở lại một phút, ra vẻ tức giận lắm, vira đi vira lằm-bằm: may mà mình đứng dậy xem ngay, nó mà nóng tới đầu, thì làm vua « đút đuôi » rồi, mình sẽ có tội với thiên-đình, nguy chết !

Từ đó, ông đối với ai cũng không nhẹ dạ tin ngay, càng ngày càng khe-khắt lắm, định dúp ai, còn là thử thách chán-chê, mới từ-đồ mà dúp việc.

Anh Khóa từ hôm ấy học sáng lắm, xem đâu nhớ đấy, đến khoa thi, đỗ to, sau bỏ làm quan, đến chức Thượng-thư thực.

Nhưng sau phải cầm quân đi đánh giặc, bị thua, chết tại trận tiền, bị giặc chém mất đầu, đem đi mất, quả như lời ông Tả-Ao, không sai.

### Từ-liêm tứ vật

**H**UYỆN Từ-liêm thuộc phủ H... Đ..., tỉnh H... là một nơi có nhiều kiểu đất lạ. Ông Tả-Ao một khi qua đó, có dừng chân lại xem phong-thủy, rồi nói truyện với mọi người khác rằng :

— Từ-liêm hữu tứ vật.

Mới nghe ai cũng tưởng huyện Từ-Liêm, có bốn vật gì quý. Nhưng ngờ đâu ông Tả-Ao lại dùng nghĩa chữ « vật » là « chớ ».

Vậy thời nghĩa câu : Từ-Liêm hữu tứ vật, là huyện Từ-Liêm có bốn nơi, mọi người chớ nên rầy vào mà bị thiệt.

Sau có người cố hỏi ông Tả-Ao cho kỳ được : « Tứ vật » ấy là gì ? Bấy giờ ông mới bảo cho 4 câu :

*Vật thù Thượng-Hội thê,  
Vật dả Mai-Dịch kỳ ;  
Vật giao Cồ-Nhuế hữu,  
Vật vi Phương-Canh sư.*

Nghĩa là : chớ lấy vợ người làng Thượng-Hội, chớ chơi cờ bạc với dân Mai-Dịch, chớ bè bạn với các người ở Cồ-Nhuế, chớ nên bầy mưu lập kế chực làm thầy cho đám Phương-Canh.

Mọi người cố nài hỏi ông Tả-Ao tại sao lại như vậy, thì ông chỉ trả lời :

— Ấy là vì huyện này phải kiểu đất như vậy, con gái Thượng-Hội không mấy người được một lòng trinh-tiết, dân Mai-Dịch chơi cờ lâu-lĩnh, người Cồ-Nhuế ít ai giữ chữ tin cùng bằng-hữu, dân Phương-Canh phần nhiều hay phản-sư, vậy thời người thiên-hạ chớ ai « rầy » vào với các dân ấy, mà phạm vào bốn điều đó, thì chỉ « tỏ » thiệt.

Bốn câu ấy, tới nay mọi người ở vùng Từ-Liêm, phần nhiều, đều còn nhớ cả. Bốn câu ấy đã thành như lời sấm đời đời.

### Tồ cánh giới

**N**HIỀU làng có kiều đất rất quý, nhưng tiếc thay không mấy ai có phúc lớn mà chiếm được.

Vả ông Tả-Ao cũng kén chọn, thử thách, xem xét chán-chê, xem người có đức, mà lại có phúc to nữa, mới dám dúp, chớ cũng không phải là cứ ai chiều-dãi ông, kính-trọng ông, lạy van ông, mà ông nề lòng dẽ mả cho đâu.

Hoặc giả cũng có khi ông hàm ơn ai, hay muốn làm phúc cho ai, xét ra cũng hơi có phúc-đức một tí, thì ông cũng dúp cho; nhưng phần nhiều đều là phát nho-nhỏ thôi. Chứ bao giờ những kiều đất to cũng phải rành cho người có phúc lớn.

Vậy nghĩa là ông Tả-Ao vẫn phải làm việc theo thiên-lý, không dám trái mệnh giới.

Như ở làng S... Đ... , huyện Đ... Ph..., tỉnh Hadong, có một kiều đất rất quý, phát to lắm, ở ngay sau chùa làng, mà không ai biết.

Ông Tả-Ao qua đó, nhận thấy, lấy làm thích lắm, muốn tìm xem ai là người có phúc-đức sẽ giúp cho, nhưng quanh vùng đó, ông đi dò-xét, chẳng thấy ai là người đại-phúc mà được hưởng phúc ấy; nên ông chỉ ghi vào quyển sổ tay của ông, kiều đất Sơn-Đồng, giạy trẻ hát câu này :

*Sau chùa có tồ cánh giới,  
Ai mà dẽ được, đời đời Quận-công.*

Kiều đất ấy như hình tồ giới, người làng từ khi nghe câu hát ấy, biết là ông Tả-Ao có qua thăm nơi này, tiếc không ai có phúc mà được gặp-gỡ ông, nên đành chỉ rõ là sau chùa có huyệt quý, mà chẳng ai biết đích chính huyệt ở đâu.

Tới nay họ còn nhớ câu hát ấy, mà ngôi đất quý kia vẫn dẽ không, nhiều thầy địa đả tới ngấp-nghe, nhưng chẳng ai rõ là huyệt ở nơi nào, đành chỉ chép miệng về xuông.

Thế mới biết tài ông Tả-Ao thực là ngang với Cao-Biên có phép « rậy non ».

### Bò ba chân

**L**ÀNG V..., thuộc huyện T... L..., xưa có hai họ. Hai người trưởng họ ấy lại chơi thân với nhau, thường ngày vẫn đi lại với nhau rất mật-thiết, tri-kỹ « con chấy cắn đôi ».

Hai người trưởng họ ấy chơi-bời với nhau rất tốt, nhiều việc đáng khen, thân nhau có thể, khi hữu sự :... kỳ thế thác tử được.

Bất đồ ông Tả-Ao một khi lại lạc vào nhà. Hai anh thấy ông lão ăn mặc lôi-thời lố-thốc, ngỡ là ông lão lỡ độ đường, nên cứ mời ăn, mời uống, tối lại giải chiều mới sạch-sẽ cho ông lão nằm.

Hai anh ấy tuy khác họ, mà ở cùng một nhà với nhau luôn, như anh em ruột vậy.

Đêm ấy ông Tả-Ao tỉ-tê nằm nói truyện với hai anh; mới hiểu rõ hai anh tuy nghèo, nhưng là người khá, bè bạn chơi được với nhau như thế, cũng ít ai sánh kịp.

Mà hai anh cũng nhân câu truyện « giạ-dàm » mới biết ông lão nằm trọ nhà mình đó chính là ông Tả-Ao, thánh về nghề địa-lý.

Hai anh mới lại càng chiều-quí ông, kính-trọng như bậc tôn-trưởng.

Sáng mai, hai anh xin ông Tả-Ao đề cho ngôi mả; gọi là một tí, ông nhón tay làm phúc.

Ông Tả-Ao hỏi hai anh muốn đề mả, cầu gì, cầu phú, cầu qui, hay cầu công-danh?

Hai anh ngần người ra, ngẫm-nghi một lát, bàn với nhau, rồi chỉ xin cho được làm ăn và ăn ở chung-đụng cùng nhau lâu-bền, muốn sự bình-yên khang-cát.

Ông Tả hỏi: « Thi-dụ chung-đụng như thế nào »?

Hai anh thi-dụ: như tậu một con bò, cũng xuất vốn tậu chung, hoặc mỗi người bỏ ra một nửa tiền, hoặc bên bỏ ra hai phần, bên bỏ ra một phần; dẫu rằng bên ít bên nhiều, cũng không quản-ngại, con bò ấy cũng cứ để làm chung, miễn là làm ăn được phát-tài linh-lợi; anh em chúng tôi chỉ cầu thế, chứ như công danh phú-quí, thì chúng tôi không đáng.

Ông Tả-Ao thấy câu-cạnh một lối lạ-lùng, mà có ý chân-thực như vậy, liền bảo hai anh bốc 2 ngôi mả tở tới đây, ông sẽ đi tìm đất làm cho được như ý.

Mộ đã bốc xong.

Hai anh khiêng 2 tiều, theo ông Tả-Ao ra cánh đồng rộng, đi hàng « trặng » đường.

Ông Tả Ao vẫn chưa tìm thấy kiểu đất nào, đề táng xuống, mà khi phát, sẽ hợp với lời thỉnh-cầu của hai anh.

Bỗng ông gặp một thỏi đất nhô giải ra như hình lưỡi cày đi đặng sau con trâu đang cày. Ông liền cầm huyết, phân kim, rồi táng hai ngôi mả ấy cùng một huyết, trông lên nhau.

Chôn xong, ông Tả-Ao bảo: « rồi 2 anh sẽ được làm chung-đụng với nhau mãi, rất phát-tài ».

Nói xong, ông liền đi thẳng, mặc dầu 2 anh cố vật-nài, mời ông ở lại.

Quả-nhiên từ đấy 2 anh, cứ làm việc gì chung-chạ với nhau mới phát-tài; ăn chung, làm chung, nếu chia-rẽ là hỏng việc ngay.

Mà cho tới ngày nay, con cháu 2 họ ấy đã sinh nở đầy làng, mà cái lệ nuôi châu bò vẫn phải chung nhau, hoặc mỗi bên bỏ ra nửa tiền tậu bò, hoặc bên hai phần, bên một phần, tùy theo nhiều ít giàu nghèo, có thể thì làm ăn mới phát-tài; nếu tậu trâu bò làm một mình, thì y như « toi » ngay, ruộng cấy chung cũng được mùa luôn, tóm lại là 2 liếng « chung-đụng », hễ làm gì không chung thì không phát-tài.

Vậy mới có câu « bò ba chân », tỏ ý là: con bò bên chung 2 phần, thì chiếm 3 chân;

bên chung 1 phần, thì chỉ có 1 chân ; trừ ra khi mỗi bên chung một nửa, thì mới đều mỗi phần 2 chân.

Nhưng phần nhiều ở làng ấy, nay trâu bò cày ruộng, đều chung bên 3 phần, bên 1 phần cả.

Nên ngôi mã ấy mới gọi là : « phát bò 3 chân », ai làm ruộng cũng phải làm chung như vậy

## Rõ đáng kiếp

**C**ÁI lão già này mới lạ chứ, dân vừa tế xong, chưa ăn uống gì, ai đã cho bây giờ, mà cứ xông mãi vào mà xin, « làm như cha » người ta không bằng ấy, tuần đầu,... đuổi cò thẳng này ra.

Ấy là lời các cụ huynh-thứ vừa mắng một lão ăn mày, đứng chờ xin nắm xôi đã hàng giờ rồi, mà không ai cho, lại còn bị mắng, bị đuổi tàn-nhẫn.

Lão ăn mày đó là ai vậy ? — Ông Tả-Ao trá hình.

Nguyên hôm đó, ông qua làng ấy, thấy kiều đất qui ở ngay bên đình làng, rẽ vào xem kiều đất, nhân lại thấy đình, dân đang tế, tiếng trống tiếng chiêng inh-ỏi, ông mới dẫu đôi giày vào một nơi, dứt la-kinh vào kín trong tay nải, cởi khăn và áo ngoài cho vào bọc, rồi sẵn quần, ống cao ống thấp, áo cánh sã vai, cặp ngược ô, thất-thều vào đình xem tế và xin ăn.

Thì ông chí tâm định thử xem dân-tình ở đây có hậu không, có tốt không, nếu tốt thì ông sẽ giúp cho kiều đất qui kia, kéo phí của.

Nhưng các cụ trong đàn lại sử tàn-nhẫn với một kẻ ăn mày.

Không tốt.

Ông bị tuần đuổi ra ngoài đình, ông giả vờ bước chậm, dùng-dằng nửa ở nửa đi, thì tên tuần lại còn chửi mắng thêm mấy câu, lấy tay ấn cò, rầy ông dứt cả khuyết áo.

— Muốn làm cha, rồi ông cho được người ta làm cha, dân chúng bay rồi xiêu-bạt hết với ông, cho chúng mày biết tay. Ông Tả-Ao vừa đi vừa nói.

Tên tuần thoảng nghe mấy câu đó, lấy làm lạ, vội vào nói truyện lại cho các cụ hay.

— Thôi chết rồi, có lẽ là bố Tả-Ao trá hình. Một cụ vỗ tay xuống chiếu nói, ra giọng kinh-ngạc sợ-hãi.

Các cụ khác cũng đều ngờ-ngác nhìn nhau, tỏ vẻ lo sợ.

— Chết chưa, biết làm thế nào bây giờ ?

— Cho người đi đuổi kịp, mời cho được trở lại, cùng nhau tạ tội, không thì khốn cả đấy, chớ chẳng phải truyện chơi đâu.

— Rồi mình phải vờ vật cò anh Trương anh Phó ra đánh trước mặt cụ Tả, họa may mới lấy lại được lòng cụ.

— Nhưng cứ bàn mãi, thì cụ Tả đi xa mất, mau lên, cắt ông Lý và ông Đề chạy theo mời cụ lại, không thì hỏng hết cả...

Sau khi ông Lý và ông Đề đã đi, các cụ ngồi trong đình vừa ngong-ngóng lo, không biết có mời được cụ Tả về không, lại vừa nơm-nớp sợ, không biết rồi đến lúc cụ Tả về đình, liệu nói sao cho hài lòng.

Còn đang bàn tán nhiều lời, định cách nói để xin lỗi, cùng là sai đặt sẵn cỗ bàn để tiếp-dãi cho được long-trọng, thì đã thấy ông Lý và ông Đề đưa được ông Tả trở lại kia rồi, nhưng ông Tả bây giờ đã khăn, áo, giầy, ô, tử-tế, chững-chạc, chứ không lúi-thúi lổc-thốc, trá làm lão ăn mày như lúc nãy.

Tỏ ra vẻ mừng-rỡ vô cùng, các cụ hô-hô, nhau-nhau, mỗi người một điều xin lỗi, ai nấy vồ-vấp mời ông Tả lên ngồi chiếu nhất.

Chẳng bì với lúc nãy. . .

Ông Tả chỉ cười, bảo : « không biết thì không chấp ».

Rồi các cụ lại lôi anh Phó và anh Trương ra hỏi tội, sao lúc nãy dám xược với cụ Tả? — Vật cồ xuống đánh.

Ông Tả càng cười già, cười về chỗ : chình các cụ huynh-thứ nói láo, lại đi đánh vờ mấy anh khác ; ông biết thừa là đánh vờ để lấy lòng, nhưng ông cũng cứ để cho họ làm rõ đủ trò, để họ tin là ông đã hài lòng.

Họ đánh xong, lại cùng nhau xin lỗi mãi, rồi mời ông Tả soi rượu.

Ông chén « cần-thận », ít nói, ăn nhiều, như thế ai mà chẳng tưởng là ông đã vui lòng.

Nhưng không, ông Tả nào lại có vì miếng ăn mà quên giận, ngoài mặt nói cười, mà trong lòng đã sắp sẵn kế « đà-đao ».

Ăn uống xong, các ông kỳ-mục mới hỏi đến chuyện ông Tả đi đâu chơi mà lại quá bộ đến đây?

Gãi đúng ngay vào chỗ ngứa, ông Tả nói thực là : đi làm đất cho làng bên, nhân qua đây thấy kiều đất đẹp, mới ghé vào xem.

Các ông đều hỏi kiều đất ấy ở chỗ nào, và xin làm phúc giúp cho, xin đưa nhiều tiền hậu-tạ, để dân làng được mở mày mở mặt từ đây.

Ông Tả-Ao lấy tay chỉ ra mô đất trước đình, bảo : « Kia kia, kiều giáo-long biến-hóa, hay vô cùng, vạn cái trùng trùng, người người đều phát quý ».

Dần thời bấy giờ, ai cũng tin địa - lý lắm, nên các ông vừa nghe ông Tả nói xong, thì đều vồ vào, như ếch vồ hoa dâm-bụt, kêu-ca lạy-lục, xin nhón tay làm phúc cho làng, chẳng bao giờ dám quên ơn.

Ông Tả trước còn vờ làm ra mặt khó - khăn, sau bằng lòng giúp, liền lấy la - kinh trong đây ra ngắm hướng phân kim xong, bảo : « chỉ có việc chặt cây đa kia đi, với lại phá bức tường trước mặt đình này đi, thì mặt đình sẽ trông thẳng ra cái mô đất kia, chẳng bao lâu, làng sẽ có nhiều quan ».

— Ngỡ là gì, chỉ có thể thôi, thế mà chẳng ai biết cách, để bấy lâu làng thiệt mất bao nhiêu quan, nên ai nấy càng phục ông Tả, lập tức sai đàn em phá bỏ bức tường



ngoài, hạ cây đa xuống; đến chiều tối thì cây đa đã gần bật gốc, chỉ một ngày mai nữa là xong cả.

Đêm đó ông Tả xin kiếu ra đi, ai mời lại cũng không được, làng tiễn chân 10 quan tiền, ông chỉ lấy có 3.

Khoa thi sau, quả-nhiên làng có năm người đỗ: 2 ông cử, 3 ông tú.

Ai nấy đều đồn dăm, khoe được ông Tả-Ao đề hướng đình, nên mới đỗ nhiều thế.

Từ đó các con trai làng đều đỗ xô đi học, bỏ cả việc cấy-cày, ai cũng mong làm lên quan, nên bỏ ra đi tứ xứ, hoặc các tổng bên, tìm thầy học tập.

Lạ một điều là: đi học xa bao nhiêu người, là làng mất bấy nhiêu người, vì chẳng ai bảo ai mà các cậu học-trò đi học xa ấy, đều hóa làm con nuôi người ta cả, người tui làm con nuôi thầy học, kẻ thì làm con nuôi người họ khác, người thì lấy vợ xa, ở gửi rề để ăn học; thành thử ra người thiên-hạ được làm cha nuôi, cha vợ, trai làng này nhiều lắm.

Trai làng hễ cứ hơi lớn lên, là có trí đi du-học rồi, không thích ở làng, chỉ thích ly-hương; cấm, giữ cũng không được.

Bấy giờ ai nấy mới nhớ tới câu của ông Tả khi xưa, lúc bị đuổi ra ngoài đình, nói câu: Muốn làm cha, rồi ông cho được người ta làm cha..., là nghĩa thế, bây giờ nghiệm mới hay.

Cái ông đuổi ăn mày, nói câu: « Đi ăn xin mà làm như cha người ta không bằng ấy... », chính ông ấy đã làm hại cả làng sau này.

Nhưng được cái tiếng làng nhiều quan, vì các người đi du-học phần nhiều làm nên cả, chỉ khờ một nòi các quan ấy không thích quê nhà, chỉ thích quê người, bạc tệ!!

### Múa rìu qua mắt...

**H**AI thầy địa-lý Tàu đi với một thầy địa-ta, qua chơi xã H... Q..., làng Đ... M... , thuộc tổng T... L..., Yên... Ph..., phủ T... S..., tỉnh Bắc.

Vừa đi vừa khoe tài cùng nhau nói chuyện về khoa địa-lý, hết ngấm kiếu này, lại chỉ kiếu kia, ngòi này phát phú, ngòi nọ phát quan, chỉ chỗ lăng-nhăng Tam-hoàng Ngũ-đế, anh nào cũng lên giọng thánh-thần.

Ông Tả-Ao vô tình theo sau mà chẳng ai hay.

Nghe đã chán tai, biết là các anh gà-mờ, mới võ-vẽ địa-lý, muốn về thôn-quê, « lõe » các người ngu lấy tiền.

Nhàn gập đũa trẻ chẵn trâu, ông vẫy nó ra chỗ xa, cho một tiền kềm, rồi xui nó trở lại đi gần ba ông kia, mà hát câu rằng:

*Đồng-mân có liễn-sĩ-sào,  
Thằng nào không biết ăn xoài cho tao.*

Ông lại dặn : hễ ba người kia có hỏi ai dạy mày hát thế, thì cứ bảo : « Cái ông cụ đi theo sau ba ông lúc nãy, tên là Tả - Ao, dạy con hát thế ».

Đứa trẻ chần trầu chẳng biết khôn dại hay dở thế nào, chỉ biết được tiền kẽm, thì mừng hí-hởn, trở lại hát câu đó, ba người kia tức quá, hỏi ai dạy hát thế, thì nó cũng cứ nói y như lời ông Tả đã dặn nó.

Ba thầy địa, nhìn nhau, đỏ mặt...

### Ai về làng Tía mà xem

**L**ÀNG Tía, tức là làng Tử-Dương, thuộc huyện T... Ph..., tổng B... L..., tỉnh Hà-dông; ta chẳng cần biết địa-lý, cứ qua chơi làng ấy, ngắm xem địa thế, cũng đã thấy đẹp; huống hồ ở như con mắt nhà địa-lý, thì những mô đất kia, những hồ nước kia, hẳn là những cờ, biển, chông, chiêng, tấm gương, giá khánh.

Thảo nào mà ông Tả-Ao, khi xưa qua đó, tấm-tắt khen đẹp, có những câu, nay người ta còn truyền-tụng rằng :

*Thượng-Phúc, Tử-Dương,  
Hình-thế khai-trương ;  
Sơn loan liệt-liệt,  
Thủy tụ dương-dương ;  
Trang-đài hiệu-khiết,  
Kỳ-cờ huy-hoàng.  
Nội ngoại tương ứng,  
Chủ khách tương đương.  
Tướng-quân tọa sàng,  
Huyệt tại Đồng-Thần ;  
Nam phát khanh tướng,  
Phúc lộc biên trường,  
Nữ phát hậu-phi,  
Vị cận quân-vương.*

Nghĩa là : làng Tía, hình thế đẹp, gò đồng, hồ nước, phong cảnh rực-rỡ lạ-lùng, chủ khách trong ngoài đều hợp, kiêu đất ông Tướng - Quân ngồi trên giường, chính huyệt ở bãi Đồng-Thần, ai mà đề đúng vào huyệt này, thì : trai phát đời đời khanh tướng, gái phát đến làm vợ vua.

Nhưng ông xem ở làng này, chẳng ai có phúc đức to mà đề được, nên ông bỏ đi nơi khác ; cho đến nay huyệt đó vẫn chưa ai đề cả ; mà cho đến các thầy địa khác cũng chẳng rõ chắc chính huyệt ở nơi nào, chỉ biết ở Đồng-Thần, rõ-ràng ông Tả chỉ sẵn cho, mà phải chịu.

Phúc to nhà họ Doãn

**Ô**NG Tả-Ao sau khi xem đất làng Tía xong, theo mạch đất mà đi, xem «long-hành» ra sao. Đến làng M... thì trời tối, ông lẫn đường vào làng, chẳng may bị vấp ngã xuống một cái lạch sâu, ông kêu cứu, liền có một người trai-tráng đến cứu ông lên, thì ối thôi, ông Tả đã què riết một chân, không sao đi được. Ông đau quá, thiếp đi, vì tuổi già, sức yếu.

Người trai-tráng ấy liền ghé vai cõng ông Tả về nhà, mặc dầu ông Tả bùn ướt bần-thũ.

Về đến nhà, người trai ấy thưa với mẹ mọi điều, rồi xin mẹ đi mời ngay ông lang lại nắn, còn mình thì lấy quần áo khô sạch của nhà, ra thay và lau rửa cho ông Tả.

Biết thế là mang ơn quá nặng, nhưng đang cơn đau dữ, đành mặc để anh kia muốn làm gì làm.

Người trai trẻ, sau khi thay quần áo bần cho ông Tả xong, bèn nưng ông đặt lên một cái chăn bông êm-ấm, rất dễ chịu.

Bà cụ không nề đường xa trời tối, đi mời được ông lang nắn đến. Sau khi xem kỹ, ông lang nói rập xương ống chân, và sai nhiều gân, nhưng xin cam - đoan chữa khỏi, trong vòng ba tháng.

Hai mẹ con nhà ấy, xin cố chữa mau cho chóng khỏi. — Ông lang xin hết lòng.

Tức thời nắn gân lại, xếp xương vào khớp, ông lang lại bảo thổi ngay chỗ xói và làm thịt con gà tơ, rồi hai thứ giã nhỏ với nhau, cho thuốc vào, xếp lên lá chuối, áp buộc vào chỗ đau; hai mẹ con trần lực ra hầu, không một lời nặng nhẹ gắt-gỏng.

Đêm hôm ấy thấy dễ chịu, qua hai ba hôm sau, hôm nào cũng gà sõi buộc bó, thuốc ngoài, thuốc trong, lại hầu cơm rượu ông lang ngày hai bữa ở luôn đấy, tốn-kém khá nhiều.

Được nửa tháng, ông Tả thấy dễ chịu lắm rồi, nhưng chân vẫn chưa cử-động được, đành chỉ nằm mong cho mau khỏi.

Một tháng, hai tháng, gần ba tháng, ông Tả đã ngồi dậy, chống gậy đi lại được rồi, duy còn yếu thôi.

Ngoài ba tháng, ông đã mạnh như thường, nhà chủ hoàn công cho ông lang, ba chục quan tiền.

Ông Tả-Ao mắc một cái ơn to hai mẹ con nhà này.

Bấy giờ ông mới nói thực tên là Tả-Ao, xin sẽ tìm cách trả ơn xứng-dáng.

Hai mẹ con nhà ấy càng kính-trọng ông muôn phần.

Vậy ta cũng nên biết hai mẹ con nhà ấy là người nào mà phúc-đức nhân-nghĩa làm vậy.

Bà cụ họ Đào, góa chồng từ sớm, có một con trai đó, năm ấy đã 18 tuổi, tên là Doãn-Uần, bà cụ thắt lưng buộc bụng, buôn-bán tảo-tần, nuôi con khôn lớn, cho ăn

học; nay học hành đã khá, bà cụ cũng đã có lưng-vốn kha khá rồi, bao giờ cũng tu-nhân tích-đức một niềm.

Cũng là phúc nhà run-rủi, nên hôm ấy Doãn-Uần lại đi chơi xa, về tối, gặp ông cụ ngã xuống lạch, cứu về nhà chữa thuốc, ấy cũng bởi lòng tốt, chớ có ngờ đâu là ông Tả-Ao, thánh địa-lý đã nổi tiếng khắp mọi nơi.

Muốn tìm cách trả ơn cho xứng-dáng, nên ông Tả-Ao ngày nào cũng đi thăm các vùng,đó, tìm cách « hành-mạch », xoay hướng, « dận long », thu vào làm một nơi huyệt thật quý, phát to vạn đại. Cái công-trình ấy, ông làm mất gần 4 tháng trời mới xong, thành ra ông ở nhà họ Doãn tới hơn 7 tháng trời rồi.

Thực từ trước, chưa nơi nào ông lại ở chơi nhà, lâu tới như vậy; nhà nào ông Tả ở lâu cho là đại-phúc.

Khi đã trọn được ngày tốt, ông mới nói cùng mẹ con họ Doãn, xin chỉ cho ngôi mộ ông thân-sinh ra Doãn-Uần, để ông cất vào một nơi huyệt thực quý, mà đã tốn công mấy tháng nay mới làm xong kiêu đất ấy.

Hai mẹ con rất mừng, liền cải táng ngôi mộ bố Doãn-Uần táng vào kiêu đất quý của ông Tả-Ao mới tìm cho.

Khi chôn xong, ông Tả bảo Uần rằng: « Phải cố chăm mà học-hành, khoa sau đi thi sẽ biết, ngôi mộ này để kiêu đất: « Thiềm-thừ quá hải, vạn đại dương-dương, ly quốc vi vương, ly hương tắc tướng », (1) bấy lâu mang ơn lớn, nay xin đền lại một kiêu đất to nhất, xưa nay chưa từng báo ơn ai to đến thế này, mẹ con đều được hưởng phú-quý vô cùng. Nhưng trong 100 ngày, phải ra thăm mộ luôn, sau này phải dặn lại đời đời nhớ lấy ngôi mộ phát-tích này, chớ sao-nhãng viếng thăm. Nay thời xin tạm biệt, khoa thi sau sẽ đến mừng quan Thủ-khoa ».

Nói rồi, ông Tả cấp gói hành-lý ra đi.

Quả-nhiên, khoa thi sau, Doãn-Uần, 20 tuổi, đỗ Thủ-khoa, ông Tả tìm đến mừng, rồi lại đi ngay.

Ông Uần từ đó, cửa trời rộng mở đường mây, 24 tuổi vào làm quan trong bộ, 36 tuổi lên đến bậc tứ-trụ đại-thần, sau chẳng biết vì sao, mà ông lại sang làm vua bên Xiêm được, con cháu kế nhau làm vua Xiêm tới nay, đem cả gia-phả đi, nên không sao khảo rõ được lịch-sử nhà họ Doãn này, khá tiếc !

Cứ như lời một vị bô-lão ở làng ấy nói chuyện, thì ông Doãn-Uần sinh, và làm quan triều vua Lê chúa Trịnh, sau có quân Xiêm vào đánh nước ta, ông có ngọc ty-dạn (?) ngồi trên cửa thành, đầu che 8 lọng, bảo quân Xiêm rằng: « Nếu chúng bay bắn nửa ngày mà ta chết, sẽ mở cửa thành cho quân chúng bay vào; bằng bắn không trúng ta, thì phải rước ta về làm vua nước bay; một lời đã hứa, ta quyết giữ lời ». Quân Xiêm bằng lòng, liền bắn vào chỗ ông Uần ngồi như mưa, 8 cái lọng và lính đứng hầu, đều đổ và chết sạch; duy ông Uần ngồi yên, bắn tới nửa ngày rồi, không một viên đạn nào trúng vào mình ông cả. Quân Xiêm vừa toan lui binh, thì ông đứng dậy hô quân, xông ra bắn, bên kia hết cả đạn rồi, thua chạy về nước, ông kéo quân đuổi theo, rồi lấy nước lên ngôi bên Xiêm, làm vua 42 năm thì chết, xác đưa về trả vua Minh - Mệnh nhà

(1) Con thiềm-thừ vượt qua bể, kể phát muôn đời, đi xa nước thì làm vua, đi xa làng thì làm tướng.

Nguyễn (?). Hồi đấu-xảo lần thứ nhất ở Hanoi, vua Xiêm có sang Ta xem đấu-xảo, và có đem các quan tùy-lòng về Mui thăm mộ Tồ, lại có ghé qua làng D. X. vào chơi nhà ông Bá-Khoan...»

Họ nói vậy thì hay rằng vậy, duy ngôi má kia, tới nay đùn cao lên như cái gò, ai đi qua đó cũng phải khen là: kiêu đất đẹp quá!

Ông Doãn-Uần là người có công với nước nhà, có quan-hệ tới lịch-sử, vậy tiều-sử đích-xác của ông thế nào, mong các nhà khảo-cứu nên tra-xét tường-tận, đăng lên báo, công-bố cho mọi người đều rõ. (1)

Tôi chờ...

### Chắc hơn gần sơn

**L**ÀNG H... V... thuộc tổng P... X..., huyện T..., Ph..., tỉnh Hadong, nay mọi người gần vùng ấy, còn nhớ câu ca-dao cổ rằng:

*Hạ-Vĩ có biển xa-cừ,  
Bao nhiêu con gái theo sư mất rồi!*

Thì tại doan-cớ làm sao, mà lại có câu đó?

Hỏi ra mới hay rằng: trước miếu «Bà» làng ấy, có huyệt hình-nhân đàn-bà, nằm nghiêng, nơi «hiềm» của hình-nhân ấy lại đúng vào cái giếng trước miếu; nên con gái làng ấy đẹp và tinh-khôn đủ khéo, nhưng chỉ phải một tội: cô nào cũng đẹp, và chua ngoa «vắt nóc».

Mà chẳng những làng ấy có huyệt hình-nhân, lại còn có cả mấy kiêu đất trông ra hình: cái biển và cái chiêng, chỉ hiềm vì hương miếu Bà không trông vào đúng hướng, nên trai làng chẳng mấy người làm nên to-tát, nhưng Tú, Cử thì cũng có nhiều, kể cũng là nơi văn-vật. Lại phải cái: anh nào cũng «dóc tồ», chơi với ai cũng nắm phần lợi về mình, chuyên môn chỉ một mặt «ăn người», cầm đạo chắc.

Ông Tả-Ao một khi qua chơi làng đó, ngắm thấy mấy kiêu đất quý ấy, lấy làm thích lắm, vào nghỉ chân trong quán hàng, vừa uống nước ăn bánh, vừa xem địa-thế.

Chợt gặp một bọn con gái làng đi chợ về, cũng vào quán đó nghỉ chân uống nước, cô nào cũng đẹp, lại có vẻ trai-lợ, nói-năng cười-cợt tự-do lắm, chẳng giữ ý-từ gì,

(1) Mới đây, báo Tân-Văn (Saigon) số 67 có một đoạn nói về ông Doãn-Uần: «... Năm 1845 Vũ-vân-Đãi vào đến Gia-Định hiệp với bọn Nguyễn-Tri-Phương, Doãn-Uần, Tôn-Thất-Nghị, tiến binh đánh Cao-Man, lấy được thành Nam-Vang, người Cao-Man hàng đến 23.000 người; Nguyễn-Tri-Phương và Doãn-Uần vây Nặc-Ông-Đôn và tướng Xiêm là Chát-Tri (Bodin) ở Oudong...».

thấy ông Tả ngồi đó, họ cũng chẳng biết kính già, cứ ngồi ngang, nói leo ; đùa cười như nắc-nẻ.

Bọn gái ấy một chốc đi cả, thì lại có bọn khác đến, cũng vào quán nghỉ chân, nói cười « văng-mạng ».

Thì ra hôm ấy ngày phiên chợ, nên nhiều bọn gái đi chợ, hoặc về chợ, đều ghé qua vào quán ấy uống nước, ăn trầu.

Chẳng những gái làng đi chợ đông, mà cả đến bọn trai làng cũng nhiều người đi ra chơi chợ, đều ghé vào quán đó hút thuốc, ăn trầu.

Ông Tả-Ao ngồi mấy tiếng đồng-hồ, chỉ hết ngấm bọn này đến bọn khác ; ông xét thấy : gái thì lẳng-lơ, mà trai thì có vẻ kiêu-ngạo, lại keo-bần, hay chơi lối « kẻ bươi vợ vào » ; mà cả các bọn trai gái ấy đều vô-lễ vô-phép cả, ăn nói quàng-xiên, cử-trí lẳng-lổ, khó thương lắm !!

Ông ngồi chán, rồi theo đường nhỏ vào trong làng, hết ngấm hương đình, lại ngấm hương miếu Bà, đi thơ-thần nhìn xem phong-cảnh, ra chiều nghĩ-ngợi, miệng lầm-bầm : « Giá chúng nó biết điều, thì mình quay hộ nó hướng kia, ắt là lắm quan to ! »

Chẳng biết ông buột mồm, hay chí tâm nói vậy, thì không biết.

Chỉ biết rằng, câu ông vừa nói, đã lọt vào tai một ông huynh-thứ làng, qua đó nghe thấy.

Đoán chắc là ông Tả-Ao, nên người ấy liền về « phi-báo » cho các đàn anh làng chạy ra đón tiếp ông thánh địa-lý.

Ông Tả cố chối-từ không được, phải theo bọn họ về đình làng. Thôi thì họ kêu-cầu đủ thứ, xin ông nhón tay làm phúc, giúp làng một hai kiểu đất, sau này làng khá, không bao giờ dám quên ơn.

Ông Tả-Ao chỉ gật gật đầu, âm-ừ, bảo : « Đề còn phải ngấm kỹ các kiểu đất làng đã » ; nhưng chính là đề còn thử lòng các « bô », và cách ăn ở tốt xấu ra sao.

Đã 9, 10 hôm, làng cung-phụng ông Tả rồi, mà ông vẫn bảo : « ... Chưa ngấm hương xong, phải đợi lâu lâu một tí ». Kỳ thực, trong ngần ấy hôm ở đấy, các người đối-dãi, nói vụng những câu gì, ông dò-la ý-từ manh-mối, đều đã rõ cả.

Ông biết rằng : bọn họ không tốt, chỉ thơn-thớt ngoài mặt, trong bụng thì bán tín bán nghi, không thành-thực.

Thế rồi một hôm, ông vờ say rượu, nôn-ọe, ngủ say thiếp đi, ra vẻ nhọc-mệt lắm.

Các ông huynh-thứ làng ri-rào bàn nhau :

— Không biết có thực chắc là Tả-Ao không? Hay chúng mình bị thằng « chó đói » nào đến lừa làng mình thì rồi bẽ chết!

— Tôi cũng nghi lắm, trông lão này lù-khù, ngu-ngốc tệt, ở từng ấy hôm, chỉ cơm rượu bè-bệt, hện lẫn, tịnh không nói qua truyện gì về địa-lý.

— Bọn mình phải rục hấn mới được, nếu hấn còn chùng-chình, thì đuôi tấp đi là yên truyện, chẳng kết-phát gì cả, làm đạo chắc, dờ tổn. Làng mình cũng vô số khoa-mục rồi..... cần gì !!

Mỗi người một câu bàn-tán mãi.

Ông Tả-Ao nằm nghe đã thấy chán cả tai.

Hôm sau ông Tả tỉnh rượu, vờ đi xem đất một lúc, rồi lại về đình ; các ông huynh-thứ xin mau mau giúp cho, kẻ đã lâu ngày rồi...

Ông Tả chẳng để cho các ông nói hết lời, liền đứng ngay dậy nói :

« Thì tôi cũng vừa định thưa chuyện với các ông rằng : ngày hôm nay tốt ngày lắm, xin cho phân kim, rồi làm lễ ở miếu Bà, xoay qua hướng miếu lại một chút thì xong... » Nói rồi, liền thò tay vào đay lấy chóc-long và la-kinh, mời các người ra miếu Bà xem cắm hướng, rồi làm lễ một thể.

Được lời như cởi tấm lòng, ai nấy đều mừng-rỡ, kéo nhau ra miếu, xem ông Tả cắm hướng.

Đặt chóc-long, cắm hướng xong, có mấy ông Cử Tú cũng hơi võ-vẽ khoa địa-lý tẩm-tắc khen mãi là giỏi, xoay thế này thực là đẹp-đẽ biết mấy !

Trong khi ấy lại có mấy ông hỏi ông Tả rằng : « Ông cắm hướng này thì làng chúng tôi sau phát lộc gì ? »

— Phát đến Quận-Công là ít, làng ta rồi sẽ có nhiều người « nên to », các ông trông thẳng chỗ tay tôi chỉ kia kia, có phải gò đồng hồ ao, như « sơn », như hải cả không, hai bên kia toàn là « trống cái », « chiêm đồng » và « biển xà-cừ », châu cả về miếu này. Lại kia, là « hình-nhân », chính huyết ở nơi giếng đây, rồi đàn bà làng này sẽ cũng có người phát đến « hậu-phi » chớ không phải chuyện vira... »

— Cụ có « chắc » được như vậy không ?

— Chắc lắm chứ !

— Chắc hơn cua gạch, hay chắc hơn gấn sơn ? Một ông hỏi ra dọng chế-riếu bí-báng.

— Chắc như « sơn », như bàn thạch ấy chứ lại, bao giờ núi lở, non mòn, thì kiểu này mới chẳng còn.

Công việc xong, ông Tả xin kiếu đi, làng đưa tiễn, ông không lấy, nói mãi, ông chỉ lấy một quan đề ăn đường.

Làng khởi công, xoay hướng miếu, theo cách ông Tả-Ao đã chỉ.

Xoay hướng rồi, làng nghe mãi, xem phát gì, thì thấy mấy năm sau gái làng bị « tọ-bung » nhiều lắm, rất vì ngoại-tình, hay quá ngoan, không chồng mà chữa !

Trai làng thì chẳng thấy ai đõ-đặt gì nữa, nhiều người quay ra buôn sơn, rồi thì hầu khắp cả làng làm chức « lái sơn. »

Biết là bị Tả-Ao phản, sau phải tìm danh-sur về khoa địa-lý, và khoa bói-toán, mời về làng, xem có cách gì cứu chữa lại được không.

Các vị danh-sur ấy xem kỹ, rồi nói cho làng hay rằng : « Kiểu đất này chính là phát to lắm, nhưng đã bị Tả-Ao xoay lại cả rồi, cái chiêm đồng kia đã hóa thành cái sỏi sơn, cái biển xà-cừ kia đã biến là cái « mỏ » đánh sơn, cái chổng kia đã hóa thành cái « họa » cho gái làng, người hình-nhân kia trước năm nghiêng, nay đã bị lật năm ngựa ra, mà

cái giếng trước miếu là chính huyết, bị cắm một cái cọc xâu ở dưới giếng ấy, nên mới có cái vạ « hoang-thai ». Nay chẳng còn có cách gì cứu-vãn được, duy chỉ có một cách sai người lội xuống giếng và nhổ cái cọc tre đi, thì gái làng mới yên, không bị cái vạ kia nữa. Còn nghề buôn sơn thì không sao bỏ được, vả cũng chẳng hại gì ».

Từ đấy dân làng ấy vẫn phải cắt người canh chỗ giếng ấy, vì đã có đôi ba lần, trai làng khác hỏi vợ làng này không được, họ lại theo thuyết phong-thủy, ngấm lặn xuống giếng ấy dong chiếc cọc tre, thì gái làng lại bị cái « vạ vệt » ngay.

Nên dân làng họ canh riết cái giếng này.

Mà câu-ca-rao cổ đã nói trên kia, mới dần dần « tầy oan » được.

### Hết lòng rồi được vô tâm

**T**HẦY Lý-trưởng làng Ng... thuộc tỉnh Sơn-tây, là người còn trẻ tuổi mà rất tốt, ăn ở trung-hậu, đối với trên thì kính-nhường, đối với dưới thì rộng-rãi khoan-dung, nên cả làng ai cũng khen thầy Lý. Thầy lại tu-nhân tích-đức, mộ đạo Phật, hay bố-thí, và làm phúc, nhiều việc nghĩa thầy đã nhúng tay : nói tóm lại thì thầy Lý là người rất tốt, mà có lẽ là tốt nhất làng, nên làng mới bầu cho đứng đầu sò dân.

Được chồng thì hồng vợ, nhẽ trời vẫn thế, đạo thừa-trừ vốn chí công.

Vợ thầy Lý tinh vốn keo-bần, hay sinh sự, lắm điều, lắm truyện, thò nói là hàm-hồ, ăn ở thì hữu thủy vô chung ; nhưng được một nết kéo lại, là biết phục tòng thầy Lý, không « viêt vị » bao giờ, biết giữ đạo làm vợ, hễ phu xướng thì phụ tùy.

Vợ chồng thầy Lý có ba con trai, đứa nào trông cũng hay-hay, mồm - mĩm, trắng-trẻo. Thằng cu lớn lên năm, cu hai lên bốn, cu nhỏ lên hai, vợ thầy Lý lại có mang sắp đến ngày đẻ, mà hẳn là đẻ con trai, vì cả họ bảo bụng tròn thế quyết là đẻ con trai, vậy thì thầy Lý sắp có đủ cỡ,... bốn cậu nam-tử.

Nhà thầy Lý giàu, ruộng nương nhiều, tiền bạc lắm ; một cửa, một con, đều đầy-dủ.

Một buổi, về mùa đông, trời đã xế chiều, thầy Lý ra đồng thăm ruộng, gặp một ông cụ rét run lầy-bầy, đang bỏ giày, chực lội qua một vũng nước lớn, đề sang bờ ruộng bên kia.

Thầy Lý liền tỏ bụng kính già, luống thương tuổi-tác, chịu rét-mướt làm vậy, không đành, thầy liền đến xin công cụ sang qua vũng nước, kéo phải lội nước rét buốt, sức già chịu sao nổi.

Ông lão nhìn mặt thầy Lý, thấy có vẻ phúc-hậu và đầy mặt hỉ-khí, dầu trời rét mà da mặt vẫn hồng-hào tươi-tốt, ăn nói lễ-phép dễ nghe. Ông cụ liền cảm ơn, chẳng từ chối gì, bả ngay lấy cõ cho anh kia công qua vũng nước.

Khi đã qua vũng nước, lên bờ ruộng bên kia rồi, ông cụ mới hỏi thầy Lý là ai, nhà ở đâu, làm gì, mà lại ra đây, có lòng tốt đáng khen như vậy ? Thầy Lý nói thực : mình



là Lý-trưởng ở làng Ng... đây, ra thăm ruộng, thấy người già thì tỏ ý kính-trọng thể thôi, có gì là đáng nhận lời quá khen ấy.

Ông cụ chùng nghĩ thầm : mình đi đã nhiều, gặp những anh Lý-Trưởng hách-dịch cả, sao ở đây lại có anh Lý tốt thế này? Hay là nó nói dối, để phải thử, xem nó đích-thực là Lý-trưởng không, sẽ tác-phúc cho.

Ông cụ ngẫm-nghĩ một lát, rồi nói với thầy Lý rằng : « Tôi phải đi tìm người nhà ở tận làng xa mà trời lại sắp tối rồi, chẳng hay thầy có biết ở đây có nơi nào chắc-chắn cần-thận, để tôi tá-túc một đêm, xin thầy chỉ giúp ».

Thầy Lý liền mời ngay cụ về nhà mình, xin lại công qua vũng trở lại, mai sáng cụ sẽ đi, và xin hầu cụ được như ý.

Thấy người trung-hậu và tốt nết lạ, ông cụ bằng lòng về nhà thầy Lý, và lại nhờ công qua vũng nước để trở lại.

Thì chí tâm là định thử, nên mới bắt thầy Lý công đi công lại như vậy. Cũng là vận thầy Lý đến hồi khá lớn, hai là Hoàng-thiên bắt phụ hảo-tâm-nhân, nên sui khiến ra sự gặp-gỡ làm vậy.

Chẳng nói, các ngài cũng đã thừa rõ, ông cụ ấy là Tả-Ao.

Khi đã về đến nhà thầy Lý, ông còn thử-thách đủ mọi cách, ông phải chịu thầy Lý là người quá tốt, chỉ hơi phàn-nản về người vợ thầy Lý, là không thiệp, nhưng ông không chấp, chồng tốt là đủ.

Xin ở trọ một đêm, mà thế nào ông lại ở « lý » ngay hàng tháng, thế mà thầy Lý vẫn tiếp-đãi ân-cần, kính-trọng như bậc cha, chú.

Vợ thầy Lý lấy làm khó chịu lắm, nhưng thò chực nói gì, thì chồng đưa mắt một cái, vợ phải thôi ngay.

Ông Tả-Ao trông thấy cả. Nhưng ông lại còn nghi thầy Lý dò biết ông là Tả-Ao, mà làm ra thế chẳng, nên ông còn thử một lần cuối cùng này nữa.

Hôm sau vừa buổi sáng ngủ dậy, ông vờ hốt-hoảng nói với thầy Lý cho vay hai quan tiền, để đi lo một việc cần-kíp lắm, trong hai hôm, sẽ xin trở lại trả đủ số, không dám sai lời.

Thầy Lý mở hòm lấy tiền đưa ngay, vợ lờm-lờm, rất căm-tức, nhưng sợ chồng, không dám nói.

Ông Tả-Ao được tiền rồi, đi ngay, nhưng tối hôm đó ông lẩn về nhà, ngồi yên một chỗ, nghe xem vợ chồng có to nhỏ gì với nhau không.



THẦY LÝ CÔNG ÔNG TẢ-AO QUA VŨNG NƯỚC

Ông ngồi nấp trên vựa thóc, cạnh buồng hai vợ chồng nằm, nghe rõ mồn-một từng câu nói.

Vợ cự chồng chỉ phí tiền, đi rước người về nhà ăn bại, chiều như bố, họ tên quê quán chẳng tường, nhờ là bọn thám-thính của kẻ cướp thì sao?

Chồng thì giảng đạo-đức cho vợ hay mọi lẽ, bảo phải biết kính kẻ già, chớ bủn-xỉn keo-kiệt quá, lúc nào cũng phải ăn ở phúc-đức trung-hậu. Rồi lại dặn vợ, hễ mai kia ông lão có về, tôi lỡ phải đi việc quan vắng, ở nhà phải cứ tiếp-đãi cần-thận như khi tôi ở nhà, không được láo-lếu, nói bậy-bạ gì.

Vợ bảo: ăn ở, hầu-hạ thế là «hết lòng rồi», hễ lão ta còn trở lại, thì mặc kệ nhà, với lão ấy, hầu lấy nhau, chứ tôi bụng mang dạ chửa thế này, ngày nào cũng phải đi chợ xa hàng mấy quăng đồng, mua trăm thức, nào rượu, nào thịt, nào lòng, nào trăm hai mươi thứ, họ hàng thân-thích gì nhà mình, mà phải nuôi bảo-cô mãi thế?..

Chồng thở dài, khuyên vợ nên cải tâm-tính lại, đề đức cho các con nhờ sau này...

Ông Tả-Ao nghe rõ đủ mọi lời, luống thương thầm cho anh Lý phải người vợ không được nhân-đức như anh.

Ông ghét người vợ anh bao nhiêu thì lại yêu-mến đức tốt anh Lý bấy nhiêu.

Nhưng ngồi yên, ông đã tính kế, muốn «hết lòng» rồi ta phải cho «hết lòng», nói sao được vậy.

Ngồi trên vựa thóc đến gần sáng, ông mò xuống, đi ra phía ngoài vườn, lách mình ra khỏi nhà ấy, rẽ tắt ngay vào cái miếu bỏ hoang, ẩn thân ngồi kín một nơi. Chờ mãi tới lúc mặt trời lên cao, đã nhiều người qua lại, ông mới đi về nhà thầy Lý gõ cửa.

Thầy Lý đang đứng xem hoa ở vườn, nghe tiếng gõ cửa, chạy ra mở, thấy ông cụ lại về, tay bắt mặt mừng, vồn-vã mời vào trong nhà.

Vợ thầy Lý thấy ông lão về, tỏ ra ý không bằng lòng, nhưng sợ chồng phải bước ra chào.

Ông Tả mở cửa, lấy hai quan tiền ra trả lại vợ chồng thầy Lý và nói cảm ơn, chưa tiêu gì đến, vì công việc chưa cần gì đến tiền vội, nên phải trở lại, đem tiền trả.

Rồi ông ngồi nói chuyện với thầy Lý.

Vợ thầy Lý xuống dưới nhà, lo việc làm cơm, vì thấy chồng đã đưa mắt nhiều lần.

Ông Tả bấy giờ mới nói thực họ tên cho thầy Lý biết.

Thầy Lý vừa rật mình sợ, vừa mừng nhà phúc-đức lại được gặp ông Tả-Ao.

Ông Tả bảo: bấy lâu thấy người tử-tế, nay đã thử xét kỹ-càng, vậy thầy Lý có muốn cho các con phát to, thì chỉ mộ ông thân-sinh, sẽ dễ giúp cho một ngôi đất quý, ngay ở làng đây.

Thầy Lý vái lạy, xin ăn mày phúc-đức, cho các cháu được nên danh nên giá, ơn ấy ví tầy non biển, chẳng bao giờ dám quên.

Ông Tả bảo: phải kín, đừng cho ai biết, nội đêm nay, cả bốc, cả táng, sắp sẵn đuốc và tiền mới đi.

Thầy Lý chạy xuống bếp, kê hết lại cho vợ nghe, vợ mừng quá, lên nhà lạy lạy để ông Tả, xin bấy lâu có điều gì sơ-suất, cụ bỏ quá đi cho.

Ông Tả chỉ cười, bảo vợ chồng đều tốt cả, có điều gì mà xin lỗi; ông lại dực đi mua ngay tiêu và sập sần thường quốc, đuốc đóm để đến đêm sẽ dùng.

Hôm ấy, bữa rượu cực to, ông Tả nghĩ cuộc đời và nhân-tình thế-thái, mà chỉ buồn cười!

Người tốt phải thưởng, người xấu phải trừng-trị, ông Tả xưa nay vẫn giữ lối ấy, chẳng bao giờ vì lẽ gì mà thay đổi được lòng ông.

Bữa cơm chiều hôm ấy xong, ông bảo thầy Lý: « Vợ chồng anh thực quá tốt, nên trời có mắt, cho có nhiều của, nhiều con, chỉ còn thiếu chữ quý nữa, thì đêm nay ta sẽ giúp cho. Nhưng anh cũng nên nghĩ đến bên nhà chị ấy, anh ăn bát cơm, cũng nên cho chị ấy húp bát cháo, lẽ nào anh có phúc gặp ta, lại chỉ biết một mình anh phú-quý, còn bên nhà vợ chẳng nghĩ tới sao, vậy nhân thế đêm nay, ta làm giúp cho, không phải bận-bịu bốc hót gì đâu, ta chỉ để ngôi mộ ông thân-sinh ra anh, rồi ta sẽ truyền mạch dẫn sang một ngôi mã của bên nhà vợ anh, thì bên nhà vợ anh cũng có thể nhờ vào ngôi mộ nhà anh mà khá được, anh nghĩ sao? »

Hai vợ chồng thầy Lý lại một phen lạy-lục, xin cụ giúp cho, nếu được thế thì là nhất, còn phải nói gì. Thứ nhất vợ thầy Lý lấy làm khoái lắm, tỏ ra vẻ mừng-rỡ, nào có biết đâu mưu thâm của ông Tả.

Bởi nông lòng chẳng biết nghĩ sâu, nên ông Tả lại bảo thầy Lý đưa ra xem ngay những ngôi mộ bên nhà vợ.

Ông hỏi kỹ-càng, ngôi nào là mộ tổ, ngôi nào là mộ bà cụ thân sinh ra bác Lý gái, ngôi nào là mộ mấy đại, thầy Lý thực-thà, chỉ rõ vanh-vách cả.

Ông Tả đánh dấu ngôi mã mẹ bác Lý gái, rồi về.

Đêm hôm ấy, vào khoảng đầu canh ba, ông Tả cùng thầy Lý và mấy người nhà thân-mật, vác thường quốc, và các thứ cần dùng ra đồng, đốt đuốc, bốc mộ ông cụ thân-sinh ra thầy Lý.

Đến canh tư thì xong cả mọi việc, chỉ có đem ở cánh đồng dưới lên cánh đồng trên, nên công việc rất chóng.

Xong rồi, ông mới niệm thần-chú, đi dẫn mạch từ chỗ ngôi mộ mới táng ấy, sang cánh đồng thuộc làng trên, là nơi mộ bà cụ thân sinh ra bác Lý gái.

Ông bảo tắt hết đuốc, rồi ông bắt quyết, hô thần, nhập hương; đến canh năm vừa tảng sáng thì mọi việc xong xuôi cả.

Thầy Lý mời ông Tả về nhà, làm cỗ cúng tổ-tiên, rồi hạ xuống mời ông Tả soi, đem mấy chục quan tiền ra hậu tạ.

Ông Tả gạt đi, không lấy một đồng nào, chỉ uống rượu, rồi xin kiếu ra đi, vợ chồng thầy Lý van-vỉ mời lại thế nào cũng không được. Ông chỉ hẹn . bao giờ thẳng cu nhón lên 16 tuổi đi thi đỗ, ông sẽ trở lại, và ở chơi lâu.

Từ đấy nhà thầy Lý càng giàu, được mùa luôn, rồi thầy Lý lại nuôi ông đồ giấy học các con, đứa nào học cũng sáng. Vợ thầy lại đẻ con trai thực, thế là vừa một cỗ

bốn con. Cảnh gia-đình vui-vẻ lạ thường ! Trên việc quan, dưới việc dân, hai đường đều thanh-thản.

Lạ một điều là bác Lý gái từ ngày bốc mả bố chồng xong, thì hình như bác đời cả tâm-tĩnh, dễ-dãi, mà lại vô-tâm lạ đời, chẳng giận ai bao giờ, rất một màu: nói trước quên sau, người « vô-lâm » quá, cả ngày chỉ những quên là quên, nói chuyện thì ngờ-nghẽn, chỉ những à với uôm luôn, vừa nói xong đã quên bẵng, chẳng để vào dạ điều gì, tự nhiên bác Lý gái được tiếng là người « vô-tâm » nhất làng.

Mà có phải riêng một mình bác Lý gái như thế, cả các người bên nhà vợ thầy Lý đều thế, các anh em chị em bác Lý gái, đều tự nhiên được tiếng là người « vô tâm » cả, đều một chứng bệnh như bác Lý gái.

Nhưng bác Lý gái vẫn yên trí là nhà mình được ăn ghé vào ngôi mả bố chồng, thế nào rồi cũng khá.

Thì quả-nhiên ba năm sau, em trai bác Lý gái, tức là « cu cậu » của bác Lý trai đi thi đậu cử-nhân, làm ăn khá lắm, vợ chồng thầy Lý càng tin là được mả, vì bên họ nhà bác Lý gái đã mấy đời nay, chẳng ai đỗ-đạt gì.

Em vợ được bổ làm quan ngay ở địa-hạt nhà, thầy Lý lấy làm vui lòng lắm, thứ nhất vợ thầy tha hồ mà lên mặt ở làng.

Thầy Lý vẫn ăn ở nhân-đức như xưa, không có vẻ kiêu-căng gì cả, nên ai cũng mến-phục.

Ngày tháng thoi đưa, thằng con lớn thầy Lý đã 16 tuổi, đi thi, đỗ cao, 20 tuổi bổ làm quan trong bộ; rồi lần-lượt thăng hai, ba, bốn, lớn lên, đều học giỏi, làm nên cả, toàn bực đại-thần.

Có điều lạ hơn nữa là : cu cậu em vợ thầy Lý, chỉ vì « vô tâm » quá, mà lầm-lỡ việc quan luôn, đến nỗi các cháu (con thầy Lý) sau đã làm nên quan to cả rồi, mà ông cậu vẫn cứ lệt-đệt Tri-huyện, vì cứ thăng lại giáng luôn luôn về tội « vô tâm », làm sai-lẫn việc quan.

Vợ bác Lý sau lại hóa ra diếc dờ, nghẽn-ngãng, lắm lúc lại như dờ người, nói năng lầm-lẫn, ăn uống thất thường, nên tuy các con làm nên to cả, mà mẹ cũng chẳng được thực sung-sướng, duy thầy Lý là sướng, 70 tuổi mà còn khỏe-mạnh.

### Thằng mỗ được đất

**V**ì vội đi một việc cần, mãi không nghĩ đường xa, chợt tới làng Đ... huyện K... S... tỉnh Phúc-Yên, thì trời sập tối.

Mùa đông, gió bắc lạnh thấu xương, ông Tả-Ao vào làng này, lấy làm lạ, sao dân đây quá cần-thận, mới vừa chập tối, đã nhà nhà đều đóng chặt cổng ngõ, đèn tối, tiếng người không, tới đâu chỉ nghe thấy tiếng chó xủa vang.

Lần mãi đến cuối làng mới thấy một nhà cổng ngõ không đóng, nom vào thấy có một người đàn ông ngồi bên cạnh cây đèn dầu ta, im lặng.

Ông Tả lên tiếng, gõ cổng, người ấy chạy ra. Ông Tả ngỏ ý xin vào nghỉ chân một đêm.

Người kia liền mời ngay vào nhà, lấy ngón tay kéo bắc đèn cho cháy to hơn, rồi rót nước mời ông Tả uống, lại lấy guốc, lấy chậu, cho ông rửa mặt, rửa chân.

Đầu đó xong rồi, ông Tả hỏi : tại sao làng mới tối đã đóng chặt cổng ngõ, nhà nhà đều yên lặng, mà tại sao nhà này không đóng cổng? Và chủ nhà này là ai vậy?

Người kia đáp : vì làng mới bị cướp vào, gần tết, lắm trộm cướp lắm, nên mới tối đến đã phải đóng chặt cổng làng, cổng ngõ; nhà tôi đây làm Mỗ, còn có gì mà phải đóng cổng!

Nghe câu trả lời, ông Tả thương tình, nhác nom bốn phía nhà, chỉ thấy toàn bàn mục trông che, trên vách treo cái mõ và cái gậy to, một góc nhà có cái ồ rơm làm giường nằm mùa rét.

Ông Tả mới biết là mình vào nhà thẳng Mỗ thực, đêm ấy anh Mỗ nhường ồ rơm cho ông Tả nằm, còn anh thì nằm cái trông che, đắp chiếu nằm gần bên ông Tả.

Suốt đêm ông Tả hỏi-han anh Mỗ mọi điều, mới hay là anh Mỗ không có cha mẹ vợ con, một mình lưu-lạc quê người, làm mõ ở đây, hầu dân kiếm miếng. Anh Mỗ vừa nói chuyện, vừa than thân, chỉ muốn chết đi cho rồi.

Động mối từ-tâm, ông Tả khi đã hỏi hết mọi điều, bèn nói thực : ta là Tả-Ao, và dặn kỹ anh Mỗ rằng : mai sáng ai có thấy ta ở đây, thì anh cứ nhận là ông chú họ ở phương xa lại tìm cháu, đề rồi ta ở đây, tìm đất giúp cho một kiều, anh sẽ về-vang sung-sướng.

Mỗ xin vâng lời, lạy tạ ông Tả có lòng tốt với mình, lại quá thương đến phận hèn như vậy.

Ông Tả ở đó đã hai hôm, ngày đi tìm đất, tối về nhà Mỗ ngủ, có người thấy, hỏi là ai, thì Mỗ chỉ trả lời là ông chú họ đến chơi với cháu, nên ai nấy đều yên trí ông lão kia là chú thẳng Mỗ làng mình thực.

Đến khi ông Tả tìm được kiều đất ở ngoài đồng làng rồi, hỏi thẳng Mỗ có biết mồ-mả tổ-tiên cha mẹ ở đâu không? Bốc về đây một ngôi, ông sẽ táng giúp cho.

Nhưng Mỗ chẳng còn biết quê-quán mình và cha mẹ chết ở đâu. Thế mới rầy!

Ông Tả bảo : « Thôi được, thứ nhất dương-cơ, thứ nhì âm-phần, đề ta dẫn mạch về ngay nhà đây, anh phải ở luôn chốn này, dù đến lúc khá, cũng cứ ở đây, chớ đi nơi khác ».

Thế rồi ông đi dẫn mạch từ kiều đất quý kia về nhà Mỗ; xong việc ông kiều đi, dặn lại Mỗ rằng : « Trong hai mươi hôm nữa anh sẽ có vợ, có con đủ cả, rồi sẽ giàu-có sung-sướng ».

Mỗ lấy làm lạ, chẳng hiểu ra sao, 20 hôm nữa có cả vợ con, sung sướng, — thì cứ yên tâm chờ xem.

Quả nhiên có một việc may đưa lại.

Nguyên ở cách làng đó tới 4, 5 mươi dặm, có một nhà gia-thế hân-hoi, chẳng may có cô gái hư, không chồng mà chữa, làng bắt vạ, bố đánh chửi, cô tủi thân bỏ nhà ra đi, nương-náu các nhà quen-thuộc, sau rồi cứ đi lang-thang, ngày đi hành-khất, tối ngủ ở các nơi quán, chợ.

Bụng ngày một to mãi, cô lo đến kỳ sinh nở biết nương-náu vào đâu.

Một buổi tối kia, lang-thang tới làng Đ... gặp trời mưa to mà nhà nào cũng đóng cả cổng ngõ rồi, qua nhà anh Mỗ thấy cổng mở, liền đánh liều xin vào tránh mưa, nghỉ trọ.

Anh Mỗ thấy người đàn-bà bụng mang dạ chữa, thương tình cho nghỉ trọ.

Đêm ấy dầm-dì mưa suốt năm canh, hạt danh ti-tách chảy, buồn lạ!

Nhà có một ồ rom, anh Mỗ đành là phải nhường chỗ, anh đắp chiếu nằm trong.

Quá nửa đêm, anh Mỗ nghe tiếng người đàn-bà ấy rên-rỉ kêu khóc.

Anh đốt đèn xem, thì ra người ấy dở dạ đẻ. Mỗ chẳng lấy thế làm phiền, liền hết sức nung đỡ, và đốt củi sưởi, cùng là đun nước để tắm rửa, như là một người chồng hầu vợ đẻ thực.

Một lúc, người đàn-bà sinh dạng một trai, mẹ tròn con vuông, Mỗ lấy làm vui-vẻ lắm.

Cảm ơn anh Mỗ, người đàn-bà ấy, kể hết tình đầu, và xin từ đây nhận Mỗ làm chồng, đưa con trai mới đẻ ấy, là con chung.

Anh Mỗ bấy giờ mới nhớ tới lời ông Tả-Ao đã dặn, quả-nhiên hôm ấy mới có là 17 hôm, kể từ hôm ông Tả ra đi.

Anh liền bằng lòng kết làm vợ chồng với người đàn-bà vừa đẻ ấy.....

Anh Mỗ tự nhiên lại có vợ con, cả làng ai cũng lấy làm lạ, người nọ nói chuyện với kia, đồn lan mãi đi.

Bà mẹ có cô gái quý ấy, từ hôm cô gái bỏ nhà đi, bà cụ thương con, giắt theo tiền, và ít nhiều đồ vàng đi tìm con.

Đã lâu ngày thăm-hỏi, dò-la các nơi, cũng chẳng thấy con gái đâu, chẳng hỏi-han được tin tức gì.

Bỗng một hôm, đang ngồi ăn quà ở chợ làng Đ..., nghe thấy hai người bán kẹo nói chuyện với nhau rằng: «Thằng Mỗ làng ta tự nhiên được cả vợ cả con, may mắn quá!»

Bà cụ sán ngay lại mua kẹo, lân-la hỏi dò ngọn ngành đầu đuôi câu truyện, thì mười phần đã chắc chín rười, chính là con gái mình đã lấy thằng Mỗ làng ấy.

Chờ tới chiều tối, hỏi thăm dò đến nhà Mỗ.

Quả-nhiên mẹ con gặp nhau, tha hồ mà khóc lóc. Mẹ khuyên con về, nhưng cô gái ấy nhất định ở đấy, không đi đâu, không về với ai cả. Lại còn kể hết đầu đuôi truyện anh Mỗ tốt và phúc-đức lắm, nay đã nhận Mỗ là chồng, mặc dầu chữa ăn nằm với nhau.

Thấy con khăng - khăng một lòng như vậy, bà cụ đành chao tiền và đồ vàng cho con ở lại làm vốn mà buôn bán.

Bà cụ yên trí, con đã ở đấy rồi, liền ra về, và căn-dặn lại : năm bữa nửa tháng sẽ lại sang thăm một lần.

Cô gái cũng căn-dặn mẹ : về xin đừng nói cho cha và họ-hàng biết là cô ở đấy, cứ nói là đi mất rồi, tìm không thấy.

Cậu cu con, hay ăn chóng lớn, thắm-thoắt đã 8 tháng, sắp biết đi, mà vợ chồng đã ăn ở cùng nhau, rất hòa-thuận.

Lại sẵn vốn mẹ cho, rồi thỉnh-thoảng bà lại sang chơi với cháu, dấm - dúi cho tiền luôn, vợ anh Mỗ đi buôn-bán, nhờ trời cũng kiếm ăn được, chẳng bao lâu đã có vốn liếng to, trở nên giàu có, anh không làm Mỗ làng nữa, chỉ là tên bạch-đình, mà là bạch-đình có của.

Trời cho chẳng mấy lúc, tậu được nhiều ruộng, làm nhà trên đất ấy, vạn lên trông thấy. Vợ lại đẻ luôn mấy cậu con trai.

Thằng con lớn, sau làm lên to, nên danh nên giá, chẳng ai còn dám gọi « bố hờ » là chú Mỗ nữa, bầm thừa, rặt một điều « cụ Cố ».

Cụ Cố về già, vẫn dặn các con luôn : « phải giữ lấy đất này mà ở, chớ đi đâu, vì chính nhà này là nơi phát tích, xưa cụ Tả dẫn mạch lại cho, mới được như thế ».

### Cho ông Hoàng-Giáp biết tay

**L**ẠI truyện con một anh Mỗ ở B... tổng T... Tr... tỉnh Hưng-yên, đỗ tới Hoàng-Giáp. Truyện này còn hay hơn truyện trên nhiều.

Nguyên ở làng ấy có ông Hoàng - Giáp về hưu, vẫn cậy mình là hay chữ nhất làng, mặc dầu ở làng cũng có tới hai ông Thám đang tại chức.

Ông Hoàng mở trường dạy học ở làng, có tới mấy trăm đệ-tử lớn bé đến thụ nghiệp.

Ông Tả-Ao một hôm lạc loài vào chơi trong trường học, vì nghe tiếng ông Hoàng hay chữ, mới vờ làm người phương xa đến, nói trước với ông Hoàng, đề sẽ cho con đến xin ở trọ học.

Ông Hoàng thấy lão già ăn mặc lôi - thôi, có ý khinh ra mặt, khi nói chuyện thì khoe-khoang, nói nhiều câu khinh đời là đồ dốt cả.

Ông Tả căm lắm, tìm cách sẽ làm cho ông Hoàng biết tay.

Khi ở nhà ông ra, ông Tả đã ngầm kỹ địa-thế nhà ông Hoàng. Rồi vờ đi chơi các nẻo trong làng nhận xem phương-hướng các kiểu đất.

Chợt gặp thằng Mỗ, tay đang đánh mỗ, mồm rao việc làng.

Ông Tả dừng chân ngầm mặt thằng Mỗ, thấy có phúc-tướng lắm, bèn gọi nó lại, bảo đưa mình về nhà, sẽ cho một mối lợi to vô cùng, vì không tiện nói ở ngoài đường.

Chẳng biết là ai, mà cũng chẳng hiểu là câu truyện gì, thằng Mỗ thấy bỗng tự nhiên có ông ông lão bảo thế, thì cứ đưa về nhà, xem truyện gì.

Đến nhà rồi, uống nước xong, ông Tả hỏi có vợ con gì không? Anh Mỗ nói là có vợ rồi, đi chợ vắng, được hai con, thằng lớn lên chín, thằng nhỏ lên bảy, đang chơi cả ngoài kia.

Ông Tả bảo gọi cả về, cho ông xem mặt.

Mỗ gọi hai trẻ vào.

Liếc trông qua, thấy thằng lớn có tướng làm nên, ông hỏi đã cho đi học đâu chưa? Sao không cho hai đứa vào trường quan Bằng theo học?

Mỗ nói là nghèo, vả có học cũng chẳng làm gì, con thằng Mỗ thì làm nên trò-trống gì được mà học.

Ông Tả hỏi Mỗ có muốn cho con làm nên to, để làng biết tay không? Có muốn trở nên giàu sang không?

Mỗ ngần cả người, đứng dậy ngạc-nhiên nhìn ông Tả.

Ông Tả kéo tay Mỗ ngồi xuống, tự xưng mình là thánh địa-lý Tả-Ao đây. Có muốn giàu sang sung-sướng, thì cứ chỉ cho ngôi mả bố hay mẹ, sẽ phúc lại cho, chỉ trong 4 năm, hay 6 năm, con sẽ làm nên to, đỗ tới Hoàng-Giáp là ít, mà lại chỉ trong 100 ngày sẽ trở nên giàu có rồi. Điều trước nhất bây giờ là đừng nói lộ một tí gì cho ai biết là ta ở đây để đất cho.

Mỗ xướng quá, sụp lạy ông Tả, quá thương cho đến thế. Đề xin chờ vợ đi chợ về, sẽ bàn, dặn mọi điều.

Ông Tả bảo Mỗ đưa ngay mình ra mả bố hay mả mẹ, mả nào gần hơn thì đưa.

Mỗ đưa ra mả bố, chôn gần làng.

Sau một hồi ngắm kỹ, ông cùng Mỗ đỡ về.

Vợ Mỗ cũng vừa đi chợ đỡ lại nhà, Mỗ liền nói cho vợ nghe hết mọi điều, và bảo vợ lạy ông Tả.

Ông Tả bảo đi mua ngay cho được cái nôi hông to, đêm nay có việc, và sắp sẵn thường cước, dóm đuốc.

Đêm hôm ấy vào khoảng canh hai, ông đưa cho Mỗ một gói con, bọc cẩn thận, bảo đem đi chôn ngay trước cổng nhà ông Hoàng-Giáp, đừng cho ai biết, chôn cho cẩn-thận. đánh phẳng lý đi, cho không có vết gì ai có thể nghi được; rồi về đây ngay ông bảo.

Mỗ vác dao nhọn, lĩnh gói đó ra đi, chỉ một chốc đã về.

Ông Tả bảo đi nghỉ một tí, rồi canh tư ông cùng vợ chồng Mỗ vác thường cước đi ra mả bố Mỗ, thắp đuốc, bốc mả. Ông Tả cũng mó tay vào làm cho chóng, ba người tận lực, một lúc lâu xong cả, xếp xương vào nôi hông đem về nhà.

Đề nôi hông ấy trong nhà đã 2 hôm, mà chưa thấy ông Tả bảo sao.

Mãi đến hôm thứ ba, ông mới bảo: «Chiều nay hễ lặn mặt trời, tối một lúc, là phải chôn rồi, vậy sửa soạn sẵn đi cho kịp».

Chiều hôm ấy vợ Mỗ đề nôi hông xương vào thúng to đội đi sau, Mỗ vác cái thường đi trước, xa xa theo ông Tả.



Đi một quãng xa, trời sập tối, đến một cái gò to, mà ông Tả đã đứng chờ ở đó. Ông chỉ chỗ bảo đào huyết ngay, cho mau.

Một chốc đào xong, ông bảo vợ chồng đứng xa ra, hễ nghe tiếng gọi thì dem nhanh ngay nôi hồng lại.

Rồi ông bắt quyết, niệm chú, dưới huyết bỗng có ánh sáng chiếu lên, ông gọi Mỗ dem nhanh nôi hồng lại chôn xuống, lấp đất, đắp thành mộ.

Ba người cùng về,

Đêm ấy ông bảo Mỗ lấy giấy bút cho ông viết; viết xong, ông bảo Mỗ rằng: « con anh thế nào rồi cũng đỗ to, nhưng nội nhật ngày mai, anh phải cố lạy-lục, xin cho nó vào học trường ông Hoàng; hễ nó học dốt quá, mà ông Hoàng đuổi đi không dạy, thì anh phải nói kháy, cố lạy-lục, cam-đoan là nó có tương làm nên, thì ông Hoàng bấy giờ bảo gì, cứ nhớ lấy lời, phân vua với mọi người. Rồi đến lúc nào con anh nó võ tri khôn, học giỏi, đi thi, thì cố mà xin giấy làng chứng-chỉ nhận thực cho con anh là con bạch-dinh, chớ nói là con Mỗ, vì con Mỗ phép vua: tam đại bất đắc ứng-thí, ba đời không được đi thi. Khi nó đã đỗ rồi, thì cứ nhớ lấy lời ông Hoàng trước nói những gì thì sau cứ xin thế. Còn như vợ chồng anh thì từ hôm nay đến 100 ngày, hễ ai thuê cuốc đất khó nhọc tới đâu cũng cứ làm, bắt được gì, đem về nhà; dẫu kin đi, rồi xin thôi làm Mỗ, sẽ giàu to, nhưng phải kin tiếng lắm chớ cho ai biết ».

Hôm sau, ông đưa tiền cho Mỗ, bảo mua một cái ống khoán, và một ít sơn; khi đã mua về, ông bỏ tờ giấy viết tối qua vào đó, lấy sơn gắn lại, đưa cho Mỗ, bảo cất kỹ, chớ giở coi mà oan-gia. Bao giờ con anh đỗ rồi, về vinh-quy, chào ông Thám, sẽ đưa cái ống khoán này ra, nói là của ta đưa cho, bây giờ hãy cất kỹ đi. Rồi ông lại căn-dặn hai ba lần vợ chồng Mỗ, bảo phải nhớ kỹ lấy mọi điều, theo thế mà làm, sẽ được giàu sang sung sướng; nếu sai lời thì có hại to.

Vợ chồng Mỗ xin nhớ, làm theo lời dặn.

Rồi ông Tả ra đi.

Vợ chồng Mỗ sửa coi trâu, đưa con ngay sang trường quan Hoàng, lạy van xin cho con theo học.

Đạo Thánh là đạo rộng, có hẹp gì mà ông Hoàng chẳng cho theo học. Sau khi làm lễ khai-tâm xong, ông bảo Mỗ: « ta thương mi có công hầu dân, nên nhận bảo học con mi, chớ con mi có học được, cũng chẳng ai cho đi thi nào, gọi là học cho biết chữ, sau này khỏi ngu dốt đó thôi! ».

Mỗ lạy tạ ông Hoàng rồi ra về.

Từ hôm tháng Chí, con Mỗ, theo học quan Hoàng, đã 4, 5 tháng trời, mà học có mỗi một giòng chữ mà vẫn không thuộc, ông Hoàng chán quá, sai con mình là cậu Ấm Sắc dạy thay, kèm đánh thế nào, tháng Chí cũng vẫn tối như đêm, dầy như đất, chỉ được cái nghịch thì tinh-ranh lấu-lỉnh nhất trường, người lớn cũng phải chịu là quái-mãnh.

Học thế thì chỉ toi cơm, tốn sức, một hôm ông Hoàng bảo cậu ấm Sắc gọi Mỗ đến, giao trả tháng Chí, bảo đem nó về, chừ học thế thì chỉ công toi-thôi.

Mỗ cùng vợ, lại sửa coi trâu, sang lạy ông Hoàng như tế sao, cam-đoan con mình là có tướng làm nên to, xin cụ hết sức cứ chỉ bảo cho, nó chưa đến lúc vỡ trí khôn đó thôi...

Ông Hoàng vừa tức, vừa buồn cười, bảo: «con vua thì lại làm vua, con nhà thầy chùa lại quét lá đa, sao mi ngu-dại thế, nghe ai mà dám quả-quyết trông xằng như vậy, con mi học-hành thế, có mà đến đời rau-riếp cũng chữa vỡ trí khôn được, từ khi ta mở trường, chưa thấy đứa nào lại dốt đến như con mi, bốn năm tháng trời học một giòng chữ không thuộc. Thôi ta bảo thực: đem nó về, cho nó giúp việc nhà, hoặc cho đi chăn trâu bò, làm thuê gánh mướn gì, còn hay hơn, đừng cho học nữa mà uổng công...»

Vợ chồng Mỗ cứ lạy hoài, nhất định cho con theo học, xin cụ thương lại cho, thế nào thằng Chí sau này cũng làm nên to, chúng con cam-đoan như vậy.

Ông Hoàng tức mình nói gắt rằng: «Ta bảo cho mi biết, con mi mà nó có làm nên, ta chỉ xin đi đặng đầu, ta xin mất cho mi một mâm bạc, một mâm bạc chầy!..»

Đang khi ấy, thì có mấy ông huynh-thứ làng đến chơi, thấy ông Hoàng đỏ mặt tía tai, tức khí nói bô-bô, vợ chồng thằng Mỗ và con Mỗ đang quỳ cả dưới đất, lạy giải.

Các ông hỏi duyên-cớ vì sao, ông Hoàng kể hết đầu đuôi câu truyện, mà con tức vẫn chưa nguôi: «Tôi xin phân-vua với các ông, con nó mà có làm nên to được, thì tôi xin đóng cửa trường, không dạy học nữa, mà tôi cho hẳn nó một mâm bạc!..» Vợ chồng Mỗ vẫn kêu-ca, lạy-lục.

Các ông khách thấy vậy, thương tình, đều nói, xin với ông Hoàng cứ dạy cho thằng Chí, trong một năm nữa xem sao, bấy giờ nó không học được sẽ hay.

Nề lời khách, ông Hoàng bằng lòng lại bảo học cho thằng Chí, vợ chồng Mỗ lạy tạ ông Hoàng và các ông khách, rồi ra về.

Hàng năm sáu tháng trời nữa, thằng Chí vẫn dốt thế, học càng ngày càng dẹt đi, chỉ chơi bời nghịch-ngợm. Nói mãi, bảo mãi, cũng chán, nó cứ chơ ra thế, ông Hoàng và cậu Ấm Sắc sau rồi mặc kệ, nó muốn học thì học, chơi thì chơi, về thì về, ở thì ở; không buồn nói, buồn nhìn tới nữa.

Thì chính lúc này là lúc thằng Chí mới vỡ trí khôn, nó nghe thầy giảng sách cho các anh em, đều nhập tâm thuộc như cháo, về nhà học chăm lắm, học giỏi và tấn-tới lạ!

Thế mà thầy, con thầy, và các anh em bạn học, vẫn chẳng ai biết cả, vì ai cũng yên trí là nó ngu-tối, không ai thêm hỏi, thêm nói tới cái thằng con Mỗ ấy làm gì.

Vả lại thấy nó đến trường vẫn đùa-nghịch, lêu-lồng, học ít, chơi nhiều.

Một năm, hai năm, rồi ba, bốn năm, thằng Chí vẫn như vậy, nhưng nào ai có ngờ nó học đã giỏi lắm rồi, có thể đứng làm «trưởng tràng» được.

Thế mới phục tài ông Tả-Ao, cái gói bùa yểm trước cửa trường ông Hoàng kia, đã che mắt hết mọi người, chẳng ai học đến chữ «ngờ» về sau.

Ấy là nói con Mỗ thì học hành như thế, còn như Mỗ và vợ Mỗ ở nhà, kể từ khi đẻ mả, sau đó ba tháng, có một nhà giàu trong làng thuê đào một cái hố dựng phân ngoài ruộng, để ngâm phân bón lúa; đất chỗ ấy nhiều nước và bần-thiu quá. Nhưng vợ chồng Mỗ nhớ lời ông Tả dặn lại, nên cũng cứ chịu khó đào, chông cuốc, vợ bốc đất. Đào từ sáng tới trưa, nhọc lắm, toan về nghỉ, thì bỗng mũi cuốc chạm phải một vật gì rần-rần, thấy trọi tay lại.

Vợ chồng khế bảo nhau, rồi đào xâu xuống, quả nhiên bắt được 2 cái chấu to, úp với nhau, ngoài chát với kỹ, hai vợ chồng nom trước nom sau, gánh luôn về nhà, cất kỹ, vợ ở nhà coi, chồng ra làm nốt, đến gần chiều thì xong cái hồ phân, lấy tiền công, rồi về nhà.

Đêm ấy hai vợ chồng cạy chấu ra xem, thì thấy trong toàn bạc nén, vì chôn lâu ngày, nhiều thoi đã đen cả.

Vợ chồng bàn nhau cách làm giàu, đem đi xa đòi bạc lấy tiền tậu ruộng, tậu trâu, làm nhà, trăm thức.

Sau khi đã có cơ-sở vững-vàng rồi, chồng xin thôi làm mỗ, người làng thấy Mỗ tự nhiên giàu bật lên, ai cũng đoán hẳn là được của; nhưng Mỗ vẫn nói dối là vợ đi chợ, được lãi mấy chuyen to.

Mỗ có tiền cho vay hầu khắp mặt người làng, cả đến các ông tai mặt đàn anh cũng vì hơi đồng, mon-men lại làm thân, chơi bời vay mượn, thành ra Mỗ có thế-lực ở làng, chẳng ai dám nói đến tên Mỗ, và nói đến truyện nghèo khổ của Mỗ lúc trước. Lại còn lắm anh nịnh hót, vào ra tâng-bốc là thường.

Mà cả đến ông Hoàng thấy Mỗ giàu to cũng phải nể, nên thằng Chí muốn học hay chơi tùy ý, không dám nói đến truyện trả con lại như trước.

Mỗ cũng đã mua nhiều, mua xã, ở làng, nên đã thành tên là ông Nhiều bà Nhiều.

Một ngày kia, ông Hoàng chấm đến một quyển văn của người học-trò, mà xưa nay ông vẫn cho là « xoàng » lắm; bỗng thấy hôm ấy, làm sao trong quyển văn đó lại có nhiều câu văn hay quá, thực là « thần-cú ». Lấy làm lạ, ông Hoàng chất-vấn người học-trò ấy, anh kia trước còn chối, sau nói thực là tên Chí đã gà cho.

Lại thêm một cái lạ nữa, — thằng Chí gà văn cho? — ông Hoàng ngạc-nhiên, rụng rời cả bút son đang chấm.

— Thừa thầy vâng, chính anh Chí đã gà cho con!

Ông Hoàng gọi Chí lại hỏi, có thực thế không? Chí can-dảm: nhận ngay.

Ông Hoàng vẫn chưa tin, liền đọc một câu đối thực khó, bảo Chí đối đi, thì Chí đối ứng khẩu ngay, rất hay và có khí-tượng lắm.

Ông Hoàng ngần-ngờ cả người, gọi cậu Ấm Sắc ra hỏi thằng Chí nó học bao giờ mà chóng khá làm vậy?

Cậu Ấm cũng ngần-ngờ kinh-ngạc, hỏi Chí, thì Chí thưa: « Con vẫn nghe thầy giảng nghĩa, về nhà tập làm văn và học lấy một mình ».

Bấy giờ cha con ông Hoàng mới xúng-xốt cả người.

Từ hôm sau, ông Hoàng rất chăm bảo cho Chí thêm, thì quả-nhiên kỳ văn nào Chí cũng được « Ưu », nhất trường.

Một điều lạ nữa là: cậu Ấm Sắc, con ông Hoàng, từ đấy học lại như lùi đi, xo với Chí thì kém xa quá, chẳng thấm vào đâu. — Ông Hoàng bực mình khôn xiết kể!

Đến khoa thi, ông Nhiều (Mỗ trước) xin giấy làng và ông Hoàng nhận thực cho thằng Chí là con Nhiều, chớ không phải con Mỗ, kẻ phép vua thì Mỗ: tam đại bất đắc ứng thi.

Cả làng nhờ-vả cả, nên Lý-trưởng áp triệu nhận thực ngay. Duy đến ông Hoàng thì

lại ngần-ngừ. Cả làng mỗi người một điều, thúc-dục ông Hoàng, người nói kháy, kẻ nói tức, kẻ nói lý-sự, kẻ kêu-nài dúp.

Ông Hoàng nghĩ: không lẽ nó là học-trò mình, mà mình lại không nhận thực, nếu không nhận thì chẳng hóa ra ghen-ghét và hẹp-hòi quá, đành phải nhận, cho đi thi.

Nhưng ông Hoàng lo, lo vì nỗi: thằng Chi đi thi, sức ấy thề nào cũng đồ to, nhớ lại những lời mình nói phân-vua với mọi người, khi đuổi thằng Chi không cho học lúc trước, luống thẹn mặt, mà lại sợ nó đòi mâm bạc thực thì khốn.

Còn một điều ông Hoàng lo hơn nữa là: khoa ấy cậu Ấm Sắc cũng đi thi, khéo mà chượt, thì xấu-hồ quá.

Lo cũng chẳng ra ngoài được mưu thần chước quỷ của ông Tả-Ao. Ông đã bày binh bố trận, bày «cò-ke» ông đã mắc sẵn cả rồi, chạy đâu cho thoát.

Thi xong, Chi đỗ Hoàng-Giáp, cậu Ấm Sắc đỗ cuối bảng Tú-lài, suýt nữa thì chượt, nhưng quan trường thấy là con ông Hoàng-Giáp làm quan tại triều khi trước, nên khi thi hương cho lên đội bảng Tú-tài, kéo đánh hồng, tội nghiệp!

Chi đi thi Hội, rồi vào thi Đình, đỗ Hoàng-Giáp. Khi về vinh-quy, tuy là nhà ông Hoàng và nhà ông Nhiêu cùng có con đỗ cả, mà nhà ông Nhiêu vui-vẻ bao nhiêu, thì nhà ông Hoàng buồn-tẻ bấy nhiêu.

Đông đủ mọi người, Chi nhớ ơn thầy, sửa lễ sang tạ ông Hoàng nhờ công thầy dạy bảo, nay đã đỗ cao. Cả cụ cố Nhiêu cũng theo sang lạy tạ.

Quá hơn là gai chọc vào mắt, ông Hoàng bẽn-lẽn cả người, nói cười cho qua loa.

Quan Hoàng trẻ mới lạy quan Hoàng già cũ xong, cụ cố Nhiêu nhắc đến truyện xưa, xin ông Hoàng nhớ lời cho cháu mâm bạc, những người làm chứng việc ấy còn đủ mặt cả ở đây.

Quan Hoàng già tim mặt, phải nói lại mấy lời từ-tạ, rồi lấy ra 10 đĩnh bạc, mừng cho trò đã đỗ cao, làm vẻ-vang cho thầy, cho cha mẹ, cho làng nước, và cho một câu-đối mừng rằng:

*Làm thằng Chi, làm thằng Chuột, làm thằng bạch-đình, khốn-khở lắm-thần cùng khắp đất;*

*Đỗ ông Cống, đỗ ông Nghè, đỗ ông Hoàng-Giáp, phong-lưu phú-quý lệch nghiêng trời.*

Ai cũng phải chịu là câu đối hay quá, đáng làm thầy quan Hoàng-Giáp mới.

Mà cũng vì câu-đối có giọng kẻ cả ấy, quan Hoàng già mới đỡ bẽ cùng làng nước.

Thì ai bảo hay khoe-khoang tự-phụ với khinh người, để ông Tả cho một bài học quá đau.

Nào thế đã xong đầu, cụ cố Nhiêu lại còn đưa trình quan Hoàng già cái ống khoán, nói là của ông Tả-Ao đã qua chơi trường đây, hồi 5, 6 năm về trước, có viết lá thơ này, bỏ vào ống khoán gửi tôi, dặn rằng: bao giờ con tôi đỗ, sẽ đưa trình ngài xem.

Ông Hoàng tay đỡ lấy ống khoán, ngần-ngờ cả người, mở ra xem, thấy một bức thư, có mấy câu:

*Quan Hoàng kia, hỡi quan Hoàng,  
Hỏi còn nhớ lão qua trường năm xưa ?  
Quan Hoàng hay chữ có thừa,  
Mà sao con phượng; lại thua con gà ?  
Truyện này chẳng phải tại ta,  
Bởi ai kiêu - bạc mới ra sự vầy !*

Xem xong thơ, ông Hoàng chết lặng người, quá hơn lời thơ Khổng-Minh xưa, làm chết uất gã Chu-Du.

À ra, bây giờ mới rõ tâm-hơi, mưu thâm đầu có lạ đời mưu thâm, chỉ vì thất-thố với lão Tả thăm trường năm xưa, mà lão cho đất thẳng Mõ, để nó làm mất danh-diện mình, con mình thua con nó đã là nhục, lại còn con nó đổ ngang Hoàng-Giáp với mình mới cay, ông Hoàng nghĩ bao nhiêu càng thẹn bấy nhiêu.

Từ hôm ấy, đóng cửa trường, chẳng bảo học ai nữa, quan Hoàng già bỏ hết thói kiêu-căng, tự-phụ và khinh người.

Bài học của ông Tả-Ao đã làm cho cha con ông Hoàng sau này nên bạc «nhũn» nhất làng.

### Đầu không khăn, dít không khố

**L**ÀNG Đ. . . thuộc địa hạt Sơn-tay, có tiếng là rất bạc, hay khinh người, vì dân làng giàu lắm.

Khó giữ đầu, giàu giữ cửa, đó là thường tình, nên quanh năm làng đó chỉ sợ cướp vào, chữa tối đến, nhà nhà đã đóng chặt cổng ngõ. Hễ thấy ai là người lạ mặt tới làng, thì dân làng đều có ý lo ngại là quân do-thám của bọn giặc cướp cả. Cũng vì thế mà ít ai được có cái hàn-hạnh ngủ đêm ở trong làng. Trừ ra là kẻ thân-thích, quen biết lắm, có người nhận thực, bảo-lĩnh, làng mới dám chứa.

Ông Tả-Ao một hôm tới làng đó, ngắm qua kiêu đất, biết là làng này phát phú, nhưng phải cái ăn ở bạc-bẽo quá. Ông muốn ở lại làng đó ít hôm, thử thách mấy người đàn anh, xem rằng : bạc-bẽo mà còn có ít nhân - đức, thương lại được, thì ông sẽ sửa lại kiêu đất cho được thịnh-phú hơn, mà lại thêm phần nhân-hậu, gọi là làm phúc.

Nhưng trời tối, chẳng nhà nào cho ông ở trọ cả, đến đâu họ cũng đuổi quây-quây, lại ra bộ khinh-bĩ, vì thấy ông ăn mặc lôi-thôi, có dáng nghèo khổ !

Ông cũng định thôi đi cho rồi, mặc kệ họ, chẳng hơi đầu mà làm phúc với làm đức cho bọn dân bạc-bẽo ấy nữa.

Nhàn trời tối rồi, ông thấy nơi điểm sở làng bỏ trống, chẳng có ai, mới quay lại định nghỉ đó một đêm, mai sớm sẽ đi chỗ khác.

Không ngờ khi ông quay lại, vào trong điểm thấy có người ngủ. Ba cậu bé, độ 15, 16 tuổi, nằm giải trên cái phản trong điểm.

Thấy có người vào điểm, một cậu bé còn thức, hỏi: « ai? » Ông Tả bèn lân-la, tìm cách làm thân với đứa trẻ, nói là kẻ lỡ độ đường, xin ngủ nhờ ở điểm một đêm, mai sáng ông sẽ cho tiền cả ba cậu.

Điểm là điểm của làng, cậu bé thấy ông lão, ăn nói dễ thương, lại bảo mai sẽ cho tiền, thì cậu bằng lòng cho ông Tả ngủ chung cùng một phản.

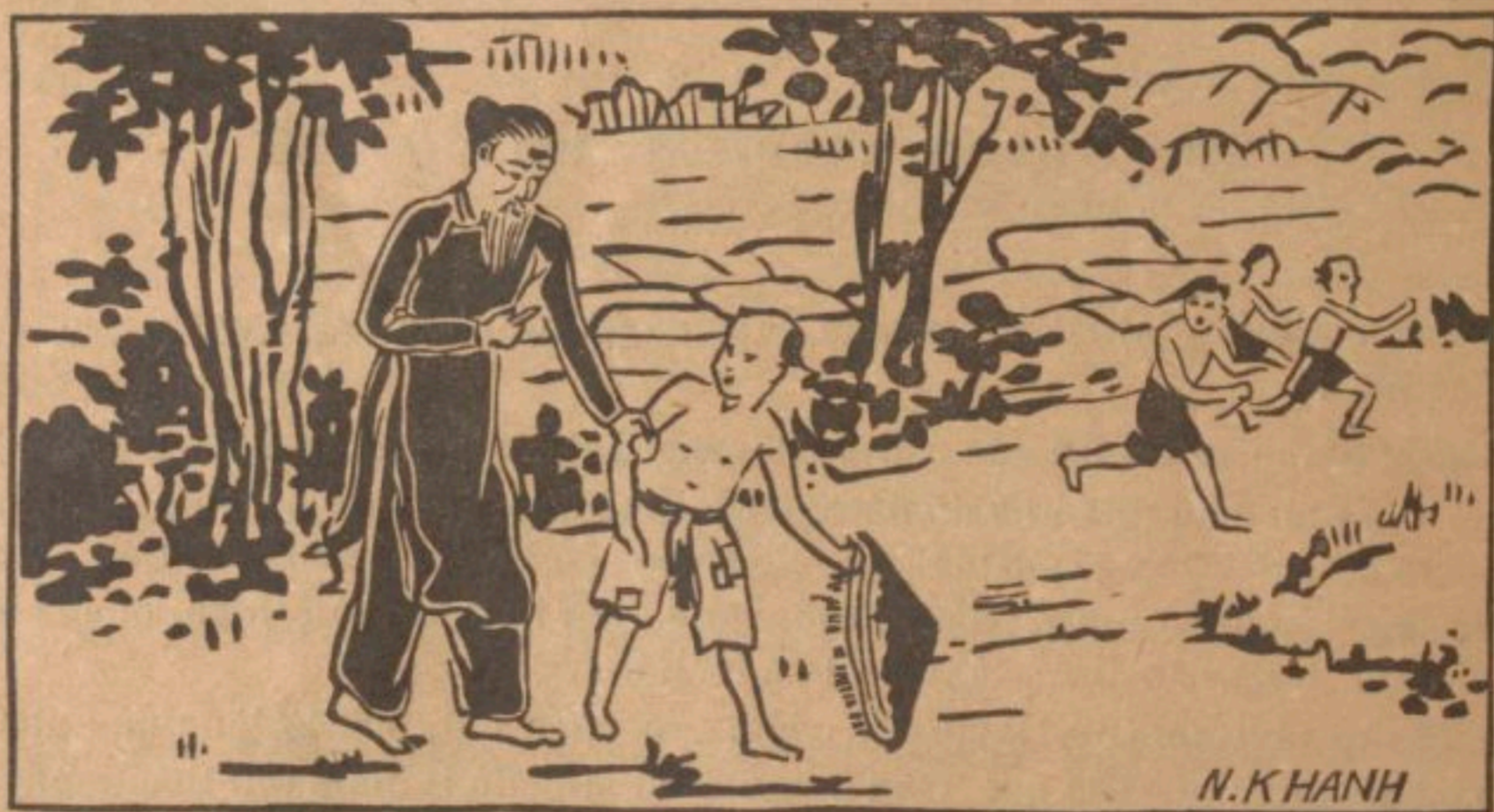
Ông Tả liền đề cái dây và chạt cái khăn, tụt đôi giầy, cởi áo, để cả cạnh mình, rồi nằm xuống ngủ thiếp ngay đi mất, vì hôm đó ông đi xa, có phần nhọc mệt.

Sáng hôm sau, ông thức giậy, thì thấy cái dây và khăn, áo giầy của ông, đều không cánh mà bay đi đâu mất cả. Ba cậu bé cũng biến mất tăm. Ông tức quá, không ngờ cả từ trẻ con làng này cũng có tinh xấu ăn cắp thế nữa !!

Ông đứng giậy, nhất định đi tìm ba đứa bé, để lấy lại khăn, áo, giầy; hòng đi đi cho rồi, kéo ở cái làng này họ « khó chơi » quá.

Tìm quanh quần hàng giờ mới thấy ba đứa trẻ ấy ở ngoài đồng dang trăn trâu. Ông chạy lại hỏi xin khăn, áo, giầy, còn tiền trong dây đành xin biểu cả các cậu.

Thế mà chúng nó cũng không trả, nhất định chối là không lấy. Ông Tả tức quá, nắm một đứa dọa đánh, nó kêu khóc văng lên...



ÔNG TẢ-ÁO ĐANG DỌA ĐÁNH ĐỨA TRẺ CHĂN TRÁU,  
NHỮNG ĐỨA KHÁC SỢ CHẠY

Thầy Lý-trưởng buổi sáng hôm ấy cũng ra thăm đồng, chợt nghe có tiếng trẻ kêu khóc, liền chạy lại, thấy ông lão đang nắm một thằng bé mà dọa nạt. Thầy Lý chạy lại dằng tay ông Tả ra, rồi hỏi duyên-cớ? Ông Tả cứ thực nói lại cho thầy Lý nghe. Lũ trẻ thì nhất định một mực chối là không lấy.

Thầy Lý có ý bênh trẻ làng, bèn ngầm nghĩa ông Tả từ đầu chí gót, rồi nói: « cái bộ bác, đầu không khăn dít không khố thế kia, thì làm gì có dây, có tiền, có khăn, áo, giầy? Bác mất ở đâu, đến đây chực dọa-nạt lũ trẻ làm vậy? Bác có biết lệ làng đây,

không có chừa ai ở trong làng đêm hôm không? Thế mà bác lại dám cả gan ngủ ở diêm làng, nếu tôi mà biết thì tôi sai tuần nó bắt rồi đó. Bác có biết tôi là ai không? Tôi là Lý-trưởng đương-thứ đây. Bác không liệu đi ngay đi, còn ở đó mà dọa-nạt lũ trẻ nữa, tôi sẽ hô tuần ra bắt bác đem nộp quan, bắt vạ, cho bác biết tay...!»

Chà! nói lớn lối quá! ông Tả nghe rồi, mỉm cười, bảo: «Tôi là Tả-Ao đây, nhân qua làng, thấy phong-cảnh đẹp, có kiêu đất phát phú, dân giàu thịnh, nên ở nán lại coi chơi, chẳng may trời tối, có chót phạm phép làng, xin thầy tha-thứ. Nhưng sự thực là tôi bị ba đứa trẻ này lấy cắp của tôi, tôi đã bảo chúng nó là cho cả tiền trong đây, chỉ xin trả lại đây, khăn, áo, giầy, để tôi đi, kẻo tôi chơ chọi thế này, đi đâu bất tiện lắm, xin thầy làm phúc bảo hộ chúng nó trả lại tôi.»

Thầy Lý thấy nói là Tả-Ao, cũng hơi trợn, nhưng nghĩ rằng: làng mình giàu-có thịnh-đạt thế này, cũng chẳng cần gì đến cái tài địa-lý của Tả-Ao. Có phải thế, để mình dọa bảo lũ trẻ, trả khăn áo cho lão đi đi là rảnh truyện, chứ để Tả-Ao ở làng, thêm cái vạ, vì thầy Lý đã được nghe nhiều truyện Tả-Ao làm phản các kiêu đất.

Nghĩ thế rồi, thầy Lý liền dọa bảo lũ trẻ phải trả khăn, áo, giầy, dấy cho ông Tả. Lũ trẻ sợ thầy Lý, phải đi lấy của ăn cắp được, đem trả lại người.

Ông Tả nhận đủ rồi, duy có tiền thì lũ trẻ đã lấy hết, ông Tả cũng phải nén lòng mà chào thầy Lý, tỏ ý cảm ơn, nhân lại khơi đến câu truyện phong-thủy làng, nhưng thấy thầy Lý «đánh trống lảng», không bắt lời, tỏ ra vẻ lãnh-đạm lạ thường. Ông Tả hiểu ý, vội chào thầy Lý rồi đảo bước ra đi.

Nhưng đến trưa, khi các người làm đồng đã về nghỉ cả, trời nắng trang-trang, nực-nội, ông Tả trở lại làng, quyết trí báo thù cho dân đó biết tay. Tới cái ụ đầu làng, ông đặt tróc-long, bắt quyết, hô thần, rồi lấy chân đạp vào ụ đó năm cái, tức thời cái ụ tròn ấy, biến hẳn hình ra méo xệch, y như một nắm bột tròn, bị tay ai bóp bẹp vậy. Rồi ông lại cởi quần áo, vờ nhầy xuống tắm ở một cái ao gần đình làng, kỳ thực là ông xuống ao để dùng phép lấy chân dận mạch ở tận đáy ao, xoay truyện cả kiêu đất làng, cho sai mạch, cho đoạn long, thế rồi ông mới ra đi.

Có kẻ biết, chạy về báo với Lý-trưởng sự lạ ở gò, Lý-trưởng sợ quá, vội sai tuần đi đuổi cho kịp, bắt Tả-Ao về làng để trị tội.

Nhưng ông Tả đã thừa biết là có người đuổi mình, nên ông đã đảo cẳng chạy biến đi đầu mất, tuần tráng nhớn-nhác đi tìm bắt, rồi lại nhớn-nhác mà về. Thầy Lý đi xem một lượt các kiêu đất làng lại, thì duy chỉ thấy cái gò tròn đầu làng là biến hình rồi, vào tới đình, thì thấy bên tường đình, có mấy chữ nôm viết nguệch-ngoạc bằng than đen rằng: «Rồi chúng bay sẽ được đầu không khăn, dít không khố.»

Thầy Lý bấy giờ mới nhớ đến câu mình diếc-móc lão Tả-Ao ban sáng, nên hối-hận vô cùng, đêm ngày chỉ nhờ người dò-la tìm xem Tả-Ao ở đâu, để mình tới xin lỗi và chừa trả lại kiêu đất làng, nhưng bóng chim tăm cá, còn biết Tả-Ao ở đâu mà tìm.

Chỉ biết rằng: từ đấy làng càng ngày càng xa-xút, đói kém, mất mùa, bị cướp phá, ruộng đất bỏ hoang nhiều, không người cấy cấy, dân làng càng ngày càng bị nhiều sự đói-do, nghèo khổ cùng cực, thủy hỏa đạo tặc, bốn cái họa ấy cứ luôn luôn ám-ảnh dân làng này.

Nhưng được một điều vớt lại, là các đồng ruộng bỏ hoang, bị nước ngập vạ chiêm

và vụ mưa nước lên, tôm cá ở đâu sinh đẻ ra đầy cả đồng ruộng. Dân làng đang lúc đói kém, liền đồ xô nhau làm nơm, làm vó, làm vọt, thi nhau trần truồng bì bõm cả ngày đi bắt tôm bắt cá để kiếm kế sinh-nhai độ nhật.

Thế là cả làng làm nghề bắt cá, đánh dậm, dẫu không khăn mà dít không khổ, làm cực-khổ mới có miếng ăn.

Thầy Lý đêm ngày oán ông Tả-Ao vô cùng. Có lẽ vì những cách ông Tả hay phản người quá đó, mà nhiều người thâm-oán, ông Tả bị mất phúc-dức, nên con cháu ông sau này bị nghèo khổ mãi, mà chính ngay nhà ông, và nhiều người trong họ ông, ông muốn xoay cách nào mặc dầu, cũng chẳng ai được lấy một ngôi đất quý.

### Kính lão đắc lộc

**C**ŨNG tưởng rằng kính lão đắc thọ, ai ngờ ông Tả lại làm trái đời, cho kính lão đắc lộc.

Ấy là truyện ông Nguyễn-Hoàng-Trung ở làng T... D... Khi ông Trung còn nhỏ, nhà nghèo quá, nhưng có trí hiếu học, đọc sách suốt ngày, dù khi đi ra ngoài kiếm ăn cũng vẫn cắp luôn tay quyển sách, có thể gọi ông là Chu-Mãi-Thần nước Nam.

Ông Tả-Ao ở chơi làng T... D... đã lâu ; vẫn nghe danh Nguyễn-Hoàng-Trung là người hiếu học, mà đi thi lại trượt đến 2 khoa rồi. Ông Tả muốn giúp cho Trung được sớm nên công danh. Trước khi giúp, phải tìm cách thử, đó là lẽ-lỗi của ông Tả-Ao.

Một buổi chiều, Hoàng-Trung đội một thúng gạo nặng về nhà, ông Tả-Ao bắt gập, liền vờ đón đường đi trước, lụ-khụ ho, tay sách một bọc nặng lặc-lè đi không được, ra về nhọc-nhắn, yếu đuối, già cả lắm.

Nguyễn-Hoàng-Trung tiến lên, đi qua, thấy vậy, liền tỏ ý kính già, hỏi xin mang đỡ. Ông Tả liền cảm ơn, rồi đưa ngay bọc nặng đó cho Trung xách. Đầu đội nặng, tay xách nặng, Trung vẫn lấy làm vui mà đi, không tỏ vẻ quẫn-ngại gì.

Ông Tả-Ao nhờ xách hộ về nhà ở làng trên, Trung cũng không ngăn-ngại. Đến nửa đường, ông Tả lại bảo : « à quên, tôi còn phải đỡ lại mua thêm cái này ». Nguyễn-Hoàng-Trung cũng chiều lòng ông cụ. Khi đỡ lại, ông Tả lại đòi về nhà Trung để nghỉ chân đã, rồi mới đi mua sắm các thứ khác.

Muốn sao được vậy, Hoàng-Trung đều vâng theo lời ông cụ. Về đến nhà, Trung đi thổi cơm, rồi mời cả ông cụ sơi cơm với mình. Ông cụ dễ-dãi quá, mời là ăn ngay. Ăn xong, Trung liền đọc sách, ông Tả bấy giờ mới vỗ vai Trung mà tự xưng tên, và bảo : « ta thấy nhà thầy trẫm học quá, mà đi thi lại trượt, nên cố ý đến đây thử đức tính và tìm cách giúp nhà thầy một ngôi đất, thì khoa này quyết chiếm bằng rộng, làm nên to, cho bổ công học tập. »

Trung đứng lên lạy tạ và xin ông Tả giúp cho được công thành danh toại. Ông Tả liền đi tìm đất, rồi cắt cho ngôi mà bố Hoàng-Trung vào ngay một ngôi đất quý ở đầu



làng, và dặn kiều lại rằng: «ngôi này là kiều đất phát quý, tả chiêng, hữu trống, ngựa rống Bắc-phương, diên trường khanh tướng, nhưng hơi chậm hướng, nên phát ít đình...»

Quả nhiên ông Nguyễn-Hoàng-Trung sau đỗ to, làm quan đến nhất phẩm triều-đình, nhưng chỉ có một con trai, đến bây giờ vẫn còn kế-tiếp đời đời làm quan, nhưng ông nào về họ nhà này, sau cũng đều ít con cả.

### Tay mọc chạnh càng cua

**M**ột quan Phủ đã về hưu-tri ở làng T... Qu... tỉnh Hà-Nam, nhà quan giàu, tiếng quan sang, cả làng ai cũng nể sợ.

Nhà quan có nhiều đầy-tớ, mà đầy-tớ ở nhà quan lại càng lắm về kiêu-kỳ, cậy thân cậy thế, nết khinh người hơn cả chủ.

Ông Tả-Ao thế nào một hôm lại « choạc » vào nhà đó xin ngủ trọ. Đầy tớ nhà quan, thấy ông lão ăn mặc xốc-xếch có ý khinh-rẻ, nhất định xua đi. Ở trong nhà, quan thấy lũ đầy tớ xua đuổi ông cụ già, thì bước ra hỏi truyện. Ông Tả hết sức cung-kính, ngỏ lời xin ngủ trọ một đêm.

Quan hỏi: « Thế đã ăn cơm chưa? » Ông Tả nói là: lữ độ đường, chưa ăn uống gì cả. Quan thương hại tuổi già, liền bảo lũ đầy tớ mời ông Tả vào nhà bên, dọn cơm thừa buổi chiều cho ông ăn đỡ đói.

Lệnh quan truyền xuống, lũ đầy tớ bắt-đắc-dĩ phải vâng theo, nhưng vẫn có vẻ khinh-bĩ ông Tả. Nèn khi dọn cơm nguội với cái ăn thừa ra, nó lại chơi khăm, lấy một chiếc dưa cả và một chiếc dưa con làm đôi dưa cho ông Tả ăn.

Biết là lũ gia-nhân nhà quan có ý khinh mình và trêu ghẹo, ông Tả thản-nhiên như không, cầm đôi dưa « cộc-kịch » ấy, ngồi và cơm ăn. Lũ đầy tớ nhìn nhau cười, lấy làm khoái trí lắm.

Rõ thực là chêu vào vó ngựa!

Ông Tả vừa ăn vừa hỏi-han lũ đầy-tớ, nhà ông chủ đây là nhà gì, mà giàu-có vậy? ông chủ làm gì? và tên là gì? Lũ đầy-tớ vênh-vang lên mặt, trả lời nhiều câu xác-láo: không biết đây là nhà quan à? — Tiếng quan Phủ đây xa gần đều phải sợ, ở đâu lại dầy mà không biết? — Ăn xong thì vào mà lạy tạ quan đi...

Ông Tả nghe chúng nói, chỉ mỉm cười. Ăn xong, ông lên nhà lạy tạ quan thực, và xin ngồi hầu truyện quan một lúc.

Truyện quan chẳng thấy truyện gì hơn là truyện khoe-khoang danh-giá, giàu có, vợ đẹp, con khôn, của nhiều, ruộng lắm, oai-thể trong làng,

Ông Tả than thầm: « chủ thế, chẳng trách lũ đầy-tớ cũng vênh-vang hợm-hĩnh ».

Hầu truyện quan khá lâu, rồi xin lui xuống nhà dưới nghỉ. Hôm sau ông Tả xin phép quan đi sớm và tự xưng danh là Tả-Ao.

Quan Phủ vốn vẫn nghe danh Tả-Ao, nay thấy thế, vội vàng vồ-vập mời ông ở lại. Ông Tả mỉm cười, xin vâng lời ở lại ngay. Hai ba hôm quan năn-nỉ ông Tả giúp cho một kiều đất. Mãi hôm thứ ba ông Tả mới nói: « nhà quan lớn đây, phúc lộc thọ khang ninh

đều đủ, vậy chẳng hay quan lớn còn muốn gì nữa? Bát cơm Xiếu-Mẫu nghìn vàng chưa cần, được quan lớn cho ăn uống nghỉ ngơi, ơn nặng ấy chưa đền, chẳng hay quan lớn muốn gì nữa, xin cứ nói, may ra tôi có thể giúp được, thì xin giúp ngay, dầu dám quần công...» Quan nói: «quả vậy, nhà tôi đủ cả rồi, chỉ xin ông giúp cho được thêm đa đình, mà rồi các cháu sau sẽ đều làm nên cả, đi đến đâu, hoặc ra ngoài, tới đâu cũng xuất chúng, anh-hùng thiên-hạ». Ông Tả nói: «tưởng gì, chứ chỉ có thế thì rất dễ, dễ tôi xin giúp quan lớn ngay về dương-trạch đây một tí cũng đủ thấy ngay, không cần phải cất đến phần mộ, thêm phiền và thêm tốn».

Không dè ông Tả chỉ muốn trả thù lũ đầy tớ và chủ-nhân-ông, cho biết phép mà chưa bớt kiêu-căng thôi, chớ không muốn động-chạm tới mồ-mả, e làm hại cả chi họ nhà quan Phủ, nên mới lập cách chỉ xoay lại dương-cơ.

Quan Phủ đâu có rõ cái mưu thâm của ông Tả, cứ tưởng mình đãi ông ăn uống thế, hẳn là ông thực bụng giúp cho. Ai ngờ là sắp bị mang họa.

Xoay dương-cơ những gì? Ông Tả, tìm chỗ chỉ cho thợ xoay lại mấy cái cửa trong và cửa ngoài, sửa chỗ tụ-thủy và tiêu-thủy lại, trước thì tọa Cấn hướng Tốn, nay thì tọa Cấn hướng Ly, nhất nhất đều đổi thay khác hướng.

Công việc xong, ông Tả xin kiếu đi, quan Phủ tặng tiền bạc, ông chỉ lấy có mấy tiền kềm ăn đường.

Không đầy hai năm, hai bà vợ quan Phủ đều mỗi bà đẻ một cậu con trai thực, phát đa đình trông thấy, nhưng cậu nào cũng thừa một ngón tay, mọc ở dưới ngón tay cái, quặp lên như cái càng cua vậy.

Mà lại lạ hơn nữa là: từ khi 2 cậu công-tử ra đời, lũ gia-nhân thấy 2 công-tử tay như càng cua vậy, thì tự nhiên lũ ấy cũng thấy ngứa ở dưới ngón tay cái, rồi mỗi người đều có thịt mọc nhô ra như ngón tay nữa quặp lên, cũng đồng càng cua như 2 công-tử. Cả từ quan Phủ cũng vậy.

Ai nấy bấy giờ mới biết là Tả-Ao phản, trước chỉ vì đòi dưa dọn lên mời ông Tả ăn, lại chơi nghịch đưa chiếc dưa cả với chiếc dưa con, mà nên nổi thế. Quan Phủ oán ông Tả bao nhiêu, lại càng mắng trách lũ gia nhân thậm tệ!

Quan Phủ phải mời bao nhiêu thầy Tàu đến gỡ vạ ấy, kéo về sau đẻ con ra cứ thế thì nguy. Kề tốn đã khá tiền, nhà quan Phủ mới dần dần gỡ được vạ ấy, đẻ con ra không có càng cua nữa; mà những người bị thọt thừa mọc ra khi trước cũng nhiều người rụng cả, duy có tay quan bà là còn nguyên vẹn. Từ đấy cả nhà quan đều bớt kiêu-căng.

### Lý-trưởng mài dao

**L**ÀNG vừa tế xong, có một ông lão, cứ hỏi xin thịt với cơm.

Tức mình, thầy Lý quát: «vừa tế xong, phải để cho dân ăn đã chứ, có thừa mới cho, ai cho đâu bây giờ mà lái-nhãi xin mãi. Tuần đâu, đuổi cõ lão kia ra ngoài đình, ai cho nó xông-xáo vào tận đây mà ăn xin như vậy?»

Tuần liền chạy ra đuổi, kéo tay ông lão ra ngoài đình. Thấy thầy Lý thì hách thế, mà tuần thì hăng thế, ông lão đành nhịn mà đi ra khỏi đình.

Hôm ấy ở chùa làng cũng có việc, các sư vải đang thụ-traí. Ông lão bị đuổi ở đình, liền quay về chùa xin ăn vậy.

Ông lão nào vậy? Ông Tả-Ao trá hình là kẻ ăn mày đấy, vì đến làng Th..... Kh..... (Sontay) đây, thấy có kiêu đất đẹp quá, muốn vào thử bộn đàn-anh làng, nếu tốt phúc tử-tế thì ông sẽ giúp cho.

Ông Tả vào chùa ăn xin, các sư vải chẳng ai thèm đoái-hoài đến, bỗ-thí cho tí gì cả, mặc dầu trong chùa còn thừa nhiều oản chuối.

Ông còn đang đứng đó, thì thầy Lý ở bên đình đã sang bên chùa, vì thầy là nhất hương chi trưởng, đình chùa làng đều có việc, thì lẽ cố nhiên là thầy phải chạy đi chạy lại, cho hai nơi đều có mặt. Thầy Lý vừa đến cửa chùa, lại thấy lão ăn xin bên đình lúc nãy. Thầy mắng: « sao chưa đi à? còn đứng đây? hết quấy bên đình lại sang bên chùa, không đi ngay, ta sai tuần nó thì giết đi bây giờ! »

— Tôi làm gì, mà thầy bảo giết tôi, tôi không có thì đi ăn xin, cho thì cho, chẳng cho thì thôi, làm gì mà bảo tuần giết, sao mà dễ giết thế!

Thầy Lý thấy ông lão bướng, nói ra động cựa lại mình, thầy muốn sĩ-diện với mọi người, bèn dọa già:

— À, bảo ta không dám giết phải không? đứng chờ đó, ta bảo tuần nó mài dao giết thực cho mà coi.

Thầy Lý dọa thế, rồi vờ bảo tuần đem con dao đi mài, đem ra giết lão ăn xin bướng-bỉnh kia đi. Làm như thực!!

Ông Tả thấy thầy Lý hách quá thế, sai tuần mài dao giết mình, thì vội lảng đi, miệng nói: « Muốn mài dao rồi ông cho được mài dao ».

Thầy Lý nghe vậy, nhưng cũng coi là thường, cho là lão ăn xin nói nhảm, nói vụng sau lưng thế thôi, vì nó bị mình đuổi, nên tức mà nói thế.

Nào có ngờ sau sẽ ra truyện thực.

Ông Tả bị dọa thế, cảm thầy Lý lắm, liền đi hỏi thăm dò cho được nhà thầy Lý. Ông đến tận cửa nhà thầy Lý, lúc không ai để ý, niếm chú, dận mạch từ nhà thầy Lý ra đến đầu làng. Ở đấy có 2 cái gò, một cái lớn, một cái nhỏ, dân làng vẫn truyền đó là hai con phượng đực và phượng cái đuổi nhau. Ông dận mạch đến cái gò con mẹ trước, rồi dòn mạch xuống một cái lạch nước, ở đấy có hòn đá to phẳng, đến đấy thì ông bỏ đi.

Chỉ có thế thôi, mà nhà thầy Lý bị thất điên bát đảo, nào vì việc quan sai lầm, bị thu triện, mất Lý-trưởng, nào ăn tiền bị làng kiện, phải chạy sạt cơ-nghiệp mới khỏi tù tội, nào chứa lăm giặc trong nhà, có kẻ tố-cáo, xuýt bị chặt đầu, phải bán hết gia-tư điền-sản để gỡ tội. Lâu dần thầy Lý ra người tay không, vợ con đều đem nhau đi đâu biệt mất để kiếm ăn, bỏ mặc thầy Lý ở lại một mình. Xưa thì hách-dịch thế, nay thì khốn-khó trăm đường.

Không lẽ thầy Lý-cựa lại đi ăn xin, mà xoay nghề thì chẳng biết nghề gì. Một hôm thầy bắt được một hòn đá màu mài dao rất tốt. Thầy nghĩ: hay là đi mài dao thuê, nhân gần dịp Tết, nhiều nhà sửa mài lại dao kéo, có lẽ phát-tài.

Thầy liền làm nghề mài dao thuê, quả-nhiên thấy khá dần, mỗi ngày có thể mài được mấy chục con dao ở làng, ở chợ, xem ra đủ ăn lắm. Thầy Lý càng ngày càng có nhiều mối hàng quen, sau lại quen một bọn đồ-tề, họ thuê mài dao luôn, thầy Lý mài dao phát-tài, thành ra thầy chuyên hẳn nghề đó. Sau có kẻ nói đến tai thầy Lý việc 2 cái gò phượng đực cái đuổi nhau, nay đã bị ai đuổi biệt cả đôi, xé xuống lạch nước, người ta nghi là ông Tả-Ao đã đến đây, vì có câu truyện gì bất-bình, nên ông đã phải làm vậy.

Thầy Lý bấy giờ mới nhớ lại, nghĩ ra câu truyện khi trước, cái ông lão ăn xin bảo: « Muốn mài dao rồi ông cho được mài dao ».

Nhưng nhiều người nghèo khổ ở làng, thấy thầy Lý cự xoay nghề mài dao phát tài, họ cũng bắt trước đi làm nghề ấy, ai nấy đều đủ ăn. Thành ra thầy Lý là ông « chóp-bu » nghề mài dao của những dân mài dao ở làng đó.

### Ở hàng săng, chết bó chiều

**N**GHI rằng: mấy lần làm đất cho mình, táng hài-cốt cha mẹ mình đều hồng cả, đáng ăn, kết phát mười mười mà trời không cho, ông Tả-Ao đành chịu, không dám nghĩ chi tới việc làm đất cho nhà mình, nên ông chỉ vác ỏ đi làm tốt cho thiên-hạ.

Một khi ông đi đến Đọi-Sơn, thấy một huyệt đế-vương rất quý:

*Đầu gối núi Đọi,  
Chân đọi Tuân-Vương ;  
Huyệt phát Đế Vương,  
Lưu trường cửu đại*

Sau khi ông đọc kiêu rồi, chưa biết nghĩ ai là người đáng có phúc mà để cho kiêu đó. Mấy hôm ông cứ nghĩ vợ-vần mãi về kiêu đất quý.

Sau ông nhất định làm cho con rề, nó khác họ, hẳn là phải được, nghĩ rồi, ông bảo rề bốc ngôi mã bố, để ông táng vào đó. Rề cũng nghe lời bố vợ, thử xem kết-phát ra sao. Chắc mamm bố vợ giỏi địa-lý thể làm đất cho thì hẳn là phải phát to.

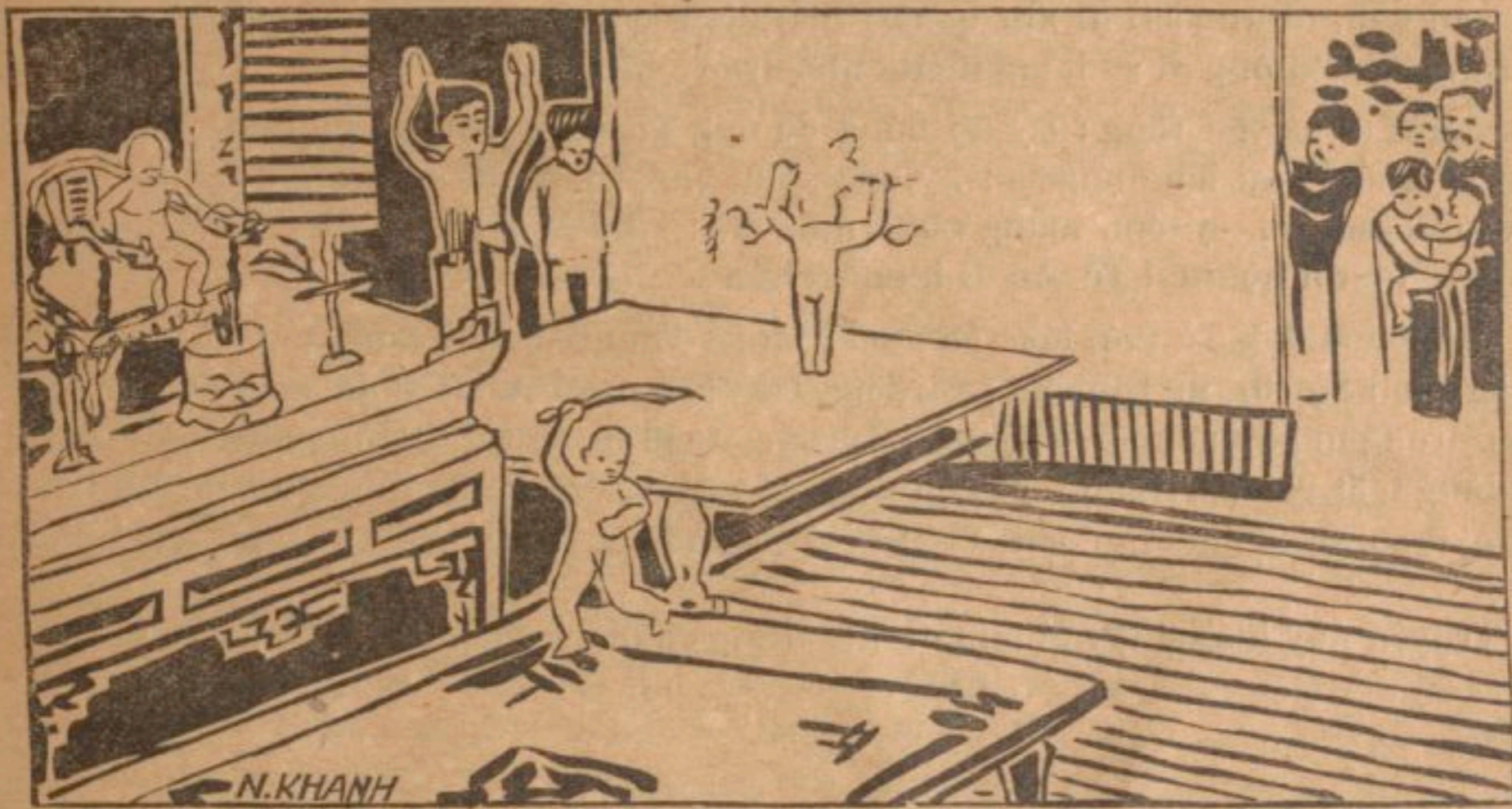
Quả-nhiên, sau khi táng được bách nhật, thì vợ có mang, chờ mãi đến mười mấy tháng trời rồi, mà cũng chẳng thấy đẻ cho, ai cũng cho là chữa trâu, duy có ông Tả thì vui lắm, cứ bảo rề là sẽ có con quý-tử ra đời, chớ lo ngại. Ông chỉ bảo qua cho biết thế thôi, vì không muốn tiết-lộ thiên-cơ.

Đã gần 2 năm mà bụng vợ vẫn to, chẳng đẻ, chàng rề phát lo, sợ bị bệnh gì chẳng, toan chữa thuốc, thì ông Tả nhất định bảo con rề cứ vững tâm, chờ ngày khai-hoa sẽ biết.

Thế rồi một hôm, ông Tả-Ao đi chơi xa vắng, thì con gái ở nhà đỡ giạ đẻ. Mà là đẻ

sinh ba, vừa mới ở trong thai ra, ba đứa đã biết chạy đi, đùa nghịch, làm cho 2 vợ chồng đều sợ hết hồn hết vía, bảo là quý xứ nhà trời, chớ không phải con. Mọi người gần lối xóm hay tin lạ ấy chạy tới xem đây nhà, ai cũng kinh-ngạc.

Ba đứa bé chạy nghịch chán, rồi một đứa leo lên ngai thờ ngồi, một đứa vợ lấy quần bút viết lia viết lịa lên tường, chẳng ra chữ gì, một đứa thì vợ lấy con dao chém ngang chém dọc, ý hình như một đứa làm vua, mà 2 đứa kia làm quan văn, quan võ vậy.



BA ĐỨA TRẺ MỚI ĐẼ, NHẢY, NHÓT HUYỀN-THUYỀN

Cứ thế cả đêm, làm như trò ma quỷ, vợ chồng bảo nhau đem cả ba đứa con chối vào nhau, rồi bỏ ở trong rừng mà về.

Mấy hôm sau, ông Tả-Ao về, hay việc đó, lấy làm thần-tích vô cùng, chỉ dậm chân mà kêu trời, dẫu làm đất cho con rề, phát trông thấy đến thế, mà đành chịu « hồng ăn », thì mới rõ câu phương-ngôn là đúng: « ở nhà hàng xăng, chết bó chiếu ».

Ông không trách con rề và con gái ngu-dại, ông chỉ trách số-phận và trách trời mà thôi!

Truyện này người viết đây không dám « bảo-hiêm », nhưng theo lời truyền lại, cứ xin chép làm vui.

### Phải đi ăn mây mới yên

CÁCH đây độ mười năm về trước, ta vẫn thấy có nhiều kẻ ăn mây, mặc rất nho nhã, lạnh sạch hần-hoi, thế mà đi ăn mây. Hễ ai hỏi: « sao lại đi ăn mây làm vậy? » thì những người ấy toàn đáp một câu: « chúng tôi là học trò nghèo, vì lỡ độ đường, nên phải ăn xin ».

Sự thực : ở trong có nhiều ủy-khúc.

Những người ăn mỳ ấy, không phải là ăn mỳ thực dàu. Họ toàn là người làng B. . D... cả (có nơi chép: họ là người ở A... Q..., Hưng-Yên), vì thành-hoàng làng họ là người ăn mỳ, nên dân đến khi vào hội, hàng năm phải chia nhau ra đi tứ xứ mà ăn mỳ, trong vòng một hai tháng mới về, đem hết tiền xin được ở các nơi ấy, về làm lễ tế thần ; nếu không theo tục đó, làng sẽ bị động, chết người hại vật. Tục ấy nghe dàu nay vẫn còn, nhưng chỉ đi xin quanh mấy làng gần đó, trong một vài ngày làm phép thể thôi, chớ không đi xa hàng tháng như trước nữa.

Người ta truyền rằng : sự đó cũng do ông Tả-Ao phản. Vì một khi ông qua chơi làng, bọn đàn anh lên đống cao-kỳ, mặc dầu ông Tả-Ao đã tự xưng danh là Tả-Ao mà họ vẫn không tin, lại còn mắng nhiếc một câu : « Tả-Ao dàu, lại như thằng ăn-mỳ thế này ! ». Thế rồi họ đuổi Tả-Ao đi không chừa.

Vì thế mà ông Tả thù, lén vào yểm ở miếu Thành-hoàng làng, làm cho ông Thành-hoàng phải bạt đi, mất thiêng ; rồi ông Tả khéo dụ ở dàu tên ăn mỳ đói sắp chết về ngủ ở trong miếu mà chết, được giờ thiêng, ông giúp sức cho, dùng phép hiền-linh cho dân làng biết, rồi báo mộng cho tiên-thứ-chỉ phải cứ hàng năm theo tục đó mà làm, nếu không theo, sẽ bị chết lụn-bại. Vì vậy mà từ đó làng ấy cứ phải theo tục-lệ, không dám bỏ.

Truyện này không lấy gì làm đích, nhưng cũng cứ chép làm tài-liệu về sau.

### Khỏe co-kéo rồi được kéo-co

**T**ẠI Thanh-Hóa có một ngôi đất to, ở giữa hai làng Nh...Kh... và Đẳng... (?). Hai làng vẫn lâm-le mời cho được ông Tả-Ao đến, để ông giúp cho ngôi đất ấy về làng mình.

Ông Tả biết vậy, liền vờ làm cao đặt giá : làng nào có đủ nghìn quan tiền đưa ngay cho ông, thì ông sẽ giúp.

Thành ra hai làng cứ tranh nhau mặc cả giá với ông, cao vót mãi lên, như bỏ thầu. Ông Tả chỉ buồn cười.

Một hôm ông ra xem lại ngôi đất quý ấy, để đặt thành kiếu, chẳng may bị dân hai làng biết, đồ xô nhau ra mời ông Tả về làng mình, bên kéo đi, bên co lại, quá hơn bắt nợ, làm ông Tả phải một phen rách xơ-lơ cả khăn áo. Mặc dầu ông dàn-xếp đủ mọi cách, mắng là vô-lẽ, bảo không giúp cả hai làng, thế mà dân hai bên cứ tranh nhau mời cho được ông về làng mình.

Làng Nh...-Kh... đặt giá cao hơn : một nghìn ba trăm quan, lại mạnh sức hơn, nên kéo được ông Tả về làng. Tưởng họ thành tâm thực, ông cũng định giúp cho, ai ngờ đến khi họ đắc thắng, kéo được ông về đình làng rồi, họ xoay ngay đống, nói là không đủ tiền, chỉ có một nghìn quan thôi, còn thiếu ba trăm quan, họ kéo-cò xin ông bớt cho. Ông Tả nhất định giữ lời, bảo : đã mặc-cả rồi, hơn giá mời được, nay thiếu tiền thì thôi, nhất định không làm.

Làng lại xoay động, xin đưa ngay nghìn quan trước, còn ba trăm quan, khát xong việc, sẽ đâu có đó. Ông Tả cũng thừa biết là bọn họ xử lừa, xong việc thì họ quyt, nên kể đà-đao ông đã sắp sẵn cả rồi.

Đến khi làm, xoay hướng đình, ông làm đúng kiểu-cách, duy còn một việc dẫn mạch thì ông bỏ lại chưa làm vội, rồi ông cứ bảo thế là xong rồi, đòi nốt ba trăm quan, để đi.

Làng tưởng thế là xong rồi thực, liền dỡ động quyt ba trăm quan tiền còn thiếu, đúng như ý ông Tả-Ao đã đoán trước. Bấy giờ ông Tả mới nói cho làng hay là: ông quên chưa đi dẫn mạch, mới cầm hướng thế thôi, có đưa nốt ba trăm quan thì ông mới đi dẫn mạch lại cho, không thì phí nghìn quan tiền toi.

Bị miếng cay ấy, làng phải xếp đủ nốt ba trăm quan ra, ông Tả sai người khiêng hết tiền đi, để một nơi ông chỉ, rồi ông mới đi dẫn mạch.

Xong việc, làng chắc mẫm là được ngôi đất ấy, ai ngờ ông dẫn mạch phản, làm cho làng đó mất tiền mua lấy cái ách. Ông Tả đem một nghìn ba trăm quan tiền về giúp anh một ít, còn dư đều phát hết cho các kẻ nghèo ở làng ông.

Ba năm sau, làng Nh... Kh..., chẳng còn thấy ai đổ-đạt gì nữa, mà đường làm ăn càng kém-sút, dân làng nghèo xơ-xác cả.

Nhân ở làng có người làm nghề thợ cưa, duy người ấy còn khá hơn cả, là vì có nghề. Người ấy lại nhận được nhiều việc ở các đình làng bên, thuê cưa sẽ gỗ rất nhiều, nên mới về làng, đủ nhiều người sắm cưa, đi làm thợ xẻ; không bao lâu nhờ nghề cưa xẻ ấy mà làng xem ra lại có cơ văn-hồi được.

Vì vậy dân làng, hầu hết làm nghề thợ cưa, bấy giờ họ mới biết là ông Tả-Ao phản, đi tìm ông Tả, thì ông Tả đã đi từ đời « tám-hoánh » nào rồi, còn đâu !!

### Ai vô phúc hãy trêu ghẹo vào ông

**D**ÂN làng X... C... nghe có người nói ông Tả-Ao đang ở trong làng mình xem đất. Máy ông đàn anh làng bảo nhau, đi tìm coi cho biết mặt ông Tả.

Ra đồng làng, thấy một ông lão đang đứng ngắm các kiểu đất. Đoán chắc đấy là ông Tả-Ao rồi, nên bảo nhau lại chào, và cố mời về nhà Lý-trưởng, làm cơm rượu thết-đãi.

Trong lúc ăn uống, các ông cố gởi truyện địa-lý ra nói, nhưng ông Tả không nói gì tới việc đó, chỉ khen các ông thiệp, tử-tế quá!

Ăn uống xong, ông Tả nhất định đòi đi, các ông đàn anh làng nói: « chẳng mấy khi, có phước mới gặp được cụ, xin mời cụ ở chơi, rồi xem qua cho hướng đình làng một tý, nhờ cụ giậy bảo mấy lời, may ra làng được ơn cụ đôi chút ». Ông Tả thấy nói, cũng

nề lời, ra đình ngẫm-nghĩa một lúc, rồi lấy tróc-long và la-kinh ra phân hướng. Ngẫm xong, ông chỉ nói qua-loa là làng yên, nhưng nếu chữa được một tí thì làm ăn khá hơn. Ông nói thế, rồi bỏ đồ lễ vào dẫy toan kiếu đi, thì các ông đàn anh làng cứ nằng-nặc mời ông về nhà Lý-trưởng ở chơi một tối thôi. Đành phải nề lòng, quay lại, hôm ấy lại là ngày phiên chợ làng, các ông mời ông Tả ra chơi chợ.

Nhưng các ông đàn anh làng đã lập kế, xui nhau: khi vào chợ, lừa dịp ăn cắp cái dẫy của ông Tả, mất tróc-long và la-kinh, thì thế nào ông Tả cũng phải ở chơi lâu làng mình, bấy giờ tất là ông Tả phải tận tâm giúp việc.

Nên khi vào chợ chơi, ông Tả vô tình ngồi hàng nước uống nước ăn trà, ngoảnh đi ngoảnh lại, mất ngay cái dẫy. Đến lúc đứng dậy mới biết là mất, ông dẫy này người, bắt đền thầy Lý.

Các ông đàn anh cứ vờ hỏi nhau, rồi đi tìm kẻ cắp quanh chợ. Sau ông Tả nhất định đi, làm mất giận, không ở nữa, thì thấy thầy Lý dấu dẫy nói: «Mời cụ cứ ở nán lại ít bữa, thế nào tôi cũng cho trẻ đi tìm được cái dẫy ấy về trả cụ, mất ở địa-phận làng đây, tôi xin chịu trách-nhiệm». Nghe qua lời thầy Lý, ông Tả hiểu ngẫm ngay là họ muốn dử mình ở lại lâu, nên mới xoáy cái dẫy của mình.

Biết thế, ông càng làm già, nhất định đòi đi, không ai giữ lại được. Các ông đàn anh làng chỉ lấy mắt đưa nhau.

Ông đi đâu? Đi lại miếu Đức Thánh-Bà, nơi tụ mạch, thiêng nhất ở làng đó. Chẳng hiểu ông làm phép ở đó ra sao mà thầy Lý về nhà đau bụng lăn giường trên xuống giường dưới, tưởng đến chết mất. Các người bàn nhau: «có lẽ tại ăn cắp cái dẫy của Tả-Ao, lão ta vào kêu ở miếu Bà, có người nom thấy rõ-ràng mà. Thôi, để mọi người đi đón lão ấy về, trả lại cái dẫy cho rồi, không thì chết mất».

Tức thời, mỗi người chạy đi một phía tìm đón ông Tả-Ao về. Quả-nhiên đón được về, mọi người lấy cái dẫy ra trả, và tạ tội hộ thầy Lý, và xin nghĩ tình kêu lại Đức-Bà cho, kéo thầy Lý chết mất. Ông Tả chỉ cười, rồi bảo: «Thôi, cũng là lòng thành, thầy Lý muốn ta ở lại chữa giúp hướng đình cho dân, nên đánh lừa, lấy cắp của ta, kẻ cũng tốt bụng với dân dẫy, ta đùa chơi thế thôi, để ta giải phép cho». Nói rồi, ông Tả chạy ra sân, làm-dâm đọc mấy câu thần-trú, rồi nện chân xuống đất mấy cái, tức thời thầy Lý ở trong nhà nằm yên, không dẫy chết nữa!

Ông Tả vào nhà, mọi người đều lạy tạ ơn, thầy Lý cũng ngồi dậy lạy tạ, thú thực xin sự phép cụ rồi. Ông Tả chỉ mỉm cười, hứa: «mai sớm sẽ giúp cho dân làng cái hướng đình, rồi dân làng làm ăn khá hơn nay nhiều».

Hôm sau, ông Tả cầm lại hộ hướng đình thực, nhưng hơi phẩn một tí ở trong, ai họa có tài ngang với ông mới có thể biết được.

Cầm xong hướng đình, ông cáo từ ra đi, làng đưa tiễn ra tạ, ông không lấy, chỉ xin cái nậm rượu cổ của thầy Lý để đựng nước uống khi đi đường.

Quả-nhiên sau khi xoay hướng đình, được một năm, thì làng khá lắm, dục-dịch có vài người đỗ, nhiều nhà làm giàu rất dễ, cả làng làm ăn thấy dễ chịu.



Nhưng duy có một tật, không ai bảo ai, mà ai cũng có tật ấy. Là thò ra ngoài, hễ thấy cái gì của ai hay, cũng động lòng tham muốn, táy-máy chực lấy cắp của người ta, mà không bao giờ lấy chôi cả, chỉ thêm bẽ mặt và mang tiếng là «xấu chơi». Từ kẻ giàu cho chí kẻ sang, ai cũng có cái nết quý-hóa ấy.

Đáng phục ông Tả-Ao là thánh thực !!

### Thôi nghề địa-lý

**K**Ề ra cho hết truyện ông Tả đi làm đất hộ người ta thì còn nhiều lắm, không sao kể hết. Ta chỉ nên biết rằng: suốt ở Trung, Bắc-kỳ, hầu hết các tỉnh, ông có đi qua, nội là các kiều đất quý, hoặc đề rồi, hoặc chưa táng, đều có kiều đề lại đặt bằng vè, bằng thơ, như lời sấm cả, nhiều người còn nhớ được.

Vùng Bắc-Ninh có nhiều huyết quý, nên ông Tả hay qua lại nhất, đã từng giúp cho nhiều nhà, to thì đến Tiên-Sĩ, Thượng-Thư; nhỏ cũng làm nên giàu có, hùng-trưởng, nhiều họ còn ghi truyện vào gia-phả.

Từ khi ông qua làng Thiên-Mỗ, thấy có ngôi đất to, muốn táng cho nhà họ Trần, nhưng ba lần đặt chóc-long xuống đều đổ, ông liền hô thần hỏi, thì thần nói: «Đó là huyết quý, trời đã đề dành cho nhà Nguyễn-quý-Đức rồi, ông không nên cưỡng mà đề cho họ Trần, mà rồi mang vạ đó. Ông đi khắp thiên-hạ, mà chưa làm được ngôi nào cho nhà cả, chỉ làm được cho người, xuy đó thì rõ».

Từ đấy, ông tỉnh-ngộ, không dám khinh-thường đề mả cho ai nữa. Ông quay về nhà, đặt nhiều bài dạy đời làm địa-lý, nhiều bài thi-ca về các kiều đất, và viết bộ sách «Di-Ngôn-Dã-Đàm», trong có chép nhiều truyện, do tay ông đề mả làm phúc cho mọi người. Đến nay, vì con cháu ông xa xút, nên văn ông cũng bị thất-lạc mất nhiều.

Nay tôi chỉ còn chép lại được ít câu như sau đây :

### VĂN ÔNG TẢ-AO GIẤY LÀM ĐỊA-LÝ

*Chương này ta đề truyền hậu thế,  
Ai học địa-lý cứ dấy mà theo :  
3 Một là hay học cang kiêu,  
Hai là ý cứ mỗi điều phương-ngôn.  
5 Ba là học thuộc ca nôm,  
Bốn là coi sách mà thăm cho cùng ;  
7 Chăng qua ra đến ngoài đồng,  
Xem nước, xem mạch, xem long, mời tường.  
9 Mạch có : mạch âm, mạch dương,  
Mạch nhược, mạch cường, mạch tử, mạch sinh.*

11 Sơn cốc mạch di rành-rành,  
 Bình-dương mạch lẫn, nhân-tình khôn thông.

Có mạch qua ao, qua sông,  
 Qua đầm, qua núi, qua đồng, qua non.

15 Lại có mạch phát ngôi dương,  
 Nhìn xem cho tường, ấy mạch làm sao,  
 Mạch thô, đi chẳng khấp vào.

Vốn đi một chiều, ấy mạch phát dương.

19 Ba mươi sáu mạch cho tường,  
 Trước là cứ sách, sau y lời truyền.

Ruộng cao uốn xuống, thì mạch tàng trên,  
 Ruộng thấp uốn lên, thì mạch tàng dưới.

23 Bình-dương mạch, chẳng nề trăm gối,  
 Hễ chinh long, thời tả hữu triều lai.

Đâu có long chân, huyết chinh,  
 Thời có sơn-thủy gối kê.

Những trên sơn cốc non cao,  
 Cường-long, thô-mạch, thế nào mới hay.

29 Tim nơi mạch nhược, long gây,  
 Nhất thời oa-huyết, nhị thời tàng-phong.

Đất có cát-địa, chân-long,  
 Tàng cho phải hướng, anh-hùng giàu sang.

Nọ như dưới đất bình-dương,  
 Mạch thông giác diên, xem tường mới hay.

35 Bình-dương lấy nước làm thầy,  
 Thứ nhất khai-khẩu, thứ nhì nhũ-long.

Thứ ba mạch thất cổ bông,  
 Thứ tư sơn chỉ hồi long càng tài.

Muốn cho con cháu tam-khôi,  
 Phương Nam có bút, phương Đoài có nghiên.

Muốn cho con cháu Trạng-Nguyên,  
 Thời tìm bút lập hai bên sắp bày.

43 Thứ nhất : tân-tồn mới hay.  
 Bình, đinh, đoài, căn, sắp bày dột lên.

Bút lập là bút Trạng-Nguyên,  
 Bút thông giác diên, là bút Thâm-hoa,

Thấy dấu sơn-thủy : thượng dột, hạ hoa,  
 Nhìn xem cho kỹ, sẽ là đất hay.

Khuyên ai học làm thầy địa-lý,  
 Trước phải đọc sách, sau là lượng cao.

Dù ai khôn-khéo thế nào,  
 Học mà chẳng xét ấy là vô-tông.

53 Thất cổ bông, vòng ra có huyết,  
 Xem cho biết : mộc tiết, kim loan.

Mộc-tiết văn đồ Trạng-Nguyên,  
 Kim-loan, vô, được tước quyền Quận-Công.

Con Mộc vốn thuộc phương Đông,  
 Con Kim tinh nó về giòng phương Tây.  
 58 Xem cho biết nó mới hay,  
 Táng cho phải hướng, thực rầy vinh-hoa.  
 Thất cống cả, phi ra mới kết,  
 Xem cho biết : huyết cát, huyết hung.  
 Huyết cát : nước tụ vào lòng,  
 Đồi bên long hồ uốn vòng triều lai.  
 Huyết hung : minh-đường bất khai,  
 Sơn tà thủy xạ, hướng ngoài tà-thiên.  
 Táng xuống linh-xảng bất-yên,  
 Con cháu thường thường phải bệnh ốm đau.  
 Muốn cho con cháu sống lâu,  
 Đã bên huyền-vũ, bên sau cao-dầy.  
 70 Long hồ bằng như chân tay,  
 Chẳng có tá-hữu, bằng ngay chẳng lạnh.  
 Kia như đất có ngũ-tinh,  
 Nhận xem cho biết tương sinh loan-hoàn.  
 Muốn cho con cháu nên quan,  
 Thời tìm thiên-mã phương Nam đứng châu.  
 Muốn cho kế thế công hầu,  
 Thời tìm chiêm trống bày châu hai bên.  
 Ngũ-tinh cách tụ triều nguyên,  
 Kim, mộc, thủy, hỏa, bốn bên loan-hoàn.  
 60 Thổ-tinh kết huyết trung-ương,  
 Ấy đất sinh đế, sinh vương đời đời.  
 Thiên sơn vạn thủy triều lai,  
 Can, chi, bát-quái, trong ngoài tôn-nghênh.  
 Nhị thập bát tú thiên-tinh.  
 Tại thiên chiếu huyết, rành rành chẳng sai..  
 Ngòi đế-vương, mặc trời, chẳng dám (Tả-Ao tự thán)  
 Huyết khanh-tướng, chẳng kiếm ai cho.  
 Đất khai-hoa, nhìn xem cho kỹ,  
 Thấy thì làm, chớ để lưu tâm.  
 90 Trên sơn-cốc xa-xăm cũng táng,  
 Dưới bình-dương nửa tháng cũng đi.  
 Minh-sinh, ám-tử, vô-di,  
 Cõi đi xem lại, quản chi nhọc-nhần.  
 Quả nhiên huyết chinh, long trâm,  
 Tiêu sa, nạp thủy, chớ làm một ly.  
 Táng thời phúc lý tuy chi,  
 Trám-anh bất tuyết, thi-thư thế truyền.  
 Muốn cho con trưởng phát tiên,  
 Thời tìm long nội đất liền qua cung.  
 100 Thanh-long, liên-châu, cao-phong,  
 Kim-tinh, thổ-vũ, phát dòng trưởng nam.

102 Con gái về bên hồ-san,  
 Cờ cao thì phát, sơ bàn cho thông.  
 Phấn-hồ, con gái lộn chồng,  
 Phấn-long, trai nó ra lòng bất-nhân.  
 Vô long như người không chán,  
 Vô hồ như đĩa ở trần, không tay.  
 Trong long hồ, lấy làm thầy trước,  
 Sau sẽ tìm lấy chỗ huyết chôn,  
 110 Phấn long, nam-tử ly hương,  
 Về bên con gái, bỏ làng mà đi.  
 Nước chẳng tụ, đường kẻ chi,  
 Kiếm ăn dầu khá, song thì lại không.  
 Con trai thì ở bất trung,  
 Con gái thất tiết, chẳng dùng cả hai.  
 Thấy đầu long, hồ triều lai,  
 Minh-dương thủy tụ, huyết tài mới hay,  
 Tiên quan, hại quý, sắp bày,  
 Án dầy muốn thấp, triều dầy phải cao.  
 120 Xem huyết nào làm cho phải phép,  
 Chớ đảo xâu mà thiệt như không.  
 Kia ai địa-lý vô tông,  
 123 Chẳng cứ dùng phép, cũng giòng danh-sư !!

MỘT BÀI NỮA, CHỈ CHÉP ĐƯỢC MẤY CÂU :

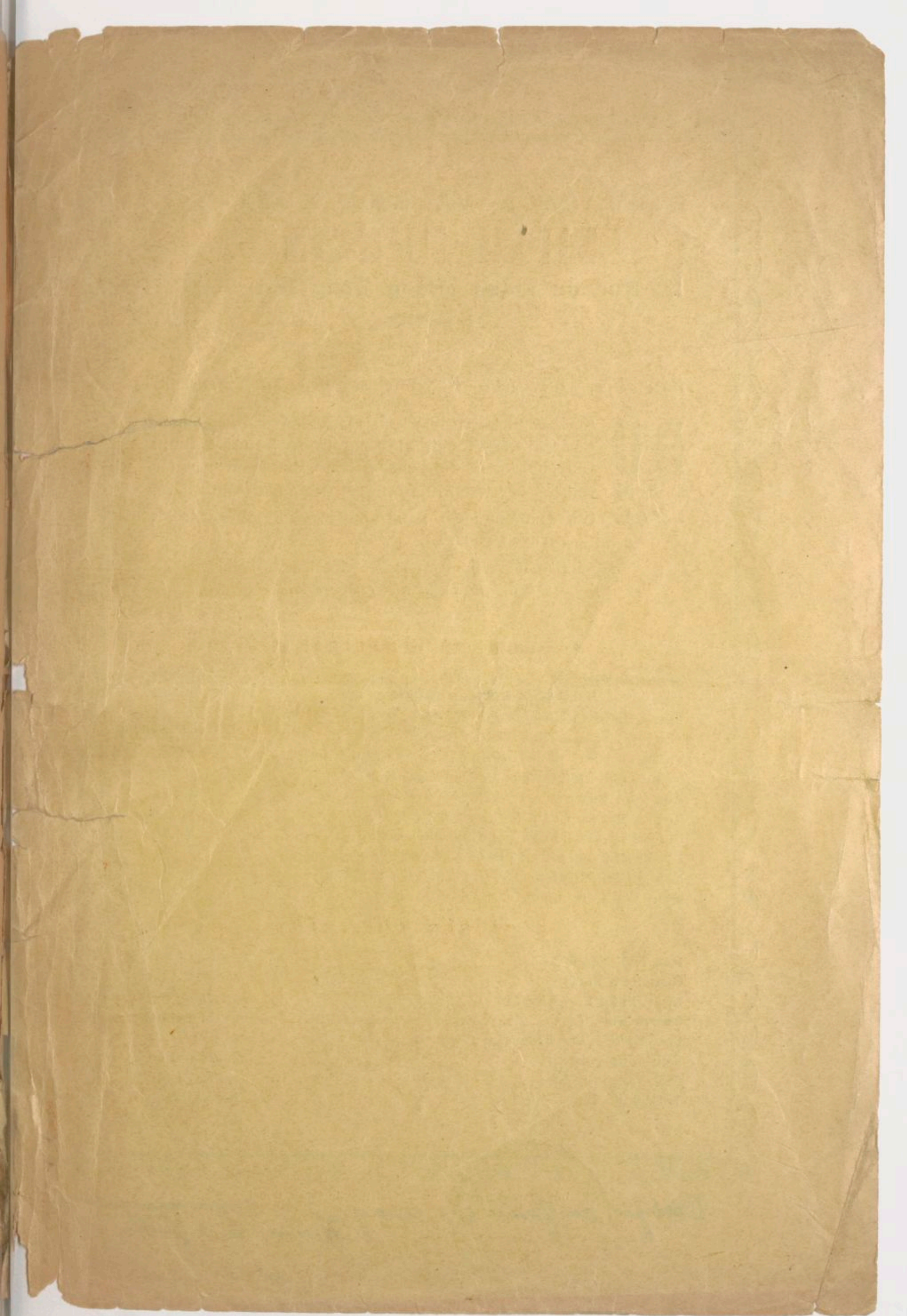
.....  
 Một là nho đạo chi tôn,  
 Phò vua, giúp nước, ghi son rành-rành.  
 Hai là tướng, địa, cho tinh,  
 Giúp người có phúc, hiển-vinh đời đời.  
 Ba là y dược thượng tài,  
 Hộ mình, lại cứu được người bốn phương.  
 Khuyên ai học lấy đạo thường,  
 Từ thời là nghề công, thương, cho cần.  
 Chớ tham học lối ngoan-ngán,  
 Ất là gia-đạo khó-khẩn chẳng tuyền.....

MỘT BÀI GIẤY ĐÀN-BÀ LÀM ĐỊA-LÝ, CHỈ CÒN SÓT LẠI MẤY CÂU :

Thè-lè lưởi trai, không ai thì nó ; — Khom-khom gọng vô, không nó thì ai. —  
 Đằng sau có ruộng giồng đồ, đằng trước có lỗ đồng chiêm, hai bên có cầu-liêm ngoặc  
 lại... (ai biết, chép dùm nốt cho cả bài, cảm ơn).

**CẢI - CHÍNH**

Trang 35.	dòng thứ 30,	trước là	ông nom	xin đọc: ông Tú nom
» 45	» 3	»	ba phần	» hai phần
» 51	» 18	»	và chua-ngoà	» mà chua-ngoà



HIỆU SÁCH VÀ NHÀ XUẤT-BẢN

# MINH-PIUONG

13, Rue du Coton (Hàng Bông Hải) HANOI

*Bán theo giá bên Pháp (Au prix de France)*

**ĐỦ** Các sách tây từ bậc sơ-đẳng đến bậc cao-học.  
**L Ầ M** Các loại tiểu-thuyết chữ Pháp. Có sách mới về luôn.  
**NHẬN** Giấy, bút, vở, đồ dùng của học-sinh. Bán buôn và bán lẻ.  
Đại-lý các báo-chi, tiểu-thuyết trong cõi Đông-Pháp.  
Gửi « commandes » sang Pháp và đóng các thư sách truyện vân vân.

Ngài nào cần đến thư gì xin viết thư hỏi giá  
(nhớ dính theo 0\$05 timbre để trả lời.)

## SÁCH ĐÃ XUẤT-BẢN :

Rạch Đồi Sơn Hà của Quan-Viên trọn bộ.. .. .	0\$20
Thành địa-lý Tả-Ao của Quan-Viên trọn bộ.. .. .	0,25
Người Đẹp Mài Gươm của Tân-Hiến trọn bộ.. .. .	0,60
Thuyền Mơ của Thao-Thao toàn tập. . . . .	0,15
Thiếu-Lâm Nữ-Hiệp của Hoàng-Trọng-Vượng trọn bộ. . . . .	0,50
Rừng-Xanh Máu-Đỏ của Đỗ-Văn-Lâm trọn bộ .. . . .	0,35
Hồn Non Nước của Đỗ-Văn-Lâm trọn bộ .. . . .	0,15
Dưới Vuốt Cọp của Võ-Công-Tài trọn bộ .. . . .	0,15
Nghề Bùn Chơi Xuân của Quan-Viên. . . . .	0,20
Lối vô thực-hành của Quan-Viên, mỗi số.. . . .	0,04
Kiến-Khôn Võ-Hiệp của Trần-Tuấn-Khải, mỗi số.. . . .	0,03
Sách Xanh của nhiều văn-sĩ hợp-tác, mỗi tập.. . . .	0,03

## SÁCH SẴP XUẤT-BẢN :

Hoa Trôi Mặt Biển... .. .	của Trịnh-Đình-Bur
Giàu Hơn Sang .. . . .	của Trần-Trung-Viên và Ngô-Thế-Phổ
Ngày Xuân La-Bích-Vân .. . . .	của Tân-Hiến
Gươm Thề. . . . .	của Tân-Hiến
Chu Nhất Kiếm Phiêu Lưu Ký.. . . .	của Tân-Hiến
Mạc-Công-Nương. . . . .	của Tân-Hiến
Phù-Tang Nữ-Kiệt. . . . .	của Tân-Hiến
Thi-Sỹ Vô Danh.. . . .	của Thiều-Quang

Certific conforme au tirage de 2000 exemplaires  
Paris le 3 juillet 1936  
Imp. Trung-Bao Tân-Vân - 61-63, Rue du Coton, Hanoi  
Dhanh